**Tiết 69 -70 :TT theo KHDH**

**TÊN BÀI HỌC :**

**NGHĨA CỦA CÂU**

**Thời lượng : 2 tiết**

1. **MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Hiểu được khái niệm “ nghĩa sự việc”, “nghĩa tình thái” – hai thành phần nghĩa của câu. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa của câu | **Đ2** |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến nghĩa của câu | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích nghĩa tình sự việc, nghĩa tình thái trong câu. | **Đ4** |
| **5** | Phân loại được các nghĩa sự việc và các nghĩa tình thái | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc nghĩa của câu | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về nghĩa của câu vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Việt;ý thức vận dụng viết câu văn đoạn văn biểu lộ nghĩa tình thái | **TN** |

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**
2. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…
3. **Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...
4. **TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**
5. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(10 phút)** | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến nghĩa của câu | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ** | I. Hai thành phần nghĩa của câu.  II. Nghĩa sự việc  1. Các biểu hiện của nghĩa sự việc.  2. Luyện tập  III. Nghĩa tình thái  1. Sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu  2. Tình cảm, thái độ của người nói, đối với người nghe  3. Luyện tập | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm hai thành phần nghĩa của câu. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp học**

**2. Bài mới**

**HĐ Khởi động (cả 2 tiết).**

**a. Mục tiêu**: Kết nối - **Đ1, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 3 câu văn có dấu 3 chấm.

**c. Sản phẩm:**

(1) **Thành phần tình thái** *được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.*

*(2.* **Thành phần cảm thán** *được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...).*

*(3.).* **Các thành phần tình thái, cảm thán***là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.*

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **\*GV giao nhiệm vụ**: Dựa vào kiến thức đã học về cac thành phần câu trong chương trình Ngữ văn 9, em hãy điền vào chỗ trống các câu sau:  (1)……………….*được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.*  *(2)……………….được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...).*  *(3)………………là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.*  **-GV nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  **\* HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài****: Trong phần Ghi nhớ sách Ngữ văn 9, tâp hai, NXB Giáo dục Hà Nội, 2005 đã tổng kết tác dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán trong câu. Để thấy rõ hơn 2 thành phần nghĩa này, chúng ta đi vào tìm hiểu bài NGHĨA CỦA CÂU.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HĐ 1: Tìm hiểu hai thành phần nghĩa của câu**

1. **Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi làm nổi bật 2 thành phần nghĩa của câu.**

**c. Sản phẩm:**

- Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần nghĩa tình thái.

- Các thành phần nghĩa của câu thường có quan hệ gắn bó mật thiết. Trừ trường hợp câu chỉ có cấu tạo bằng từ ngữ cảm thán, nghĩa tình thái.

**\*. Tìm hiểu ngữ liệu:.**

+ Cặp câu a1/ a2 đều nói đến một sự việc.

Câu a1 có từ *hình như:* Chưa chắc chắn.

Câu a2 không có từ *hình như:* thể hiện độ tin cậy cao.

+ Cặp câu b1/ b2 đều đề cập đến một sự việc.

Câu b1 bộc lộ sự tin cậy.

Câu b2 chỉ đề cập đến sự việc

**\* Kết luận:** - Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :** Em biết gì về Hai thành phần nghĩa của câu ?  **Trong hoạt động :Em hãy** đọc mục I.1 SGK và trả lời câu hỏi tìm hiểu.  Các em hãy chuẩn bị để :   * ***Hoạt động nhóm :***   **\* CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**  **- Giáo viên giao nhiệm vụ**  **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**  **NHIỆM VỤ CỤ THỂ GV GIAO (chiếu sile)**  + Nhóm 1 : So sánh cặp câu a1- a2  + Nhóm 2 : So sánh cặp câu b1- b2   * **Từ sự so sánh trên em rút ra nhận định gì?**   **- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  **HS làm việc nhóm.**  + Nhóm 1 : So sánh cặp câu a1- a2  + Nhóm 2 : So sánh cặp câu b1- b2  **- HS thảo luận khoảng 5 phút**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**  HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)** |

**HĐ 2.TÌM HIỂU NGHĨA SỰ VIỆC :**

**b.Nội dung hoạt động:**

- Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa ứng với sự việc mà câu đề cập đến.

- Nghĩa sự việc trong câu rất đa dạng:

- Nghĩa sự việc của câu thường được biểu hiện nhờ những thành phần như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ và một số thành phần phụ khác.

**c. Sản phẩm:**

- Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa ứng với sự việc mà câu đề cập đến.

- Nghĩa sự việc trong câu rất đa dạng:

+ Câu biểu hiện hành động.

+ Câu biểu hiện trạng thái, tính chất, đặc điểm.

+ Câu biểu hiện quá trình.

+ Câu biểu hiện tư thế.

+Câu biểu hiện sự tồn tại.

+ Câu biểu hiện quan hệ.

**d. Tổ chức dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động:** Em tìm nghĩa sự việc bằng cách nào?  **Trong hoạt động :** Em hãy đọc mục II. SGK và trả lời các câu hỏi:  - Nghĩa sự việc là gì?  - Có những nghĩa sự việc nào?  **-GV chuẩn xác kiến thức.**  ***Bài tập trả lời nhanh:***  GV treo bảng phụ ghi những câu văn, câu thơ. GV yêu cầu HS trả lời nhanh nghĩa sự việc trong các câu.  - Nghĩa sự việc của câu thường được biểu hiện nhờ những thành phần ngữ pháp nào của câu?  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ  - GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ -sgk | **-** HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  HS suy nghĩ và trả lời nhanh **(cá nhân)**  HS suy nghĩ và trả lời nhanh **(cá nhân)**  **- HS đọc to, rành mạch** |

**HĐ LUYỆN TẬP**

1. **Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động: HS làm** 3 bài tập

**c. Sản phẩm:**

**c1.Bài tập1:**

- câu 1: Sự việc – trạng thái

- câu 2: Sự vịêc - đặc điểm

- câu 3: Sự việc - quá trình

- câu 4: Sự việc - quá trình

- câu 5: Trạng thái - đặc điểm

- câu 6: Đặc điểm - tình thái

- câu 7: Tư thế

- câu 8: Sự việc - hành động

**c2. Bài tập 2:**

\* - Nghĩa sự việc: Xuân là người danh giá nhưng cũng đáng sợ.

- Nghĩa tình thái: thái độ dè dặt khi đánh giá về Xuân qua từ : *kể, thực, đáng*

\*Nghĩa sự việc: hai người đều chọn nhầm nghề.

Nghĩa tình thái: sự phỏng đoán về sự việc chưa chắc chăn qua từ “ *có lẽ”*

\* Nghĩa sự việc: mình và mọi người đề phân vân về đức hạnh của con gái mình

Nghĩa tình thái: khẳng định sự phân vân về đức hạnh sự phân vân về đức hạnh của cô gái mình: “*dễ, chính ngay mình”*

**c3**. **Bài tập 3.**

- Phương án 3.

**d. Tổ chức dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **-GV giao nhiệm vụ cho các nhóm.**  **- GV nhận xét và cho điểm.**  **- GV phân công nhiệm vụ:**  - Nhóm 1: Bài tập 1 - 4 câu đầu  - Nhóm 2: Bài tập 1- 4 câu cuối  - Nhóm 3: Bài tập 2  - Nhóm 4: Bài tập 3. | **-Các nhóm thảo luận và cử đại diện trình bày.**  - Nhóm 1: Bài tập 1 - 4 câu đầu  - Nhóm 2: Bài tập 1- 4 câu cuối  - Nhóm 3: Bài tập 2  - Nhóm 4: Bài tập 3. |

**TIẾT 2 :**

**HOẠT ĐỘNG 1 : TÌM HIỂU NGHĨA TÌNH THÁI.**

1. **Mục tiêu : Đ1, Đ2, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động :** Trả lời câu hỏi :

**c.Sản phẩm :**

1. Khái niệm.

- Nghĩa tình thái biểu hiện thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.

2.Hai trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái.

*a. Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu.*

- Khẳng định tính chân thực của sự việc

VD : *Thật hồn !Thật phách ! Thật thân thể.*

- Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao hoặc thấp.

VD : *Trời lại phê cho : « Văn thật tuyệt »*

*Văn trần được thế chắc có ít.*

- Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương diện nào đó của sự việc.

- Đánh giá sự việc có thực hay không có thực đã xảy ra hay chưa xảy ra.

VD : *Những áng văn con in cả rồi.*

- Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc.

VD : *Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu*.

b. *Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe.*

- Tình cảm thân mật, gần gũi.

- Thái độ bực tức, hách dịch.

- Thái độ kính cẩn.

**1. Khái niệm:**

**2. Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái**.

a. Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu.

b. Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe.

**d. Các bước dạy học**.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| - **Trước hoạt động** : Khi nói hoặc viết, em có thường bộc lộ thái độ của mình về vấn đề mình nói không ?  **- Trong hoạt động** : Em hãy đọc mục III.SGK và trả lời câu hỏi.  - Nghĩa tình thái là gì ?  - Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái?  GV hướng dẫn HS các ví dụ SGK và lấy thêm các ví dụ trong *« Hầu trời »* - Tản Đà.  **- Sau hoạt động** : GV lấy thêm vài ví dụ để HS tìm nghĩa tình thái.  - GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ | - HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**  - HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**  - HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**  **- HS suy nghĩ và tìm nghĩa tình thái trong ví dụ.**  **HS đọc to, rõ ràng.** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP (RIÊNG VÀ CHUNG CẢ CHỦ ĐỀ)**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động: HS làm 4 bài tập**

**c. Sản phẩm :**

Bài tập 1.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghĩa sự việc | Nghĩa tình thái |
| a. Hiện tượng nắng mưa ở hai miền khác nhau. | *Chắc:* Phỏng đoán độ tin cậy cao |
| b. ảnh của mợ Du và thằng Dũng | *Rõ ràng là*: Khẳng định sự việc |
| c. cái gông | *Thật là*: Thái độ mỉa mai |
| d. Giật cướp, mạnh vì liều | *Chỉ:* nhấn mạnh; *đã đành*: Miễn cưỡng. |

Bài tập 2.

- *Nói của đáng tội:* Rào đón đưa đẩy.

*- Có thể:* Phóng đoán khả năng

*- Những:* Đánh giá mức độ cao( tỏ ý chê đắt).

*- Kia mà:* Trách móc( trách yêu, nũng nịu )

Bài tập 3.- câu a: *Hình như*

- câu b: *Dễ*

- câu c: *Tận*

Bài tập 4:

Đặt câu:

* ***Bây giờ chỉ 8h là cùng.***

🡪 phỏng đoán mức độ tối đa.

* Chả lẽ nó làm việc đó.

🡪 chưa tin vào sự việc.

**d. Các bước dạy học :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **GV PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**  Nhóm 1 : Bài tập 1.  Nhóm 2 : Bài tập 2  Nhóm 3 : Bài tập 3.  Nhóm 4: Bài tập 4.  **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **-Trao đổi, thảo luận nhóm làm bài tập.**  **-HS thảo luận, cử đại diện trình bày.** |

**HĐ Luyện tập cho cả chủ đề**

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu văn.

**c. Sản phẩm:**

Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu sau:*“Tiếng trống thu không trên cái chòi canh của phố* *huyện. Từng tiếng một vang xa gọi buổi chiều”*

+ Nghĩa sự việc: Câu thông báo sự việc tiếng trống thu không điểm để báo hiệu chiều sắp tàn.

+ Nghĩa tình thái: cho thấy thái độ man mác buồn của người viết trước cảnh chiều tàn.

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **GV ra bài tập :**  Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu sau:*“Tiếng trống thu không trên cái chòi canh của phố* *huyện. Từng tiếng một vang xa gọi buổi chiều”*  **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS suy nghĩ làm bài.**  **- Trình bày sản phẩm.** |

**HĐ Vận dụng.**

**a.Mục tiêu**: **Đ5,** **V1**

**b. Nội dung hoạt động: viết đoạn văn**

**c.Sản phẩm: hoàn thiện 1 đoạn văn 200 chữ cảm nhận về chi tiết bát cháo hành** (trong đó sử dụngdụng đa dạng các nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong quá trình lập luận).

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **GV ra bài tập :**  Viết đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ cảm nhận chi tiết bát cháo hành trong truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao). Chú ý các câu văn có sử dụng đa dạng các nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong quá trình lập luận.  **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS suy nghĩ làm bài.**  **- Trình bày sản phẩm.** |

**HĐ Tìm tòi, mở rộng.**

1. **Mục tiêu: Đ2, GQVĐ**
2. **Nội dung hoạt động:** Hướng dẫn HS tìm tòi, mở rộng kiến thức có liên quan.
3. **Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Một số câu thơ, bài thơ, đoạn trích văn xuôi

**c. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **GV ra bài tập :**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học.  + Sưu tầm thêm một số câu thơ, bài thơ, đoạn trích văn xuôi . Chỉ ra nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong ngữ liệu đã sưu tầm.  **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS suy nghĩ làm bài.**  **- Trình bày sản phẩm vào tiết học sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn**

**Ngày dạy:**

**Tiết 71: TT tiết dạy theo KHDH**

**Ôn tập nâng cao: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức :**

Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận xã hội

1. **Kĩ năng**

* Kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội.
* Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có đủ bố cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

\* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

**4. Định hướng các năng lực cần hình thành**

**\* NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

**\* NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

**II. HÌNH THỨC ÔN TẬP**

**GV CHO HS LÀM ĐỀ VÀ CHỮA**

ĐỀ: **Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.  
Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về ý kiến trên**.

GV GỢI Ý

1. *Đảm bảo hình thức bài văn ngắn*
2. *Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Vai trò, ý nghĩa của việc biết tự hào về bản thân và biết xấu hổ về bản thân.
3. *Triển khai vấn đề nghị luận*
4. HS lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vai trò, ý nghĩa của việc biết tự hào về bản thân và biết xấu hổ về bản thân.

**\* Giải thích ý kiến:**

– Biết tự hào về bản thân là thái độ hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có, về những đóng góp của mình cho cuộc sống; biết xấu hổ là cảm thấy hổ thẹn về sự kém cỏi và những lỗi lầm của mình trước người khác.  
– Nội dung ý kiến: Đề cao việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản thân, hướng đến sự hoàn thiện mình.

**\* Luận bàn về ý kiến:**

– Khẳng định sự cần thiết của việc biết tự hào: biết tự khẳng định mình, giúp bản thân tự tin hơn trong cuộc sống và trong công việc, có thêm động lực để vươn tới những ước mơ lớn hơn.  
– Phê phán thái độ tự cao, tự đại (tự đánh giá mình quá cao, quá lớn vì thế mà trở nên hợm hĩnh).  
– Khẳng định sự cần thiết của việc biết xấu hổ: giúp con người có ý thức điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những chuẩn mực đạo đức; biết xấu hổ còn quan trọng hơn biết tự hào bởi nó là biểu hiện của ý thức hoàn toàn tự giác, xuất phát từ lương tâm, giúp con người nâng cao năng lực và hoàn thiện nhân cách.  
– Phê phán thái độ tự ti, mặc cảm (tự đánh giá thấp bản thân nên thiếu tự tin).

**\* Bài học nhận thức và hành động:**

- Nhận thức sâu sắc về những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Nghiêm khắc đối với chính mình; không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức nhân cách.

**III. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 72: TT tiết dạy theo KHDH**

**HẦU TRỜI**

* **TẢN ĐÀ -**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Tản Đà | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ thất ngôn trường thiên. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Hầu Trời* và các tác phẩm khác của Tản Đà nói riêng. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | - Nhìn nhận đúng những dấu hiệu đổi mới thơ ca theo hướng hiện đại.  - Trân trọng ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ của nhà thơ Tản Đà. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối -Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Hầu Trời.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Giới thiệu câu chuyện  2. Thi nhân đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe  3. Thi nhân trò chuyện với trời  4. Bức tranh cuộc sống văn nhân dưới hạ giới.  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

- HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới về tác phẩm **Hầu Trời.**

**b. Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi thông qua việc quan sát 2 bức tranh.

**c. Sản phẩm:**

****

- Những hình ảnh trên khiến em nhớ tới tác phẩm ***Muốn làm thằng cuội*** của tác giả Tản Đà

- Bài thơ chính là tâm sự của một con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng bầu bạn với chị Hằng để thoát khỏi những thứ tầm thường ấy. Qua đó, cho ta thấy được một Tản Đà phóng túng, hóm hỉnh pha lẫn chút *ngông.*

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| Chiếu 2 bức tranh.  Đặt 2 câu hỏi:Trả lời đúng những hình ảnh khiến em nhớ tới tác phẩm nào đã học của tác giả Tản Đà ? Qua bài thơ đó, em hiểu mong muốn gì của tác giả ? Mong muốn đó thể hiện con người tác giả là người như thế nào ?  - Nhận xét, cho điểm. | - Quan sát, trả lời nhanh. |

🡺GV dẫn vào bài : Ở lớp dưới , các em đã được làm quen với thi sĩ Tản Đà với ước muốn được  *làm thằng Cuội* để hằng năm mỗi rằm tháng tám lại *tựa vai trông xuống thế gian cười*. Hôm nay các em một lần nữa sẽ bắt gặp cái chất ngông của nhà thơ của sông Đà núi Tản đó khi nghe ông kể lại câu chuyện hầu trời vừa lạ, vừa dí dỏm qua bài thơ  *Hầu trời* .

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỚI TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 nội dung.

**c. Sản phẩm :**

**1. Tác giả Tản Đà :**

- Tản Đà (1889 – 1939), tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu.

- Quê: Khê Thượng – Bất Bạt – Hà Tây

(Bút danh Tản Đà là do nhà thơ ghép tên của các địa danh của quê hương ông: núi Tản, sông Đà).

- Tản Đà là “*người của hai thế kỷ”* – “người dạo bản đàn cho một cuộc hòa nhạc tân kì đang sắp sửa” (Hoài Thanh):

+ Sinh ra trong buổi giao thời, khi Hán học suy tàn, Tây học mới bắt đầu.

+ Xuất thân trong gia đình quan lại phong kiến nhưng lại sống theo phương thức của tư sản thành thị.

+ Học chữ Hán nhưng lại viết văn bằng chữ Quốc ngữ và ham học để tiến kịp thời đại.

+ Là nhà nho nhưng ít chịu khép mình trong khuôn phép nho gia.

+ Vừa sang tác theo các thể loại cũ (tứ tuyệt, bát cú, lục bát,…) ; vừa cho ra đời những bài thơ tự do theo hướng hiện đại hóa.

- Phong cách thơ Tản Đà:

+ Lãng mạn, bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái.

+ Có t hể xem thơ văn Tản Đà như gạch nối giữa hai thời đại văn học viết dân tộc: trung đại và hiện đại.

+ Tác phẩm tiêu biểu : ( sgk)

**2. Tác phẩm “Hầu trờ**i”

**-** Xuất xứ : In trong tập « Còn chơi » (1921).

- Thể thơ : Thất ngôn cổ phong trường thiên.

Thể thơ này gồm 4 câu/7 tiếng/khổ ; kéo dài không hạn định số câu, số khổ ; vần nhịp tương đối tự do, phóng khoáng. Có khổ vần bằng, có khổ vần trắc. Thơ tự sự trữ tình, có cốt truyện mở đầu, phát triển, kết thúc, có các nhân vật và tình tiết… nhưng được kể bằng thơ và thấm đẫm cảm xúc trữ tình.

- Bố cục :

Phần 1: Từ đầu 🡪 “Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đấy” :Giới thiệu câu chuyện

Phần 2. Tiếp 🡪 “…ta chưa biết”: Thi nhân đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe.

Phần 3: Còn lại: Thi nhân trò chuyện với Trời.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Anh chị ấn tượng với đặc điểm nào về tác giả Tản Đà khi học bài Muốn làm thằng Cuội?  **Trong hoạt động:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :**   * **HS theo dõi phần tiểu dẫn SGK và cho biết những nét chính về tác giả Tản Đà và bài thơ *Hầu trời.*** * Tại sao nóiTản Đà là “*người của hai thế kỷ”* – “*người dạo bản đàn cho một cuộc hòa nhạc tân kì đang ắp sửa*” (Hoài Thanh)?   **- GV nhận xét và kết luận.**  **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm**  Em hãy nêu hoàn cảnh xuất xứ, thể thơ, bố cục của bài thơ? | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk** |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Giới thiệu câu chuyện**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động**: HS thảo luận để làm nổi bật 2 nội dung:

+ Câu chuyện được kể.

+ Nghệ thuật giới thiệu câu chuyện

**c. Sản phẩm:**

- Khổ thơ mở đầu 4 câu có tác dụng gây nghi vấn, gợi sự tò mò: Chuyện kể về một giấc mơ nhưng tác giả lại khẳng định nó là sự thật tác giả đã trải qua khiến cho câu chuyện mang không khí vừa thực vừa ảo.

- Điệp từ “*thật*” (*Thật hồn! Thật phách!Thật thân thể! Thật được lên Tiên*…): 4 lần / 2 câu;

- Câu cảm thán, ngắt nhịp 2/2/3: khẳng định chắc chắn, củng cố niềm tin, gây ấn tượng là chuyện có thật hoàn toàn.

Ngay khổ thơ mở đầu, người đọc đã cảm nhận thấy một “cái tôi” cá nhân đầy chât lãng mạn, bay bổng pha lẫn nét “ngông” trong phong cách thơ của thi nhân.

=> Với lối vào đề thật độc đáo và có duyên làm cho câu chuyện tác giả sắp kể đầy lôi cuốn, hấp dẫn, gợi tò mò nơi người đọc.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về cách vào đề của Tản Đà?  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn:  *+* Tác giả kể lại câu chuyện nằm mơ xảy ra vào lúc nào và nói về việc gì?Nhân vật trong câu chuyện là ai? Tâm trạng của nhân vật?  + Nhận xét về nghệ thuật giới thiệu câu chuyện của tác giả trong phần 1 của bài thơ? (Điệp từ “thật” cùng với cách ngắt nhịp trong câu 3 -4 có tác dụng gì?)  HS thảo luận, cử đại diện từng 1 số bàn trả lời.  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo cặp 3p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** |

**Nội dung 2: Cảnh đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe:**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động** : Trả lời câu hỏi tập trung vào 2 nội dung :

+ Thái độ của thi nhân khi đọc thơ.

+ Thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ.

**c. Sản phẩm:**

***a.Thái độ của thi nhân khi đọc thơ:***

**-** Thi nhân đọc thơ một cách cao hứng và có phần tự đắc*.(đọc hết văn vần 🡪 văn xuôi…).*

-Thi nhân kể tường tận từng chi tiết về các tác phẩm của mình *(Hai quyển khối tình…)*

- Gịong đọc thơ của thi nhân vừa truyền cảm, vừa hóm hỉnh, vừa sảng khoái 🡪 cuốn hút người nghe.

🡪 Tản Đà là một người rất “**ngông**” khi dám lên tận trời để khẳng định tài năng của mình.

Bởi lẽ,Tản Đà là một nhà thơ biết ý thức về tài năng và thơ văn clên Trời để khẳng định tài năng thơ văn của mình.ủa mình, dám đường hoàng bộc lộ cái “TÔI” cá thể của mình.

***b. Thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ*:**

*-* Thái độ của Chư Tiên:

*Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi*

*Hằng Nga, Chức Nữ chau đôi mày*

*Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng*

*Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.*

🡪 Chư Tiên (Tâm, Cơ, Hằng Nga, Chức Nữ, Song Thành, Tiểu Ngọc )nghe thơ của thi nhân một cách xúc động, tán thưởng và hâm mộ.

*- Thái độ của Trời:* - Đánh giá cao;

- Không tiếc lời tán dương:

*Văn thật tuyệt, Văn trần được thế chắc có ít / Nhời văn chuốt đẹp như sao băng ! / Khí văn hùng mạnh như mây chuyển! / Êm như gió thoảng, tinh như sương! / đẫm như mưa sa, lạnh như tuyết!”....*

*🡪*Tóm lại cả Trời và các Chư tiên đều rất thich thú, ngưỡng mộ trước tài năng của thi nhân.

Câu chuyện hư cấu, tưởng tượng được kể một cách chân thực y như chuyện có thật,thể hiện tư tưởng thoát li của tác giả trước thời cuộc.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Đọc kĩ văn bản sgk, gạch chân vào những từ ngữ và hình ảnh đặc sắc  **Trong hoạt động: GV chia lớp hoạt động nhóm:**  ***Nhóm 1, 2***: *Tìm hiểu thái độ của thi nhân khi đọc thơ:*  + Thái độ và giọng đọc của thi nhân  khi đọc thơ cho Trời và Chư Tiên nghe như thế nào?  + Từ thái độ và giọng đọc thơ của thi nhân, em có cảm nhận gì về tâm hồn và tính cách của nhà thơ*?*  ***Nhóm 3, 4:*** *Tìm hiểu thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ*:  + Thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ như thế nào?  \*Gv đặt câu hỏi chung cho các nhóm?  - Nguồn cảm hứng chủ đạo của bài thơ là lãng mạn hay hiện thực?  - So với thơ ca trung đại, gần nhất là các bài thơ của những chí sĩ yêu nước hồi đầu thế kỷ vừa mới được học, bài thơ này có gì mới lạ không?  - GV nhận xét, chốt kiến thức | - HS đọc kĩ văn bản, gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc theo yêu cầu.  HS làm việc cá nhân  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **- HS làm việc nhóm khoảng 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 3 : Thi nhân trò chuyện với Trời**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động :** thảo luận theo bàn2 nội dung

+ Cách xưng danh của Tản Đà trong cuộc trò chuyện

+ Trách nhiệm và khát vọng của thi nhân

**c. Sản phẩm :**

**a. Xưng danh:**

- Thi nhân công khai lí lịch rất rành mạch, hiện đại: tên, họ, quê, châu lục, hành tinh:

*“Con tên Khắc Hiếu, họ là Nguyễn*

*Quê ở A Châu về Địa cầu*

*Sông Đà núi Tản nước Nam Việt”*

🡪Cách xưng danh đầy trang trọng, đĩnh đạc chứng tỏ một giá trị không thể phủ nhận trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền.

* Cách tự xưng danh trong thơ văn cũng khẳng định hơn về cai tôi ca nhân của tác giả.

**b.Trách nhiệm và khát vọng của thi nhân:**

*“…Trời định sai con một việc này*

*Là việc “thiên lương”của nhân loại*

*Cho con xuống thuật cùng đời hay”.*

🡪 Nhiệm vụ Trời giao cho thi nhân : Truyền bá “thiên lương” cho hạ giới - một trách nhiệm nặng nề nhưng rất vinh dự vì có ý nghĩa với cuộc đời.

Với TĐ, công việc dưới trần gian của ông không chỉ là viết văn, chơi văn mà ông còn tự chất lên vai mình gánh nặng “*văn chương tải đạo thiên lương”.* Ông đã ý thức được trách nhiệm của mình với đời, đây cũng là một cách để tự khẳng định mình.

=> Từ trách nhiệm này, chứng tỏ nhà thơ dù *lãng mạn nhưng vẫn không thoát ly hiện thực* cuộc sống.Tác giả *vẫn ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với cuộc đời* , mong giúp đời tốt đẹp hơn.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động: Đọc kĩ phần 3 của văn bản trong sgk; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc.**  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi và yêu cầu hs thảo luận các câu hỏi theo cặp trong bàn**:  + Em có nhận xét gì về cách xưng danh của tác giả? Cách xưng danh ấy có ý nghĩa gì?  + Theo Tản Đà, ông được Trời giao cho nhiệm vụ*?* Nhiệm vụ đó có ý nghĩa  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS đọc kĩ phẩn 3 của văn bản; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc.  HS làm việc cá nhân.  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc theo cặp khoảng 3p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 4: Bức tranh đời sống của văn nhân dưới hạ giới**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 1 nội dung: Bức tranh đời sống của văn nhân dưới hạ giới.

**c. Sản phẩm:**

- Tản Đà đã vẽ ra bức tranh hiện thực về cuộc sống của mình và nhiều nhà văn khác:

*“ Bẩm Trời cảnh con thực nghèo khó*

*{...}*

*Biết làm có được mà dám theo”*

+ Cảm hứng hiện thực bao trùm cả đoạn thơ vẽ ra bức tranh cuộc sống nghèo khó, cùng quẫn của tác giả và nhiều cây bút khác(Tản Đà còn nhiều bài thơ khác nói về tình cảnh của mình: *Cảnh vui của nhà nghèo*, ...)

+ Thực tế phũ phàng: *Văn chương hạ giới rẻ như bèo*, thân phận nhà văn bị rẻ rúng, ông không tìm được tri âm nên phải lên tận trời để thỏa nguyện nỗi lòng

**=>**  Đây cũng chính là thực tế đời sống của lớp văn nghệ sĩ nói chung thời bấy giờ với bi kịch “*áo cơm ghì sát đất”:* Tản Đà, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng , Xuân Diệu (*Nỗi đời cơ cực*...).

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Đọc kĩ phần 4 của văn bản; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh về cuộc sống của văn nhân dưới hạ giới  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  + Tác giả để trần tình cảnh ngộ của bản thân cũng là của chung nhiều nhà văn khác dưới hạ giới như thế nào? | - HS thực hiện theo yêu cầu  (HS làm việc cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân** |

**Nội dung 5: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi để tìm ra2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

***\*. Về nội dung:***

- Bài thơ thể hiện một “cái tôi” ngông nghênh, phóng túng, tự ý thức về tài năng, giá trị đích thực của mình và khao khát được khẳng định mình giữa cuộc đời.

***\*. Về nghệ thuật:***

Bài thơ có nhiều yếu tố nghệ thuật mới mẻ:

- Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, không bị trói buộc bởi khuôn mẫu;

- Ngôn ngữ thơ: ít tính cách điệu, ước lệ mà gần với tiếng nói đời thường;

- Giọng thơ: tự sự hóm hỉnh, có duyên, lôi cuốn

- Biểu hiện cảm xúc: phóng túng, tự do, không bị gò ép.

- Tác giả hiện diện trong bài thơ với tư cách người kể chuyện, đồng thời là nhân vật chính.

\*GV nâng cao: Tác giả tưởng tượng, hư cấu nên cả một câu chuyện như muốn đưa thơ trữ tình thoát dần sứ mệnh “thi dĩ ngôn chí” của thơ xưa.

**⇨ Những dấu hiệu đổi mới của thơ ca VN theo hướng HĐH.** Đó là lý do khiến TĐà được đánh giá là “*dấu gạch nối giữa hai thời đại thi ca*” (Hoài Thanh).

**d.** **Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để so sánh cái *ngông* của Tản Đà với cái *ngông* trong văn chương trung đại qua các tác phẩm đã học

**c. Sản phẩm**:

\*Trong *Bài ca ngất ngưởng* - Nguyễn Công Trứ: đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng, gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì, Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng... khen chê phơi phới ngọn đông phong...

\* Trong *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân): Huấn Cao ngông trong tù, khoảnh, ít chịu cho chữ ai, coi thường quản ngục, coi thường cái chết, nhận ra người tốt sẵn sàng cho chữ... Quản ngục cũng ngông theo cách của ông ta khi dám liều xin chữ Huấn Cao.

\* Trong *Hầu Trời*: Đọc thơ cho Trời và tiên nghe, tự hào về tài thơ văn của mình, về nguồn gốc quê hương đất nước của mình, về sứ mạng vẻ vang đi khơi dậy cho cái thiên lương của mọi người bằng thơ văn.).

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **HĐ của HS** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  *Cái ngông trong văn chương trung đại, qua các văn bản đã học được thể hiên như thế nào?*  **- GV nhận xét, chốt kiến thức** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu

**-** Đọc ghi nhớ, tư duy, trình bày vấn đề để trả lời vấn đề mà GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:**

.1/ Văn bản có ý chính: Thi sĩ Tản Đà trả lời Trời để bộc lộ quan điểm về nghề văn và cuộc sống nhà văn nơi hạ giới.

2/ Biện pháp tu từ (về từ): so sánh

Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh: Tản Đà đã vẽ ra một bức tranh hiện thực trần trụi, nghiệt ngã về nghề văn bằng ngôn ngữ đời thường, thể hiện thân phận bọt bèo, rẻ mạt của nhà văn trong xã hội giao thời. Câu thơ đã gián tiếp lên án xã hội bất công đã đẩy người có tài, có tâm vào hoàn cảnh bi đát nhất.

3/ Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng hiện thực.

Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng hiện thực trong văn bản :Tản Đà không trực tiếp phát biểu quan niệm của mình về văn chương và nghề văn, tuy vậy người đọc vẫn có thể hình dung ra phần nào về nội dung của hoạt động tinh thần đặc biệt này. Trong mắt Tản Đà, văn chương lúc này là một nghề kiếm sống mới, có người bán, kẻ mua, có thị trường tiêu thụ và bản thân thị trường cũng hết sức phức tạp. Đồng thời, nhà thơ cũng ý thức được sự cần thiết phải chuyên tâm với nghề văn. Sau cùng, ông cũng nhận thấy rằng: sự đa dạng về loại, thể là một đòi hỏi thiết yếu của hoạt động sáng tác và với những sáng tác mới, tiêu chí đánh giá cũng phải khác xưa.

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  “Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó…………………………………………..  Biết làm có được mà dám theo”.  *(* Trích *Hầu trời*, Tản Đà, Tr 15, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu ý chính của văn bản?  2/ Xác định biện pháp tu từ (về từ) trong câu thơ Văn chương hạ giới rẻ như bèo ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó ?  3/ Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng lãng mạn hay cảm hứng hiện thực ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng đó của nhà thơ ? | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a.Mục tiêu:** **Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết đoạn văn

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Một số câu văn, đoạn văn.

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **GV ra bài tập :**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học.  **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**  **+** Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *nghề văn trong cuộc sống hôm nay.* | **- HS suy nghĩ làm bài.**  **+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy**  **+ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức.** |

**V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**VI. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 73: TT tiết dạy theo KHDH**

***VỘI VÀNG***

* **XUÂN DIỆU -**

**Thời lượng : 1 tiết**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Cảm nhận được niềm khát khao sống mãnh liệt, sống hết mình và quan niệm về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc của Xuân Diệu được thể hiện qua tác phẩm. | **Đ1** |
| **2** | Thấy được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa mạch cảm xúc, mạch luận lí chặt chẽ cùng những sáng tạo nghệ thuật. | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Vội vàng* và các phẩm khác của Xuân Diệu | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Biết quý trọng thời gian, yêu tuổi trẻ, yêu cuộc sống, góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối -Đ1, GQVĐ** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Xuân Diệu, văn bản Vội vàng. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở  - PP trò chơi. | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ** | I. Tìm hiểu chung  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II.Đọc hiểu văn bản.  1. Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.  2. Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người  3. Lời giục giã sống cuống quýt để tận hưởng tuổi xuân.  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ4, Đ5, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HĐ KHỞI ĐỘNG**

a. **Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động**: tham gia trò chơi7 hàng ngang và 1 ô chữ hàng dọc

**c. Sản phẩm:**

- 7 từ hàng ngang:VŨ ĐÌNH LIÊN, Ô KÌA, THI SĨ, VỚI, TRÀNG GIANG, CHINH PHỤ NGÂM, TẢN ĐÀ.

**-** Từ hàng dọc: **VỘI VÀNG**

**d. Các bước dạy học:**

**GV TỔ CHỨC TRÒ CHƠI Ô CHỮ**

**Có 7 hàng ngang, tương ứng 7 câu hỏi. HS tìm ra ô chữ hàng dọc;**

**Câu 1:** Bài thơ “Ông đồ” của nhà thơ nào?

**Đáp án:** VŨ ĐÌNH LIÊN.

**Câu 2:** Điền vào dấu ba chấm….

… bóng nguyệt trần truồng tắm

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe

( Hàn Mặc Tử)

Đáp án: **Ô kìa**

**Câu 3: Nhà thơ trong từ Hán Việt gọi là gì?**

**Đáp án: Thi sĩ.**

**Câu 4:** Điền vào dấu ….

Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già

…. tiếng gió gào ngàn…giọng cười hét núi.

(Thế Lữ).

**Đáp án:** Với

**Câu 5:** Huy Cận là tác giả của bài thơ nào?

**Đáp án:** *Tràng giang*

**Câu 6:** Đặng Trần Côn là tác giả của tác phẩm nào?

**Đáp án: *Chinh phụ ngâm.***

**Câu 7:** Nhà thơ được mệnh danh là “người của hai thế kỉ”?

**Đáp án:** Tản Đà

**Ô chữ hàng dọc: VỘI VÀNG**

GV dẫn vào bài:

Ai ai cũng yêu quý mùa xuân. Và có một thi sĩ vì thiết tha với mùa xuân quá nên luôn giục giã mọi người hãy sống vội vàng, hãy cuống quýt để tận hưởng tất cả vẻ đẹp của mùa xuân và cuộc đời. Thi sĩ đó chính là Xuân Diệu.

“*Đó là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới… Thơ XD là nguồn sống dạt dào chưa từng thấy ở chốn non nước lặng lẽ này. XD say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, cuống quýt, muôn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui, khi buồn , người đều nồng nàn, tha thiết”.*

Nhận định ấy của Hoài Thanh sẽ được chứng minh đầy thuyết phục ở bài thơ “Vội vàng”.

**HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, N1, GQVĐ**

**b. Nội dung:** trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**1. Tác giả:**

- Xuân Diệu (1916 – 1985), có bút danh là Trảo Nha.

- Ông là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú.

**2. Tác phẩm:**

\* **Xuất xứ**: Rút từ tập “Thơ thơ” (1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – thi sĩ “mới nhất trong các nhà thơ mới”.

**\* Bố cục:** gồm ba phần

- Đoạn một (13 câu đầu): bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

- Đoạn hai (câu 14 đến câu 29): nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người, trước sự trôi qua nhanh chóng của thời gian.

- Đoạn ba (còn lại): lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng những giây phút tuổi xuân của mình giữa mùa xuân của cuộc đời, của vũ trụ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Em đã đọc những tác phẩm nào của Xuân Diệu? Ấn tượng của em khi đọc những tác phẩm này?  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?  **- GV nhận xét và kết luận.**  **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.**  +Hãy nêu xuất xứ và vị trí bài thơ ?  **+** Theo em, bài thơ có thể chia làm mấy đoạn? Hãy nêu nội dung chính của từng đoạn ?  **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**2. NỘI DUNG 2 : ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**Nội dung 1 : Tình yêu cuộc sống « trần thế » tha thiết (Câu 1->13)**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3,Đ4 ,Đ5, N1, DH-HT**

**b. Nội dung hoạt động : thảo luận về 2 nội dung**

+ Khát vọng của nhà thơ

+ Bức tranh thiên đường trên mặt đất.

**c. Sản phẩm**

***Câu 1-13:*** *Tình yêu cuộc sống trần thế “tha thiết”.*

*a. Câu 1-4: Khát vọng của nhà thơ.*

- Niềm ước muốn kì lạ, táo bạo, liều lĩnh:

*+ tắt nắng*

*+ buộc gió*

- Mục đích : Giữ lại sắc màu, mùi hương.

- Thực chất: Sợ thời gian trôi chảy, muốn níu kéo thời gian, muốn tận hưởng mãi hương vị của cuộc sống. Bất tử hóa cái đẹp.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ ngũ ngôn ngắn gọn, rõ ràng như lời khẳng định, cố nén cảm xúc và ý tưởng.

+ Điệp ngữ: *Tôi muốn / tôi muốn* gợi một cái tôi cá nhân khao khát giao cảm và yêu đời đến tha thiết.

*b. Câu 5-13: Cảm nhận thiên đường trên mặt đất.*

- Được cảm nhận ở thời điểm ban đầu:

+ Buổi sáng – khởi đầu một ngày mới.

+ Tuần tháng mật – khởi đầu cuộc sống lứa đôi.

+ Tháng giêng – khởi đầu cho một năm mới.

Thời khắc đẹp đẽ, tinh khôi, tươi mới.

- Hình ảnh, màu sắc, âm thanh đẹp đẽ, tươi non, trẻ trung:

*+ Ong bướm tuần tháng mật*

*+ Hoa của đồng nội xanh rì*

*+ Lá của cành tơ phơ phất*

*+ Khúc tình si của yến anh*

*+ Ánh sáng chớp hàng mi*

Cảnh vật quen thuộc, gần gũi, mang nét đặc trưng của mùa xuân.

Hấp dẫn, gợi cảm như một người thiếu nữ trẻ trung, đầy sức sống.

- So sánh cuộc sống thiên nhiên như người đang yêu, như tình yêu đôi lứa đắm say, tràn trề hạnh phúc.

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*

+So sánh mới mẻ, độc đáo và táo bạo: lấy con người làm chuẩn mực cho mọi vẻ đẹp trên thế gian – điều mà trong thơ cổ điển chưa có được.

+Thể hiện sự chuyển đổi cảm giác tài tình từ thị giác sang vị giác để ca ngơi vẻ đẹp tình yêu đôi lứa, hạnh phúc tuổi trẻ.

- Tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng thống nhất: *Sung sướng >< vội vàng:* Câu thơ như tách ra làm 2:

+ Trên: hình ảnh tươi nguyên của cuộc sống vui, háo hức.

+ Dưới: nỗi buồn, bâng khuâng, quấn quít.

=> Cảm nhận được sự trôi chảy của thời gian. Muốn sống gấp, sống nhanh, sống vội để chạy đua với thời gian.

- Các câu thơ kéo dài thành 8 chữ để dễ dàng vẽ bức tranh cuộc sống thiên đường chính ngay trên mặt đất, ngay trong tầm tay của mỗi chúng ta.

- Điệp từ: *Này đây*

Tất cả như được bày sẵn, mời gọi mọi người thưởng thức một bữa tiệc trần gian.

- Nhịp thơ nhanh, gấp biểu hiện hơi thở sống, nhịp điệu sống, nhịp thở phập phồng.

-TIỂU KẾT: Thông qua những điệp từ, điệp ngữ, những phép láy vần, điệp thanh, những biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoán dụ đặc biệt là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác đặc sắc, Xuân Diệu đã làm hiện lên một bức tranh, một hình ảnh cuộc đời tràn đầy âm thanh, màu sắc

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về bức tranh đời sống mà Xuân Diệu đề cập đến trong bài thơ?  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  **(Nhóm 1) *Hình ảnh thiên nhiên, sự sống quen thuộc được tác giả cảm nhận và diễn tả ở những thời điểm nào trong đoạn thơ? Những hình ảnh, màu sắc, âm thanh trong đoạn thơ đều có đặc điểm gì?***  **(Nhóm 2) *Câu thơ nào theo em là mới mẻ và hiện đại nhất? Vì sao?***  **(Nhóm 3) *2 câu cuối đoạn thể hiện tâm trạng như thế nào?Vì sao tác giả bộc lộ tâm trạng đó?* Hai câu thơ cuối đoạn có tác dụng gì?**  **(Nhóm 4) *Tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào trong khổ thơ ? Ý nghĩa của các biện pháp nghệ thuật đó?***  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 2: Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1,GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** thảo luận cho2 nội dung

+ Quan niệm về thời gian

+ Tâm trạng của thi nhân

**c. Sản phẩm**

***2. Mười bảy câu thơ tiếp theo:*** *Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người*

***-*** Triết lí về thời gian:

*+ Xuân tới - xuân qua*

*+ Xuân non - xuân già*

*+ Xuân hết - tôi mất.*

*+ Lòng rộng - đời chật.*

*+ Xuân tuần hoàn – tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại*

*+ Còn trời đất – chẳng còn tôi*

- Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi, mong manh của kiếp người trong sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian.

+Quan niệm về thời gian tuyến tính, một đi không trở lại (so sánh với quan niệm thời gian tuần hoàn của người xưa).

+Cảm nhận đầy bi kịch về sự sống, mỗi khoảnh khắc trôi qua là một sự mất mát, phai tàn, phôi pha, mòn héo.

+Cuộc sống trần gian đẹp như một thiên đường; trong khoảnh khắc đó, thời gian một đi không trở lại, đời người ngắn ngủi – nên chỉ còn một cách là phải sống vội.

- Thiên nhiên:

+ *Năm tháng …chia phôi*

+ *Sông núi…tiễn bịêt.*

+ *Gió…hờn*

*+ Chim…sợ*

-Thiên nhiên, cảnh vật đều nhuốm màu chia phôi, li biệt, đều mang tâm trạng lo âu, phấp phỏng trước thời gian. Không còn chất vui tươi, tự nhiên như những câu thơ trước nữa. Nói thiên nhiên nhưng là nói lòng người. Người buồn cảnh buồn.

-XD là người luôn tha thiết cháy bỏng với cuộc đời nhưng lại luôn hoài nghi, bi quan, chán nản.

- *Mau đi thôi!* *Mùa chưa ngả chiều hôm* : Muốn níu kéo thời gian nhưng không được. Vậy chỉ còn một cách là hãy sống cao độ giây phút của tuổi xuân. Nhà thơ như giục giã chính bản thân tận hưởng cuộc sống: hãy mau lên, vội vàng lên, gấp gáp lên, hãy vượt qua thời gian mà sống, mà cống hiến. Bởi giờ đây vẫn trẻ trung, vẫn đủ sức sống cống hiến tuổi xuân cho cuộc đời.

**4. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Tại sao Xuân Diệu lại nói “Tôi sung sướng nhưng vội vàng một nửa"  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn:  + Tâm trạng của tác giả trước thời gian, tuổi trẻ và hạnh phúc được thể hiện quan những câu thơ nào?  + Hình ảnh thiên nhiên được miêu tả như thế nào? có gì khác với cảm nhận trong khổ thơ trên?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** | - HS nêu suy nghĩ của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo cặp 3p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** |

**Nội dung 3: Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình...**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ5, N1,GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi làm nổi bật nội dung và nghệ thuật của 9 câu cuối.

**c. Sản phẩm**

***Chín câu thơ cuối:*** *Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình…*

- Điệp ngữ “Ta muốn”

🡪 chuyển từ cái tôi cá nhân sang cái ta mang ý nghĩa tình cảm chung, có tính phổ quát ( không chỉ là nhà thơ mà tất cả mọi người)

- Các động từ mạnh kết hợp với nghệ thuật tăng tiến (ôm, riết, say, thâu, hôn, cắn) và một chuỗi câu được lặp lại:

- Ta muốn – ôm – sự sống mơn mởn

- Riết – mây đưa, gió lượn

-Say – cánh bướm, tình yêu

-Thâu – hôn nhiều

- Cắn – xuân hồng

Cho: Chếnh choáng

Đã đầy

No nê.

+Từ chỉ mức độ: *Chếnh choáng…đã đầy…no nê…*

+Điệp từ: *và...và...và; cho...cho...cho.*

🡪 Tình cảm ngày càng mãnh liệt, cuồng nhiệt của chủ thể trữ tình.

Hàng loạt các hình ảnh thơ tươi mới, đầy sức sống : *sự sống mơn mởn; mây đưa, gió lượn; cánh bướm – tình yêu; cái hôn nhiều; non nước, cỏ cây…*

🡪 Hãy sống vội vàng, ra sức tận hưởng tuổi trẻ, mùa xuân, tình yêu, những gì mà cuộc đời ban tặng thật hết mình; Bộc lộ sự ham hố, say mê, vồ vập, yêu đời, khao khát hòa nhập của tác giả với thiên nhiên và tình yêu tuổi trẻ.

- Câu thơ cuối là đỉnh điểm của cảm xúc:

“*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi*”

🡪 sự kết hợp giữa cái trừu tượng, thanh cao (xuân hồng) với cái cụ thể, tầm thường: đem lại sự bất ngờ, sáng tạo, thú vị.

🡪 Sống vội vàng, cuống quít không có nghĩa là ích kỷ, tầm thường, thụ động, mà đó là cách sống biết cống hiến, biết hưởng thụ. Quan niệm nhân sinh của thi sĩ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Với tâm trạng, cảnh vật như trên, Xuân Diệu phải làm gì?  **Trong hoạt động:** - GV đặt ra câu hỏi:  + Tác giả đã tận hưởng cuộc sống như thế nào?  + Em có nhận xét gì về dấu hiệu nghệ thuật ở đoạn thơ này? Tác dụng của nó?  ( Gợi ý: Giọng thơ, nhịp thơ có sự thay đổi như thế nào?  + Phân tích tác dụng các điêp từ cho, và, điêp ngữ ta muốn, các động từ chỉ cảm xúc, tình cảm mạnh: ôm, riết, thâu, say, cắn, các từ chếnh choáng, đã đầy, no nê,.)  + Nói đoạn thơ này thât tiêu biểu cho hồn thơ Xuân Diêu có đúng không? Vì sao?  + Bình giảng câu thơ cuối cùng.  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk.**  **GV nhận xét, chốt kiến thức** | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS suy nghĩ, phân tích, bình giảng, trình bày trước lớp.** |

**Nội dung 4: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ5, N1.**

**b.** **Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi tổng kết2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật**

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.

- Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.

**2. Ý nghĩa văn bản**

Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Các bước dạy học**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** - Quan niệm sống vội vàng của nhà thơ xuất phát từ quan niệm thái độ, tình cảm gì đối với cuộc sống? (bi quan, chán nản hay thiết tha yêu đời?)

- Giãi bày về tập “*Thơ thơ*”, XD có bộc bạch: “*Đây là hồn tôi vừa lúc vang ngân, đây là lòng tôi đang thời sôi nổi, đây là tuổi xuân của tôi,và đây là sự sống của tôi nữa*”.

Theo em, những bộc bạch đó đã in dấu như thế nào trong “*Vội vàng*”?

**- HS làm việc cá nhân.**

**- HS báo cáo.**

**- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung: Từ triết lí sống khao khát giao cảm với đời của nhà thơ Xuân Diệu, thí sinh bày tỏ suy nghĩ về một hiện tượng xấu của một bộ phận giới trẻ hiện nay, đó là *sống gấp, sống ích kỉ*. Cần trả lời các câu hỏi : *sống gấp, sống ích kỉ* là gì ? Hậu quả của lối sống đó ? Nguyên nhân và biện pháp khắc phục ?

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **GV giao nhiệm vụ cho HS**:  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng một bộ phận giới trẻ có lối sống gấp, sống ích kỉ trong cuộc sống hôm nay. | **- HS suy nghĩ làm bài.**  **+ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức.** |

**HĐ TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Tranh vẽ của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+** Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Chọn một hình ảnh, đoạn thơ nào đó trong bài thơ và tái hiện bằng nghệ thuật hội họa. | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:(tiết sau)  + Vẽ đúng sơ đồ tư duy  + Tái hiện bằng tranh vẽ dựa trên ngôn ngữ bài thơ. |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 74: TT tiết dạy theo KHDH**

**TRÀNG GIANG**

- Huy Cận -

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | - Cảm nhận được nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước tạo vật thiên nhiên mênh mông hiu quạnh.  - Cảm nhận được lòng yêu quê hương đất nước thầm kín đượm trong nỗi sầu đó. | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, mối liên hệ giữa các hình ảnh trong bài thơ. | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Tràng giang* và các phẩm khác của Huy Cận | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Biết trân trọng tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (07phút) | **Kết nối - Đ1, GQVĐ** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Huy Cận, văn bản Tràng giang. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ** | I. Tìm hiểu chung  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II.Đọc hiểu văn bản.  1. Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ  2. Tâm sự yêu nước thầm kín của nhà thơ  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ4, Đ5, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HĐ 1. KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động**: vấn - đáp (HĐ cá nhân)

**c. Sản phẩm**

+ Bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” (Chương trình Ngữ văn 9)

+ Bài thơ này được sáng tác năm 1958 nhân chuyến đi thực tế của tác giả ở Hồng Gai.

Bài thơ thể hiện cái nhìn lạc quan, yêu đời của Huy Cận sau cách mạng.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- Trước hoạt động: HS về tìm đọc lại bài thơ đã học của Huy Cận trong chương trình THCS**  **- Trong hoạt động**: GV đặt câu hỏi:  + Ở chương trình THCS, các em đã được học tác phẩm nào của Huy Cận? Nhận xét về thời điểm sáng tác của tác phẩm và cảm xúc chủ đạo của Huy Cận trong tác phẩm đó?  + Vậy trước cách mạng, hồn thơ của Huy Cận là hồn thơ như thế nào?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong tập thơ “Lửa thiêng” viết trước cách mạng 1945, nhà thơ Huy Cận có làn tự họa chân dung tâm hồn minh:*  *“Một chiếc linh hồn nhỏ*  *Mang mang thiên cổ sầu”*  *Nỗi sầu ấy có bao trùn cả tập “Lửa thiêng” và hội tụ ở bài “Tràng giang”- một trong những bài thơ tiêu biểu của hồn thơ Huy Cận trước cách mạng Tháng Tám.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**(TL của nhóm Nam Định)**

**HĐ 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2, GQVĐ**

**b. Nội dung:** trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**1. Tác giả :**

- Huy Cận (1919- 2005 ), tên khai sinh : Cù Huy Cận

-Quê: làng Ân Phú –Hương Sơn –HàTĩnh một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ áo não.

-Thơ HC hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.

**- Đặc trưng hồn thơ :**

* + **Trước CMT8:** thơ Huy Cận mang nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn của người dân mất nước ý thức sâu sắc về cảnh ngộ non sông và thân phận con người. Yêu đời và đau đời như là âm bản và dương bản trong tâm hồn Huy Cận.

🡪 Trước CMT8, Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não.

* + **Sau CMT8:** Thơ Huy Cận vừa giàu cảm xúc tươi mới của cuộc đời vừa mang đậm nội dung triết lý về sự sống bất diệt, về tình yêu đất nước, về sức mạnh nhân dân và vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam.

- Tác phẩm : xem SGK

**2. Bài thơ** : ***Tràng giang.***

**a.Xuất xứ** (sgk) Viết vào mùa thu 1939 in trong tập thơ “Lửa thiêng”

- Cảm xúc từ cảnh sông Hồng

**b.Thể loại**: thất ngôn trường thiên, đề tài: tả cảnh thiên nhiên (cổ điển+hiện đại)

**c.Bố cục**: (4 khổ) 2 phần

+Phần 1: (3 khổ đầu):bức tranh TG.

+Phần 2 :(khổ cuối) Tâm trạng nhà thơ.

**d. Nhan đề :** Tràng giang 🡪Gợi hình ảnh con sông dài , rộng ; điệp vần “ang” gợi âm hưởng vang xa , trầm buồn 🡪 Âm hưởng chung cho giọng điệu bài thơ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Điểm ấn tượng nhất trong cuộc đời của Huy Cận đối với em là gì?  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?  **- GV nhận xét và kết luận.**  **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.**  +Hãy nêu xuất xứ, thể loại, cách chia bố cục và ý nghĩa nhan đề của bài thơ  **+ GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**2. HOẠT ĐỘNG 2 : ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ (3 câu thơ đầu)**

**a. Mục tiêu : Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT**

**b.** **Nội dung hoạt động :** 3 nội dung : khổ 1, khổ 2 và khổ 3

**c. Sản phẩm**

**\*a. khổ 1:** - Hình ảnh : sóng gợn,thuyền, nước song song , cành củi khô.

🡪 Bức tranh được mở ra bằng hình ảnh của một dòng tràng giang phẳng lặng, một con thuyền lặng lẽ trôi, một cành củi khô nhỏ bé.  
- Cảm giác buồn của con người hiện đại:  
+ Sóng gợn tràng giang nhưng lại buồn điệp điệp (điệp từ điệp điệp – từ cái hữu hình của sóng trên tràng giang mà nhận ra cái vô hình là nỗi buồn của con người).  
+ Thuyền và nước bên nhau nhưng giữa thuyền và nước là sự xa cách hững hờ. Thuyền và nước theo hai chiều đối nghịch (về – lại), nổi lên giữa cuộc chia li là sầu trăm ngả.   
+ Cành củi bé nhỏ giữa tràng giang mênh mông, nhà thơ còn cố tình làm rõ: củi – một cành – khô. Đã thế, như có điều vô lí: một cành củi – lạc mấy dòng. Cành củi ở đây không chỉ là cành củi mà còn là cảm nhận về thận phận bé nhỏ của con người.

+ Nhạc điệu khổ thơ:

Âm điệu nhịp nhàng 2/2/3.

Thanh điệu có sự hoán vị bằng trắc đều đặn:

~ BTT – TBB

~ BB – TT

~ TBB – TTB

Cấu trúc đăng đối:

~ buồn điệp điệp – nước song song

~ thuyền về – nước lại

~ một cành khô – lạc mấy dòng

Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" cộng hưởng với độ ngân của vần “ang”, đã mở ra hình ảnh dòng sông mênh mông những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man, dấy lên trong ta một dư vị buồn man mác ở hồn thơ Huy Cận.

*🢡Với khổ thơ giàu hình ảnh,nhạc điệu , cách gieo vần nhịp nhàng và dùng nhiềuu từ láy,khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tác giả trước thiên nhiên.*

**\* b. Khổ 2:**

Cảnh sông nước được hoàn chỉnh hơn bằng những chi tiết mới như: Cồn nhỏ lơ thơ,gió đìu hiu, chợ chiều, làng xa, trời chiều, bến cô liêu. Bằng những nét vẻ mềm mại, uốn lượn, nhịp nhàng bởi các vần lưng liên tiếp : *lơ thơ, nhỏ, gió, đìu hiu* 🡪 gợi tả cảnh vật nhỏ bé, cô độc, thoáng lên cái vắng lặng, lạnh lẽo cô đơn đến rợn ngợp.

-Âm thanh: Tiếng chợ chiều gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ,vắng vẻ tuy thoáng chút hơi người.

- *Trời sâu chót vót*⭢cách dùng từ tài tình,ta như thấy bầu trời được nâng cao hơn, vẽ ra cái thiên địa vô thủy vô chung, vô cùng vô tận🡪bút pháp Đường thi đối lập giữa cái vô hạn (sông nước, bầu trời) với cái hữu hạn (cồn nhỏ, bến cô liêu)

- Sông dài,trời rộng><bến cô liêu🡪Sự tương phản giữa cái nhỏ bé và cái vô cùng của vũ trụ gợi lên cảm giác trống vắng,cô đơn 🡪 bút pháp “họa vân hiển nguyệt” (vẽ trăng nẩy trăng), tả không gian thiên địa vô cùng nhưng nhằm biểu hiện sự cô đơn, trống trải của cái tôi lãng mạn.

*🢡Với cách gieo vần tài tình, âm hưởng trầm bổng,HC như muốn lấy âm thanh để xoá nhoà không gian buồn tẻ hiện hữu nhưng không được.Nhà thơ cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín*

**\*c. Khổ 3:**

-Hình ảnh ước lệ: “bèo” để diễn tả thân phận,kiếp người chìm nổi

-Câu hỏi: “về đâu” gợi cái bơ vơ,lạc loài của kiếp người vô định

-Không cầu,không đò:không có sự giaolưu kết nối đôi bờ

🡪 Tô đậm cái mênh mông, cô đơn của cảnh vật, niềm khao khát mong chờ đau đáu những dấu hiệu của sự sống trong tình cảnh cô độc.

*🢡Ba khổ thơ biểu hiện cho niềm tha thiết với thiên nhiên tạo vật. Đó là một bức tranh thiên nhiên thấm đượm tình người,mang nặng nỗi buồn bâng khuâng,nỗi bơ vơ của kiếp người. Nhưng đằng sau nỗi buồn về sông núi là nỗi buồn của người dân thuộc địa trước cảnh giang sơn bị mất chủ quyền.*

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về bức tranh thiên nhiên Tràng giang và tâm trạng của nhà thơ?  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  **+ Nhóm 1:**  - GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu :  + Cảnh tràng giang được tác giả miêu tả như thế nào?  + Nêu những nét chính về nghệ thuật  + Nét hiện đại trong khổ thơ  +**Nhóm 2:**  - GV cho Hs trao đổi 2 nội dung :  + Cảnh tràng giang  + Cảm xúc của tác giả  **+Nhóm 3:**  - GV : Bức tranh tràng giang trong khổ thơ 3 có gì đặc biệt ?Tâm trạng của tác giả như thế nào ?  **+Nhóm 4:**  - GV nêu câu hỏi : Em có nhận xét gì về cảnh tràng giang trong khổ thơ 4 ? Tại sao tác giả nói “ Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà” ?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 2: Tâm sự yêu nước thầm kín của nhà thơ (khổ 4)**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động :** 1 nội dung.

**c. Sản phẩm**:

**Khổ 4**: ***Tâm sự yêu nước thầm kín***

- Hình ảnh ước lệ, cổ điển: Mây, chim ⭢ bức tranh chiều tà đẹp kì vĩ, êm ả,thơ mộng được gợi lên bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển với hình ảnh mây trắng ,cánh chim chiều; đồng thời mang dấu ấn tâm trạng tác giả.

-Tâm trạng: *Không khói*... *nhớ nhà*: âm hưởng Đường thi nhưng tình cảm thể hiện mới mẻ. Nỗi buồn nhớ trong thơ xưa là do thiên nhiên tạo ra, còn HC tấm lòng thương nhớ quê hương tha thiết tìm ẩn và bộc phát tự nhiên vì thế mà nó sâu sắc và da diết vô cùng.

***🢡 Đằng sau nỗi buồn, nỗi sầu trước không gian và vũ trụ là tâm sự yêu nước thầm kín của một trí thức bơ vơ,bế tắc trước cuộc đời.***

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động: Bài thơ có đơn thuần là nỗi buồn, nỗi sầu trước không gian thiên nhiên không? Vì sao?**  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu nhóm 4 lên báo cáo kết quả thảo luận (GV đã giao nhiệm vụ thảo luận cùng thời gian với 3 nhóm còn lại)  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Các nhóm khác nhận xét sản phẩm**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

1. **Nội dung:**

Vẻ đẹp bức tranh thiện nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết.

1. **Nghệ thuật:**

**-** Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

1/ Nội dung chính của đoạn thơ : Đoạn thơ thể hiện không gian vắng lặng cô đơn và niềm khao khát giao hoà với con người.

2/ Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy *Lơ thơ, đìu hiu*: Hai từ láy này gợi sự buồn bã, quạnh vắng, cô đơn trong tâm hồn nhà thơ.

 3/ Nhà thơ không dùng từ *cao chót vót* mà lại dùng *sâu chót vót*: vì từ *sâu*  tả chiều cao thăm thẳm, vô cùng. *Chót vót* khắc hoạ chiều cao dường như vô tận. Càng rộng, càng sâu, càng cao thì cảnh vật càng thêm vắng lặng.

 4/ Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng buồn cô đơn, trống vắng, một niềm khao khát tìm đến cõi nhân thế để giao hoà với con người.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**  **- GV giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi :  *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*  *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều*  *Nắng xuống, trời lên sâu chót vót*  *Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*  *(* Trích *Tràng giang*, Huy Cận, Tr 29, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?  2/ Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy *Lơ thơ, đìu hiu* ?   3/ Tại sao nhà thơ không dùng từ *cao chót vót* mà lại dùng *sâu chót vót* ?   4/ Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng gì ? | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung: Thí sinh cảm nhận được vẻ đẹp hình thức và nội dung của câu thơ. Về hình thức, câu thơ sử dụng phép đảo từ, đưa từ *củi* lên đầu câu thơ để nhấn mạnh hình ảnh. Sự phối hợp các từ *củi, khô, lạc* tạo nên hình ảnh gần gũi, đậm chất dân tộc và gợi tâm trạng. Về nội dung, câu thơ gợi hình ảnh cành củi khô nhỏ nhoi, vô nghĩa, cô đơn trôi bềnh bồng trên dòng sông mênh mông sông nước dễ gợi nỗi buồn về kiếp người nhỏ bé vô định.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**  **- GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp câu thơ *Củi một cành khô lạc mấy dòng.*  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HĐ TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: GQVĐ**

**b.Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; sưu tầm và viết bài cảm nhận.

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm, bài viết của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**  **- GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Sưu tầm thêm một số bài thơ của Huy Cận trước cách mạng. Viết cảm nhận về các bài thơ đó. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (tiết sau)**  + Vẽ đúng sơ đồ tư duy  + Sưu tầm qua sách, mạng internet. Viết cảm nhận ngắn gọn, cảm xúc chân thành. |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Huy Cận – Tác phẩm và lời bình

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 75 - 76: TT tiết dạy theo KHDH**

**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

**- HÀN MẶC TỬ -**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Cảm nhận được bài thơ là bức tranh phong cảnh và cũng là tâm cảnh, thể hiện nỗi buồn cô đơn của Hàn Mặc Tử trong một mối tình xa xăm, vô vọng. Qua đó hiểu được lòng yêu thiên nhiên, cuộc sống và khát vọng hạnh phúc thiết tha của Hàn Mặc Tử. | **Đ1** |
| **2** | + Nhận biết sự vận động của tứ thơ, tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo, tài hoa của một nhà thơ mới. | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Đây thôn Vĩ Dạ* và các phẩm khác của Hàn Mặc Tử. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI** | | |
| **10** | + Đồng cảm trước số phận và khát vọng hạnh phúc thiết tha của thi sĩ.  + Bồi đắp lòng yêu thiên nhiên, yêu quê hương cho HS. | **NA** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10phút) | **Đ1, GQVĐ** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Hàn Mặc Tử, văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ*. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ** | I. Tìm hiểu chung  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II.Đọc hiểu văn bản.  1. Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.  2. Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và nỗi niềm khổ đau, chia lìa.  3. Nỗi niềm thôn Vĩ.  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ4, Đ5, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

**2. Bài mới**

**TIẾT 1 :**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG (CHO CẢ 2 TIẾT HỌC)**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** xem clip, nghe bài hát và trả lời câu hỏi

**c.** **Sản phẩm :**

+ Xứ Huế đẹp, mộng mơ; người xứ Huế dễ mến thân thương.

+ Cuộc đời tài hoa nhưng đầy bất hạnh, đau thương.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - GV giao nhiệm vụ:  +Trình chiếu 1 clip ngắn về xứ Huế trên nền bài hát “*Hàn Mặc Tử”*songhuong4 + Câu hỏi thảo luận: *Em có cảm nhận gì về thiên nhiên xứ Huế và cuộc đời nhà thơ?*  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong phong trào thơ Mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử là nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. “Đây thôn Vĩ Dạ” là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

1) Tác giả:

- Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới *“ Ngôi sao chổi trên b*

*ầu trời thơ Việt Nam”*(Chế Lan Viên)

- Ông có cảnh ngộ bất hạnh, sớm mất cha, mắc bệnh hiểm nghèo.

- Tác phẩm chính (SGK)

2) Tác phẩm

- Trích từ tập “thơ điên”.

- Hoàn cảnh sáng tác: trong tập “Thơ điên ”sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.

- Bố cục:

+ Khổ 1: cảnh Thôn Vĩ và niềm hy vọng tình yêu, hạnh phúc.

+ Khổ 2: Cảnh xứ Huế và nỗi buồn chia xa.

+ Khổ 3: Người con gái Huế, cảnh mộng và nỗi hoài nghi tuyệt vọng.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Trước hoạt động:** Tìm đọc các tư liệu liên quan đến cuộc đời Hàn Mặc Tử? Ấn tượng của em về tác giả này?  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?  **- GV nhận xét và kết luận.**  **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.**  +Hãy nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?  **+** Xác định nội dung chính cua từng khổ thơ trong bài thơ?  **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS huy động kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khổ 1 ( Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết)**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, DH-HT**

**b.** **Nội dung hoạt động:** Tìm hiểu khổ 1 của bài thơ.

**c.** **Sản phẩm:**

**Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vỹ và tình người tha thiết** ( 15 phút)

**- “*Sao anh....”* : Câu hỏi tu từ nhiều sắc thái : lời trách nhẹ nhàng hay cũng là lời mời gọi tha thiết.**

- Cảnh thôn Vĩ: vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng:

+ vẻ đẹp của nắng hàng cau - nắng mới lên gợi đúng đặc điểm của cái nắng miền Trung : nắng nhiều và chói chang , rực rỡ lúc hừng đông.

+ Vẻ đẹp mượt mà, tươi tốt ,dầy sức sống *Vườn ai mướt qua ,xanh như ngọc*.

- *Lá trúc* .... *mặt chữ điền:* bóng dáng con người xuất hiện tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi

***=> Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,*** *cảnh xinh xắn , con người phúc hậu ,thiên nhiên và con người hài hòa với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.* ***Đằng sau bức tranh phong cảnh là tình yêu thiên nhiên, con người tha thiếtvà niểm băn khoăn day dứt của tác giả***

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về bức tranh thiên người xứ Huế trong khổ 1?  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn:  + Câu hỏi mở đầu bài thơ có gì đặc biệt?  + Cảnh Thôn Vĩ hiện lên như thế nào ? Bóng dáng của người con gái Huế xuất hiện gây thêm ấn tượng gì cho lời mời gọi? | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo cặp 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung:** Quan sát 2 câu văn. Mỗi câu đều bị lược đi một số từ.

- Điền vào dấu 3 chấm.

**c. Sản phẩm:**

1. Cảnh thiên nhiên thôn vĩ hiện lên qua các hình ảnh: **nắng hàng cau, vườn ai, lá trúc che ngang mặt chữ điền**

*2.**Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,**cảnh* ***xinh xắn*** *, con người* ***phúc hậu****,thiên nhiên và con người* ***hài hòa*** *với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.*

***d. Các bước dạy học***

***GV chiếu câu văn chứa dấu “...” lên slide:***

*1. Cảnh thiên nhiên thôn Vĩ hiện lên qua các hình ảnh:....,....,....*

*2. Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,**cảnh.... , con người...,thiên nhiên và con người... với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.*

HS quan sát, gấp sách lại và trả lời câu hỏi.

**TIẾT 2:**

**HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN (TIẾP TIẾT 1)**

**Nội dung 2: Tìm hiểu cảnh hoàng hôn thôn Vĩ với nỗi niềm cô lẻ, chia lìa và nỗi niềm thôn Vĩ (Khổ 2, khổ 3).**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT**

**b.** Nội dung hoạt động: thảo luận 2 nội dung: khổ 2 và khổ 3.

**c. Sản phẩm:**

**Khổ 2 : Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ , chia lìa**

- Cảnh thôn Vĩ thật êm đềm thơ mộng , nhịp điệu khoan thai ,êm đềm : Gió mây nhè nhẹ bay đi ,dòng chảy lững lờ ,cây cỏ khẽ đung đưa

- Hình ảnh: Gió lối gió, mây đường mây biểu hiện của sự chia cách.

- Nhân hóa: Dòng nước làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bã. Thể hiện sự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình cảnh đẹp như lạnh lẽo, dường như phảng phất tâm trạng thờ ơ xa cách cuộc đời đối với mình

- Bến sông trăng: hình ảnh lạ, gợi lên vẻ đẹp lãng mạn,nhẹ nhàng,tất cả đang đắm chìm trong bồng bềnh mơ mộng,như thực như ảo

- Câu hỏi: Có chở......⭢sáng lên hivọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung, xa vời

***🢡 Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng***

***3. Khổ 3: Nỗi niềm thôn Vĩ***

- Mơ khách .....: Khoảng cách về thời gian, không gian.

- Áo em .....:hư ảo,mơ hồ⭢hình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời,không thể tới được nên t/g rơi vào trạng thái hụt hẫng,bàng hoàng, xót xa.

- Ai biết ........: biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của t/g đang ở thời kì đau thương nhất.Lời thơ bâng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc

***🢡 Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.***

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Đọc kĩ lại khổ thơ 2, 3; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc theo cảm nhận của anh/chị  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  **Nhóm 1:** Cảnh thôn Vĩ hiện lên như thế nào ở khổ 2, nó có sự khác biệt gì so với khổ 1?  **Nhóm 2**: Nhận xét nghệ thuật miêu tả qua hình ảnh “gió”, “mây”, “sông”, chỉ ra nét độc đáo của nó ?  **Nhóm 3**: Nhận xét về cách sử dụng biện pháp tu từ trong khổ này ?Tâm trạng của chủ thể trữ tình thay đổi thế nào ?  **Nhóm 4**: Hình ảnh bến sông trăng gợi cho em cảm giác gì về vẻ đẹp của thiên nhiên ? Đằng sau phong cảnh ấy là tâm sự gì của nhà thơ ?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | HS hiện theo yêu cầu của GV.  (HS suy nghĩ và làm việc cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** HS tư duy, động não để rút ra được:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

- Trí tưởng tượng phong phú.

- Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..

- Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giũa thực và ảo.

**2*. Ý nghĩa văn bản:***

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ4, N1**

**b. Nội dung hoạt động: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?

2/Xác định phép điệp trong câu thơ:*Mơ khách đường xa khách đường xa,*

Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng phép điệp đó ?

 3/ Câu thơ *Ai biết tình ai có đậm đà?* đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của nhà thơ ?

Trả lời :

1/ Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ thể hiện nỗ nhớ hình ảnh người thiếu nữ Huế và sự tuyệt vọng của thi nhân.

2/ Phép điệp trong câu thơ: điệp ngữ  *khách đường xa*  hai lần

Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh thêm nỗi xót xa, như lời thầm tâm sự của nhà thơ với chính mình. Trước lời mời của cô gái thôn Vĩ (Sao anh không về chơi thôn Vĩ), có lẽ nhà thơ chỉ là người khách quá xa xôi, hơn thế, chỉ là người khách trong mơ mà thôi. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự suy tư ấy, nhưng ở đây chủ yếu là mặc cảm về tình người.

 3/ Câu thơ *Ai biết tình ai có đậm đà?* đạt hiệu quả nghệ thuật: nhà thơ đã sử dụng rất tài tình đại từ phiếm chỉ *ai* để mở ra hai ý nghĩa của câu thơ: nhà thơ làm sao mà biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ có chóng tan như sương khói kia; tuy vậy, người xứ Huế có biết chăng tình cảm của nhà thơ với cảnh Huế, người Huế hết sức thắm thiết, đậm đà? Dù hiểu theo nghĩa nào thì câu thơ cũng chỉ làm tăng nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi :  *Mơ khách đường xa khách đường xa,* *Áo em trắng qúa nhìn không ra;* *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh* *Ai biết tình ai có đậm đà?*  ( Trích Đây thôn Vĩ Dạ , Hàn Mặc Tử, Tr 39, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007) | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung:Hàn Mặc Tử là con người dẫu chịu nhiều đau thương trong cuộc sống mà vẫn khát khao yêu thương, khát khao yêu cuộc đời. Từ đó, thí sinh bàn luận ý nghĩa của niềm khát khao đó, phê phán một bộ phận giới trẻ có tư tưởng bi quan, chán nản, mất phương hướng. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Tình yêu cuộc sống của nhà thơ bất hạnh Hàn Mặc Tử đã gợi cho anh chị có suy nghĩ gì? Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ của mình  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Tìm đọc thêm một số bài thơ cùa Hàn Mặc Tử  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (tiết sau). |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 77: : TT tiết dạy theo KHDH**

**THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bác bỏ | Đ2 |
| **3** | Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong văn nghị luận. | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích thao tác lập luận bác bỏ trong văn bản nghị luận. | **Đ4** |
| **5** | Biết cách bác bỏ một ý kiến sai, thiếu chính xác về xã hội hoặc văn học. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bác bỏ | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bác bỏ vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bác bỏ, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ.  II. Cách bác bỏ | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bác bỏ | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HĐ 1. KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Quan điểm và cách lập luận để bảo về quan điểm của HS

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- Trước hoạt động:** Em hãy nhắc lại những thao tác lập luận đã học?  **- Trong hoạt động**: GV đưa ra tình huống: Có người cho rằng *con người sống để ăn*. Nhưng có người nói ngược lại: *Ăn để sống*. Em đồng ý quan niệm nào? Hãy lập luận để bảo vệ quan điệm của mình.  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Lập luận bác bỏ rất cần thiết trong đời sống hiện nay, khi mà trong xã hội không khỏi những nhận định sai lầm, lệch lạc thậm chí phản cả các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội…Vì vậy chúng ta phải kịp thời bác bỏ nhận định đó để bảo vệ các chân lí. Muốn bác bỏ ý kiến người khác cần phải có tri thức, biết cách bác bỏ.Để làm được điều này, ta tìm hiểu bài: thao tác lập luận bác bỏ.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1: MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** gồm các nội dung: khái niệm thao tác lập luận bác bỏ, mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ.

**c. Sản phẩm**

***1/ Khái niệm thao tác lập luận bác bỏ***:

- Bác bỏ: bác đi, gạt đi,không chấp nhận ý kiến.

- Phản bác: Gạt bỏ bằng lí lẽ ý kiến,quan điểm của người khác

🢡 Bác bỏ là dùng lí lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác,...từ đó nêu lên ý kiến của mình để thuyết phục người nghe, người đọc.

***2/ Mục đích***:

- Nhằm phê phán cái sai để bảo vệ chân lí của đời sống và chân lí của nghệ thuật.

***3/ Yêu cầu***:

- Chỉ ra cái sai hiển nhiên đó

- Dùng lí lẽ và dẫn chứng khách quan, trung thực để bác bỏ ý kiến, nhận định sai trái.

- Cần có thái độ khách quan, đúng mực, có văn hóa tranh luận.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :** Em đã gặp tình huống nào sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong đời sống ? Hãy lấy một ví dụ cụ thể ?  **Trong hoạt động :GV yêu cầu HS tìm hiểu mục I trong SGK**  **-GV yêu cầu hs tra từ điển Tiếng Việt nghĩa của từ bác bỏ,phản bác**  Từ sự tra cứu đó, gv hình thành khái niệm cho hs bằng cách xét ví dụ trong sách(thảo luận theo cặp)  1.Thế nào là bác bỏ? Trong cuộc sống cũng như viết bài nghị luận, ta dùng thao tác bác bỏ nhằm mục đích gì?  2. Để bác bỏ thành công, cần nắm vững những yêu cầu nào?  3.Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ?  4. Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn?  **- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo cặp trong 4p**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**NỘI DUNG 2: CÁCH BÁC BỎ**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ4, Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động:** Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết các nội dung: bố cục bài văn nghị luận bác bỏ, cách thức bác bỏ và giọng điệu của văn nghị luận bác bỏ.

**c. Sản phẩm**

\* Nl 1:

Luận điểm bác bỏ:

Nguyễn Du là con bệnh thần kinh.

- Bác bỏ bằng cách phối hợp nhiều loại câu, nhất là câu hỏi tu từ và cách so sánh trí tưởng tượng của Nguyễn Du và trí tưởng các thi sĩ khác.

\* Nl2:

- Nguyễn An Ninh bác bỏ ý kiến sai trái: Tiếng nước mình nghèo nàn.

- Bác bỏ bằng cách khẳng định ý kiến không có cơ sở mà bằng so sánh hai nền văn học Việt Trung để nêu câu hỏi tu từ: *“Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người”.*

\* Nl3:

- Ông Nguyễn Khắc Viện bác bỏ quan niệm sai trái: *“Tôi hút, tôi bị bệnh mặc tôi”.*

- Bác bỏ: bằng cách phân tích tác hại đầu đọc môi trường của những người hút thuốc lá gây ra cho những người xung quanh.

**=> Kết luận:**

***1/ Bố cục bài văn nghị luận bác bỏ:***

- Mở bài:Nêu rõ ý kiến sai lệch

- Thân bài:Dùng dẫn chứng kết hợp lí lẽ để bác bỏ

- Kết bài:Nêu ý kiến,quan điểm đúng hoặc rút ra bài học,việc làm cần thiết

***2/ Cách thức bác bỏ:***

- Nêu và phân tích quan điểm và ý kiến sai lệch, dẫn chứng minh hoạ tác hại của sai lầm,dẫn chứng trái ngược để phủ nhận,hoặc dùng lí lẽ trực tiếp phê phán sai lầm

- Khẳng định ý kiến,quan điểm đúng đắn của mình

***3/ Giọng điệu của văn NL bác bỏ:***

- Rắn rỏi,dứt khoát

- Mang tính chiến đấu,có tính thuyết phục cao

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động :** GV cho hs đọc tất cả những ví dụ trong SGK và tìm hiểu nội dung cơ bản của chúng.  và trả lời những câu hỏi nêu bên dưới sau khi đã thảo luận thống nhất.  **- Trong hoạt động :** Gv chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu một ngữ liệu dựa vào việc trả lời các câu hỏi sau: Cho biết trong ba đoạn trích trên, luận điểm (ý kiến, nhận định, quan niệm…) nào bị bác bỏ? Bác bỏ bằng cách nào?  - Hãy nêu cách thức làm một bài văn nghị luận bác bỏ?  **- Sau hoạt động :** Khuyến khích HS xung phong trả lời và đưa ra kết luận. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 5p**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ4,Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

***Bài tập 1***:

(1) Đoạn văn a:

− Tác giả bác bỏ quan niệm "đổi cứng ra mềm" của những kẻ sĩ cơ hội, cầu an.

− Bác bỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng.

(2) Đoạn văn b:

− Tác giả bác bỏ quan niệm cho rằng "thơ là những lời đẹp".

− Bác bỏ bằng những dẫn chứng cụ thể.

\* **Bài tập 2:**

− Khẳng định đây là một quan niệm sai về việc kết bạn trong lứa tuổi học trò.

− Phân tích "học yếu" không phải là một "thói xấu", mà chỉ là một "nhược điểm" chủ quan hoặc do những điều kiện khách quan chi phối (sức khoẻ, khả năng, hoàn cảnh gia đình…); từ đó phân tích nguyên nhân và tác hại của quan niệm sai trên.

− Khẳng định quan niệm đúng đắn là kết bạn với "những người học yếu" là trách nhiệm và tình cảm bạn bè nhằm giúp đỡ nhau cùng tiến bộ về mọi mặt, trong đó có mặt học tập.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  \* Yêu cầu phân tích:  − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn?  − Cách bác bỏ của mỗi tác giả?  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó.  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Suy nghĩ đó hoàn toàn sai lầm. Đội mũ bảo hiểm giúp bảo vệ chính bản thân người đội mũ khi đi lại ừên đường nếu chẳng may gặp phải tai nạn rủi ro. Các số liệu thống kê cũng cho thấy đội mũ bảo hiểm giúp giảm 30% thương vong do chấn thương sọ não ừong các vụ tai nạn giao thông. Vi vậy việc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là hết sức cần thiết.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Có người nói: “*Đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là không cần thiết*”.  (Hoặc: “*Đã là đàn ông phải biết uống rượu*”)  Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó.  **- Nhận xét.**  **(NL giải quyết vấn đề)** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HĐ** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ**

**b.Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Sưu tầm những đoạn văn nghị luận xã hội tiêu biểu có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ (Tìm kiếm qua sách báo, mạng internet. Chú ý những ngữ liệu liên quan đến đời sống xã hội gần gũi với tuổi trẻ) | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau:**  tư duy |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 78 : TT tiết dạy theo KHDH**

**LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong văn nghị luận. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bác bỏ | Đ2 |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích thao tác lập luận bác bỏ trong văn bản nghị luận. | **Đ4** |
| **5** | Biết cách bác bỏ một ý kiến sai, thiếu chính xác về xã hội hoặc văn học. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bác bỏ | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bác bỏ vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bác bỏ, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Lí thuyết  II. Bài tập | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bác bỏ | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm**

Thao tác lập luận bác bỏ

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ:** *“ …Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?*  *Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?*  *Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?*  *Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này:*  *Điều gì người ta suy nghĩ kĩ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra. …”*  (Nguyễn An Ninh, Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức  Theo SGK Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)  Đoạn văn trên sử dụng thao tác lập luận gì?  **Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài**: Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu kiến thức về thao tác lập luận bác bỏ. Hôm nay, chúng ta sẽ thực hành thao tác này để củng cố và khắc sâu kiến thức. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** |

**HĐ2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** lí thuyết và thực hành bài tập

**c. Sản phẩm**

**I. Lí thuyết:**

- Thế nào là bác bỏ?

- Mục đích, yêu câu của thao tác lập luận bác bỏ?

- Cách thực hiện thao tác lập luận bác bỏ?

**II.Bài tập:**

Bài tập 1:

***1/Đoạn 1***:Có quan niệm cho rằng cuộc sống riêng của mỗi người là đầy đủ tiện nghi, được bao bọc cẩn thận trong êm ấm và tuyệt đối không cần phải hiểu biết gì nhiều về xung quanh.

Ý kiến bác bỏ: Cho đó là sai lầm bởi vì nó làm nghèo nàn đi tâm hồn con người,con người sẽ không có khả năng tự bảo vệ mình khi đối diện với muôn vàn khó khăn của cuộc sống và như thế con người sẽ không thấy được giá trị của hạnh phúc

***2/Đoạn 2:*** Ý bác bỏ thứ nhất thể hiện qua dạng câu hỏi tu từ biểu hiện cho thái độ khiêm tốn của QT

Ý bác bỏ thứ hai cho thấy rằng QT chỉ rõ được thái độ chưa hợp tác của các sĩ phu Bắc Hà chứ một đất nước không thể không có người tài,không có người trung thành tín nghĩa.

Bài tập 2:

***1/Bác bỏ quan niệm thứ nhất***:Nếu học thuộc nhiều sách,học thuộc nhiều thơ thì chỉ làm cho kiến thức chúng ta thêm phong phú chứ không thể rèn luyện tư duy,khả năng sáng tạo của người viết vì thế khi viết văn dễ sa vào rập khuôn,máy móc,thói khoe chữ cầu kì

***2/Đề xuất vài kinh nghiệm:***

-Đọc nhiều sách,nhớ những dẫn chứng hay

-Rèn khả năng hành văn

-Tìm tòi,phát hiện cái mới

Bài tập 3:Lập dàn ý:

a, Mở bài: Dẫn dắt nêu nhận xét khái quát về quan niệm cần bác bỏ.

b, Thân bài

   - Khẳng định tính đúng sai của quan niệm: Quan niệm trên là hoàn toàn sai.

   - Nguyên nhân dẫn đến quan niệm sai.

   - Biểu hiện của quan niệm sai và tác hại của nó.

   - Khẳng định một quan niệm về cách sống đúng: cách sống “sành điệu” của tuổi trẻ thời hội nhập là không ngừng học tập để có tri thức hiện đại, không ngừng rèn luyện để có sức khỏe tốt, có vốn hiểu biết và thích ứng nhanh với cuộc sống.

c, Kết bài

   - Bài học rút ra từ kinh nghiệm trên.

   - Mở rộng, liên hệ thực tế.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Trước hoạt động: GV yêu cầu HS ôn lại lí thuyết đã học**  1.Thế nào là bác bỏ? Trong cuộc sống cũng như viết bài nghị luận, ta dùng thao tác bác bỏ nhằm mục đích gì?  2. Để bác bỏ thành công, cần nắm vững những yêu cầu nào?  3.Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ?  4. Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn? | **I. Lí thuyết:**  - Thế nào là bác bỏ?  - Mục đích, yêu câu của thao tác lập luận bác bỏ?  - Cách thực hiện thao tác lập luận bác bỏ? |
| **Trong hoạt động :** Gv hướng dẫn Hs làm **bài tập 1**(tr 31,sgk) theo nhóm :  **Nhóm 1, 2** : tìm hiểu nội dung của đoạn 1 và chỉ ra cách thức bác bỏ  Người viết bác bỏ vấn đề gì?  Chứng minh cho vấn đề đó người viết đã dùng những luận cứ nào?  **Nhóm 3, 4 :** Ở đoạn 2 ý kiến bác bỏ nhằm mục đích gì?  Luận cứ đưa ra để bác bỏ vấn đề dựa trên suy nghĩ gì?  **Bài tập 2 :** HS thảo luận theo nhóm bàn : Chọn một trong hai quan niệm để bác bỏ, rồi đề xuất thêm một vài kinh nghiệm khác.  **Bài tập 3 :** HS tự lập dàn ý và viết bài nghị luận bác bỏ quan niệm trên  **(HS về nhà làm)** | - HS thảo luận theo nhóm trong 5p.  - Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.  - Nhận xét chéo.  - HS thảo luận theo cặp trong 5p.  - 1-2 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.  - Nhận xét chéo.  - HS về nhà làm bài tập 3 và báo cáo sản phẩm vào tiết sau. |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

Vũ Trọng Phụng đã phản bác trước ý kiến phê bình của Nhất Chi Mai:

+ Theo ông, tiểu thuyết là sự thực ở đời...

+ Không phải thơ văn của ông mang tư tưởng hấc ám, nhỏ nhen mà do thực trạng xã hội lúc bấy giờ thật sự đồi bại và o uế. Vì thế, ông không thể chỉ nói những lời hay ho, ca tụng cho văn chương được. Nếu như thế thì văn chương chỉ là giả dố, lừa gạt mà thôi.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ**: Chỉ ra cách lập luận bác bỏ của nhà văn Vũ Trọng Phụng trước ý kiến phê bình của Nhất Chi Mai ( Nhất Linh)  - Gv nhận xét, chuẩn kiến thức | **- Hs thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kêt quả thực hiện nhiệm vụ.** |

a. Nhất Chi Mai (Nhất Linh) phê bình Vũ Trọng Phụng, năm 1937.  
*Đọc xong một đoạn văn, tôi thấy trong lòng phẫn uất, khó chịu, tức tối.  
Không phải phẫn uất, khó chịu cái vết thương xã hội tả trong câu văn, mà chính là vì cảm thấy tư tưởng hắc ám, căm hờn nhỏ nhen ẩn trong đó.  
... Đọc văn Vũ Trọng Phụng, thực không bao giờ tôi thấy một tia hy vọng, một tư tưởng bi quan. Đọc xong ta tưởng nhân gian là một nơi địa ngục và xung quanh mình toàn là những kẻ giết người, làm đĩ, ăn tục, nói càn, một thế giới khốn nạn vô cùng.  
Phải chăng đó là tấm gương phản chiếu tính tình, lí tưởng của nhà văn, một nhà văn nhìn thế giới qua cặp mắt kính đen và một cội nguồn văn cũng đen nữa.*b. Vũ Trọng Phụng đã phản bác lại cùng năm đó, 1937.  
*Khi dùng một từ bẩn thỉu tôi chẳng thấy khoái trá như khi các ông tìm được một kiểu áo phụ nữ mới mẻ, những lúc ấy, tôi chỉ thương hại cái nhân loại ô uế bẩn thỉu, nó bắt tôi phải viết như thế, và nó bắt các ông phải chạy xa sự thực bằng những danh từ điêu trá của văn chương. Các ông quen nhìn một cô gái nhảy là một phụ nữ tân thời, vui vẻ trẻ trung, hi sinh cho ái tình hoặc cách mạng lại gia đình. Riêng tôi, tôi chỉ thấy đó là một người đàn bà vô học, chẳng có thị vị, lại hư hỏng, lại bất hiếu bất mục nữa, lại có nhiều vi trùng trong người nữa. Tôi không biết gọi gái đĩ là nàng - chữ ấy nó thi vị lắm - hoặc tô điểm cho gái đĩ ấy những cái thi vị mà gái đĩ ấy không có, đến nỗi đọc xong truyện người ta chỉ thấy một gái đĩ làm gương cho thế gian noi theo!  
... Đó, thưa các ông, cái chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta!... Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời...  
Hắc ám, có! Vì tôi vốn là người bi quan, căm hờn cũng có, vì tôi cho rằng cái xã hội nước nhà mà lại không đáng căm hờn, mà lại cứ "vui trẻ trung", trưởng giả, ăn mặc tân thời, khiêu vũ v.v...như các ông chủ trương thì một là không muốn cải cách gì xã hội, hai là ích kỉ một cách đáng sỉ nhục.  
Còn bảo nhỏ nhen thì thì thế nào?  
Tả thực cái xã hội khốn nạn, công kích cái xa hoa dâm đãng của bọn người có nhiều tiền, kêu ca những sự thống khổ của nhân dân nghèo bị bóc lột, bị áp chế, bị cưỡng bức, muốn cho xã hội công bình hơn nữa, đừng có chuyện ô uế, dâm đãng, mà bảo là nhỏ nhen, thì há dễ Zôla (Dôla), Hugo (Huygô), Mabraux (Mabrô), Dostoievski (Đôtstôiepski), Maxime Gorki (Maxim Gorki) lại không cũng là nhỏ nhen?  
Nếu các ông không muốn sờ lên gáy thì thôi, bao nhiêu chuyện thanh cao, tao nhã, cao thượng của loài người xin các ông cố mà hương hoa khấn khứa. Tôi xin để cái phần ấy cho các ông. Riêng tôi, xã hội này, tôi chỉ thấy khốn nạn, quan tham lại nhũng, đàn bà hư hỏng, đàn ông dâm bôn, một tụi văn sĩ đầu cơ xảo quyệt, mà cái xa hoa chơi bời của bọn giàu thì thật là những câu chửi rủa vào cái xã hội dân quê, thợ thuyền bị lầm than, bị bóc lột. Lạc quan được cho đời là vui, là không cần cải cách, cho cái xã hội này là hay ho tốt đẹp, rồi ngồi mà đánh phấn bôi môi hình quả tim để đi đua ngựa, chợ phiên, khiêu vũ, theo ý tôi, thế là giả dối, là tự lừa mình và di hoạ cho đời, nếu không là vô liêm sỉ một cách thành thực.*

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Suy nghĩ đó hoàn toàn sai lầm. Người  “ngáo đá” có triệu chứng của tâm thần dưới góc độ khoa học. Nhưng dưới góc độ pháp luật, “ngáo đá” chính là hậu quả của hành vi sử dụng ma túy gây ảo giác. Một khi đã xác định đây chính là hậu quả của hành vi sử dụng ma túy gây ảo giác thì phải giám định rất kỹ để đánh giá được việc sử dụng ra sao, mức độ ảnh hưởng thần kinh đến đâu. Vì thế, khi họ gây ra hậu quả thì cũng phải xử lí bình thường.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Có người nói: “*Những người phạm tội do ngáo đá gây ra thì không xử lý hình sự”*. Hãy nêu quan điểm của anh/ chị bằng một đoạn văn ngắn.  Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó. | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HĐ 5.** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a.Mục tiêu: GQVĐ**

**b.Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Sưu tầm những đoạn văn nghị luận xã hội tiêu biểu có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 79: TT tiết dạy theo KHDH**

**Ôn tập nâng cao: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

Vận dụng những kiến thức về bài học và các thao tác đã học: phân tích, so sánh,.. để làm bài

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố, nâng cao các kĩ năng làm văn nghị luận văn học về các mặt: xác định vấn đề nghị luận, lập dàn ý, diễn đạt.

- Nâng cao khả năng cảm thụ văn học.

- Viết được bài văn nghị luận xã hội thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc**.**

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

\* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

**4. Định hướng các năng lực cần hình thành**

**\* NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

**\* NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

**B. THIẾT KẾ DẠY HỌC**

**I. Chuẩn bị của GV và HS**

- Giáo viên: Đề bài ôn tập cho HS.

- Học sinh: SGK, vở viết trên lớp.

**II.Tổ chức dạy và học**

1.Ổn định lớp

2. Trả bài

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề và lập dàn ý theo đáp án trình bày ở bài viết số 6.  - Yêu cầu học sinh đọc lại đề bài  - Xác định dạng đề, vân đề cần nghị luận và phạm vi dẫn chứng của vấn đề?  - Với những yêu cầu trên bài viết đảm bảo những yêu cầu nào về kĩ năng, kiến thức?  - GV chốt lại các ý trọng tâm cần đạt.    **Hoạt động 2:** GV nhận xét ưu khuyết điểm của học sinh. | **I. Tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn:**  **Đề bài**: **Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn. Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về ý kiến trên**.  **1. Xác định yêu cầu đề:**  - Dạng đề: nghị luận xã hội.  - Vấn đề nghị luận: **Biết tự hào và biết xấu hổ trong cuộc sống**  - Phạm vi dẫn chứng: Đời sống  **2.Yêu cầu về kĩ năng** :  - Biết cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí.  - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  **3. Yêu cầu về kiến thức**:  **\* Giải thích ý kiến:**  – Biết tự hào về bản thân là thái độ hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có, về những đóng góp của mình cho cuộc sống; biết xấu hổ là cảm thấy hổ thẹn về sự kém cỏi và những lỗi lầm của mình trước người khác. – Nội dung ý kiến: Đề cao việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản thân, hướng đến sự hoàn thiện mình.  **\* Luận bàn về ý kiến:**  – Khẳng định sự cần thiết của việc biết tự hào: biết tự khẳng định mình, giúp bản thân tự tin hơn trong cuộc sống và trong công việc, có thêm động lực để vươn tới những ước mơ lớn hơn. – Phê phán thái độ tự cao, tự đại (tự đánh giá mình quá cao, quá lớn vì thế mà trở nên hợm hĩnh). – Khẳng định sự cần thiết của việc biết xấu hổ: giúp con người có ý thức điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những chuẩn mực đạo đức; biết xấu hổ còn quan trọng hơn biết tự hào bởi nó là biểu hiện của ý thức hoàn toàn tự giác, xuất phát từ lương tâm, giúp con người nâng cao năng lực và hoàn thiện nhân cách. – Phê phán thái độ tự ti, mặc cảm (tự đánh giá thấp bản thân nên thiếu tự tin).  **\* Bài học nhận thức và hành động:**  - Nhận thức sâu sắc về những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.  - Nghiêm khắc đối với chính mình; không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức nhân cách. |

**III.Hướng dẫn HS tự học**

- **Hoàn thiện bài viết và nộp đúng hạn.**

**IV. Rút kinh nghiệm**

**Tiết 80: TT tiết dạy theo KHDH**

**XUẤT DƯƠNG LƯU BIỆT**

**- Phan Bội Châu -**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Cảm nhận được vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX; | **Đ1** |
| **2** | + Thấy được những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ, nhất là giọng thơ tâm huyết, sôi sục cua Phan Bội Châu | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Lưu biệt khi xuất dương* và các phẩm khác của Phan Bội Châu. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | **+**Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để dạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;  + Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc… | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Đ1, GQVĐ** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Phan Bội Châu, văn bản *Lưu biệt khi xuất dương*. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ** | I. Tìm hiểu chung  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II.Đọc hiểu văn bản.  1. Quan niệm về chí làm trai  2. khẳng định ý thức, trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc.  3. Thái độ quyết liệt trước tình cảnh đất nước và những tín điều xưa cũ  4. Khát vọng và tư thế lên đường  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não.; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm) | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ4, Đ5, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

**c. Sản phẩm**

**  
Phan Bội Châu Phan Châu Trinh**

- Ghép tên tác giả và tác phẩm: Phan Bội Châu - Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác; Phan Châu Trinh - Đập đá ở Côn Lôn.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  **\* HS:**  + Nhìn hình đoán tác giả *Phan Bội Châu*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  Từ đó, giáo viên giới thiệu **Vào bài**: *Phan Bội Châu câu thơ dậy sóng/ Bạn cùng ai đất khách dãi dầu?*(Tố Hữu, Theo chân Bác)  *Đó là những lời đánh giá rất cao về con người và thơ văn của nhà cách mạng Viêt Nam kiêt xuất nhất 25 năm đầu thế kỉ XX. Trong buổi từ biêt anh em đồng chí, trước khi bí mật lên đường sang Nhật Bản tổ chức và chỉ đạo phong trào Đông du (1905 - 1908), Phan Bội Châu đã cảm hứng viết bài thơ này.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung:** trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**1. Tác giả:**

- Phan Bội Châu (1867 - 1940)

- Quê: Đan Nhiễm – Nam Đàn – Nghệ An.

- Là một người yêu nước và cách mạng “vị anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập”

- Là nhà thơ, nhà văn, là người khơi nguồn cho loại văn chương trữ tình.

**2. Tác phẩm:**

***- Hoàn cảnh ra đời:*** Năm 1905, trước lúc lên đường sang Nhật Bản, ông làm bài thơ này để từ giã bạn bè, đồng chí.

***- Hoàn cảnh lịch sử:*** Tình hình chính trị trong nước đen tối, đất nước đã mất chủ quyền, tiếng mõ Cần Vương đã tắt, các phong trào yêu nước thất bại, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ nước ngoài tràn vào.

- Thể thơ: Chữ Hán, Thất ngôn bát cú Đường luật

- Đề tài: Lưu biệt

- Bố cục: đề, thực, luận, kết

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Qua bài Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác, em có ấn tượng gì về nhà thơ, nhà yêu nước Phan Bội Châu?  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?  **- GV nhận xét và kết luận.**  **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.**  +Hãy nêu hoàn cảnh ra đời, đề tài, thể thơ của bài thơ ?  **+** Theo em, bài thơ có thể chia bố cục như thế nào?  **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết bài thơ theo bố cục Đề - thực - luận - kết.

**c. Sản phẩm**

**1. Hai câu đề: quan niệm mới về “Chí làm trai”**

- Tác giả nêu lên quan niệm mới: là đấng nam nhi phải sống cho ra sống, mong muốn làm nên điều kì lạ “ yếu hi kì” túc là phải sống cho phi thường hiển hách, dám mưu đồ xoay chuyển càn khôn.

🡪 Câu thơ thể hiện một tư thế, một tâm thế đẹp về chí nam nhi phải tin tưởng ở mức độ và tài năng của mình.

=> Tuyên ngôn về chí làm trai.

\* Phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác giả** | Chí làm trai |
| **Phạm Ngũ Lão** | *Công danh nam tử còn vương nợ...chuyện Vũ Hầu* |
| **Nguyễn Công Trứ** | *Chí làm trai nam, bắc, đông tây* |
| **Phan Bội Châu** | *Làm trai phải lạ...* |

**2. Hai câu thực: khẳng định ý thức trách nhiệm của *cái tôi* cá nhân trước thời cuộc**

- Câu 3: *“Tu hữu ngã”* (phải có trong cuộc đời) 🡪 ý thức trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc, không chỉ là trách nhiệm trước hiện tại mà còn trách nhiệm trước lịch sử của dân tộc “thiên taỉ hậu” (nghìn năm sau)

- Câu 4: tác giả lại chuyển giọng nghi vấn (cánh vô thuỳ - há không ai?). Đó chỉ là cách nói nhằm khẳng định cương quyết hơn khát vọng sống hiển hách, phi thường, phát huy hết tài năng trí tuệ dâng hiến cho đời.

🡪 Đó là ý thức sâu sắc thể hiện vai trò cá nhân trong lịch sử: sẵn sàng gánh vác mọi trách nhiệm mà lịch sử giao phó.

**3. Hai câu luận: thái độ quyết liệt trước tình cảnh đất nước và những tín điều xưa cũ.**

- Nêu lên tình cảnh của đất nước: *“non sông đã chết”* và đưa ra ý thức về lẽ vinh nhục gắn với sự tồn vong của đất nước, dân tộc.

- Đề xuất tư tưởng mới mẻ, táo bạo về nền học vấn cũ: *“hiền thánh còn đâu học cũng hoài”*

=> Bộc lộ khí phách ngang tàng, táo bạo, quyết liệt của một nhà cách mạng tiên phong: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

\* Hoàn thành phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác giả** | Quan niệm Sống-Chết |
| **Trần Quốc Tuấn ( trong Hịch tướng sĩ)** | *Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn* |
| **Nguyễn Đình Chiểu (trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)** | *Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn - Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ...* |
| **Phan Bội Châu** | *Non sông đã mất, sống thêm nhục* |

**4. Hai câu kết: Tư thế và khát vọng buổi lên đường.**

- *“Trường phong”*(ngọn gió dài)

- *“Thiên trùng bạch lãng”* (ngàn lớp sóng bạc)

🡪 Hình tượng kì vĩ.

- Tư thế: *“nhất tề phi”(*cùng bay lên)

=> Hình ảnh đầy lãng mạn hào hùng, đưa nhân vật trữ tình vào tư thế vượt lên thực tại đen tối với đôi cánh thiên thần, vươn ngang tầm vũ trụ. Đồng thời thể hiện khát vọng lên đường của bậc đại trượng phu hào kiệt sẵn sàng ra khơi giữa muôn trùng sóng bạc tìm đang cứu sống giang sơn đất nước.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động***:* Đọc cả bản phiên âm chữ Hán, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ. Trọng tâm là bản dịch thơ. Chú ý thể hiện giọng thơ tâm huyết, lôi cuốn, hào hùng nhưng vẫn giữ đúng vần, nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  **+ Giải thích từ khó**: Theo chú thích dưới chân trang.  **- Trong hoạt động:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:**  **-**Tư duy mới mẻ, khát vọng hành động của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước được biểu lộ trong 2 câu thơ đầu như thế nào?  - Quan niệm của cụ Phan về chí làm trai có gì mới mẻ, táo bạo so với tiền nhân?  (trả lời qua PHT)   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Chí làm trai | | **Phạm Ngũ Lão** |  | | **Nguyễn Công Trứ** |  | | **Phan Bội Châu** |  |     **Nhóm 2:** Em hiểu *khoảng trăm năm* (ư bách niên) là gì? Cái "tôi" xuất hiện như thế nào?Đây có phải là cái "tôi" hoàn toàn mang tính chất cá nhân hay không? Vì sao?Sự chuyển đổi giọng thơ đang từ khẳng định (câu 3) sang giọng nghi vấn (câu 4: *há không ai? - cánh vô thuỳ?)* có ý nghĩa gì?  **Nhóm 3: -**Tác giả đặt ra những vấn đề gì mới *ở* hai câu 5-6?Tại sao nói quan niệm và tư duy của Phan Bội Châu hết sức mới mẻ?Có phải tác giả hoàn toàn phủ nhận thánh hiền trong khi bản thân là bậc nhà Nho?  **- GV cho HS hoàn thành phiếu học tập. Từ đó, HS phát hiện sự mới mẻ trong tư tưởng của PBC**   |  |  | | --- | --- | | **Tác giả** | Quan niệm Sống- Chết | | **Trần Quốc Tuấn ( trong *Hịch tướng sĩ)*** |  | | **Nguyễn Đình Chiểu (trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)*** |  | | **Phan Bội Châu** |  |   **Nhóm 4:** - Hai câu kết thể hiện khát vọng hành động và tư thế của người ra đi như thế nào? (Chú ý không gian được nói đến, hình tượng thơ có gì đặc biệt, biện pháp tu từ và so sánh phần dịch thơ với nguyên tác ở câu 8). | HS làm việc cá nhân  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu***:* **Đ4, Đ5, N1**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

-Ngôn ngữ khoáng đạt: hình ảnh kì vĩ sánh ngang tầm vũ trụ -> chí khí, quyết tâm, khát vọng.

-Gịong thơ tâm huyết sâu lắng mà sục sôi, hào hùng 🡪động từ mạnh, ngắt nhịp dứt khoát, câu khẳng định, từ tình thái -->lời thơ rắn rỏi, cảm xúc mãnh liệt.

**2. Ý nghĩa văn bản:**

Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sôi sục, tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**: **Đáp án: 1d,2b,3b**

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **B1:** GV chia lớp thành 4 nhóm,cùng làm bài tập trắc nghiệm, nhóm nào có tín hiệu trước sẽ trả lời.  **B2:** Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.  **B3**: Nhóm có đáp án nhanh nhất cử đại diện trình bày,nhóm khác nhận xét bổ sung.  **GV giao nhiệm vụ:**  1.Câu nào dưới đây có ý nghĩa giống với câu “Há để càn khôn tự chuyển dời” ?  a. Chí làm trai nam, bắc, tây, đông - Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn biển  (Nguyễn Công Trứ)  b. Công danh nam tử còn vương nợ - Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu  (Phạm Ngũ Lão)  c. Làm trai cho đáng nên trai - Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng (Ca dao)  d. Giang sơn còn tô vẽ mặt nam nhi - Sinh thời thế phải xoay nên thời thế  (Phan Bội Châu)  2.Câu thơ nào nói đến khát vọng lưu danh thiên cổ ?  a. ư bách niên trung tu hữu ngã  b. Khởi thiên tải hậu cánh vô thùy  c. Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế  d. Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si  3. Câu thơ nào bộc lộ khát vọng tìm con đường mới để cứu nước của một nhà nho ngang tàng, táo bạo ?  a. Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế  b. Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si  c. Nguyện trục trường phong Đồng hải khứ  d. Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi  - **GV nhận xét, tổng kết** | - **HS thực hiện nhiệm vụ**  **- HS báo cáo kết quả và thảo luận** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

1/ Văn bản trên có chủ đề: Bài thơ thể hiện chí làm trai tiến bộ, khát vọng mãnh liệt, ý thức cá nhân và trách nhiệm cao cả, tư thế hăm hở ra đi hoà với vũ trụ…của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước.

Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật.

2/ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là Phan Bội Châu. Những cung bậc tình cảm chính của nhân vật trữ tình : đau đớn trước việc đất nước chìm đắm trong cảnh nô lệ ; lạc quan, quyết tâm hành động để giải phóng dân tộc.

3/ Chất thơ hùng tráng trong hai câu thơ kết :

- Chất thơ thể hiện ở không gian hết sức hùng vĩ:*bể Đông;muôn trùng sóng bạc*

- Chất thơ còn thể hiện ở hình ảnh con người với những hành động hết sức hăm hở, mạnh mẽ, cùng bay lên với hàng ngàn con sóng bạc đầu. Con người không bị chìm khuất, biến mất trong không gian cao rộng. Trái lại, họ vượt lên rất chủ động, mạnh mẽ với một nội lực hùng hậu để thực hiện khát vọng làm nên điều kì lạ mà nhà thơ đã nói đến trong câu thơ mở đầu.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- Nhiệm vụ 1:** Từ bài thơ, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ hiện nay với Tổ quốc?  ***- Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi từ 1 - 3:***  1/ Nêu chủ đề và thể thơ của văn bản?  2/ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?Hãy chỉ ra những cung bậc tình cảm chính của nhân vật trữ tình ấy.  3/ Trình bày chất thơ hùng tráng trong hai câu thơ kết ? | ***- Thực hiện nhiệm vụ***  ***- Báo cáo kết quả và thảo luận*** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết đoạn văn

**c. Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

**+** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung : Từ quan niệm mới mẻ của Phan Bội Châu về *chí làm trai* trong văn bản là phải thấy rõ trách nhiệm của mình với cộng đồng, biết dứt khoát từ bỏ cái học từ chương, sách vở, học sinh bày tỏ suy nghĩ của bản thân về *chí làm trai* đối với tuổi trẻ hôm nay. Đó là sống có lí tưởng, ước mơ, gắn trách nhiệm giữa cá nhân với Tổ quốc, đất nước...Phê phán một bộ phận thanh niên sống không có lí tưởng, xa rời thực tế, thờ ơ với vận mệnh dân tộc. Rút ra bài học nhận thức và hành động.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *chí làm trai* đối với thanh niên ngày nay. | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Giáo trình *Văn học hiện đại Việt Nam*

*- Giảng văn văn học Việt Nam*

*- Phan Bội Châu – Tác giả và tác phẩm*

*- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11, tập hai*

**V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**

**Tiết 81: TT tiết dạy theo KHDH**

**CHIỀU TỐI**

***- Hồ Chí Minh -***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | +Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Hồ Chí Minh  + Cảm nhận được lòng nhân ái đến mức quên mình và tinh thần lạc quan cách mạng luôn luôn hướng về sự sống ánh sáng tương lai .Sự kết hợp giữa chiến sĩ và thi sĩ | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được hoàn cảnh sáng tác, đề tài, giá trị tập thơ *Nhật kí trong* tù và bài thơ *Chiều tối.* | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong việc thể hiện nội dung văn bản. Thấy rõ được vẻ đẹp của thơ HCM: sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và hiện đại, giữa chất thép và chất tình. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Chiều tối* và các tác phẩm khác trong tập *Nhật kí trong tù* | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | *-* Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để đạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;  - Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc… | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm *Chiều tối.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng  2. Bức tranh cuộc sống ở vùng sơn cước  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**  
 **b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**

+ Một số tác phẩm thơ của HCM:

++ Lớp 7: *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng*

*++ Lớp 8: Tức cảnh Pác Pó - Ngắm trăng- Đi đường*

Mở đầu tập “Nhật kí trong tù”, HCM viết:

*“Ngâm thơ ta vồn không ham*

*Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây*

*Ngày dài ngâm ngợi cho khuây*

*Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do*.”

Đó chính là những lời tâm sự mộc mạc khiêm nhường của chiến sĩ, thi sĩ HCM trong tập “Ngục trung nhật kí”. Song nói như nhà văn Lỗ Tấn: “*Bắt nguồn từ mạch nước chảy ra đều là nước, bắt nguồn từ mạch máu chảy ra đều là máu*”; bắt nguồn từ một tâm hồn lớn, một nhân cách lớn thì dù không chủ ý trở thành nhà thơ song những vần thơ của Bác trong tập “Nhật kí trong tù” vẫn ngời sáng vẻ đẹp của truyền thống và hiện đại.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  + Kể tên những tác phẩm thơ của Hồ Chí Minh mà em đã được học trong các lớp dưới?  + Qua những bài thơ đó, em thấy những vẻ đẹp nào trong tâm hồn Người?  +Trong số các bài thơ đó, những bài thơ nào được trích trong tập thơ *Nhật kí trong tù*? Trình bày hoàn cảnh sáng tác và nội dung chính của tập *Nhật kí trong tù*?  GV dẫn vào bài: Hôm nay, cô và các em sẽ tìm hiểu bài thơ “Chiều tối” để thấy được vẻ đẹp cổ điển và hiện đại cũng như tinh thần lạc quan yêu đời vượt lên trên hoàn cảnh của Hồ Chí Minh. | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung**: trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**1/ Tác giả**

**- Hồ Chí Minh (1890-1969)***, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân Việt Nam, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.*

**2/ Tác phẩm**

a. Giới thiệu về tập thơ “Nhật kí trong tù”

- Hoàn cảnh sáng tác:

- Giá trị nội dung:

+ Giá trị hiện thực:

+ Giá trị tinh thần:

- Giá trị nghệ thuật:

+ Đậm màu sắc cổ điển.

+ Thể hiện tinh thần hiện đại.

**b. Bài thơ “chiều tối”**

- Hoàn cảnh sáng tác:Bài thơ thứ 31 gợi cảm hứng từ một buổi chiều tối tác giả bị giải từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **- Trước hoạt động:** GV yêu cầu HS giới thiệu sơ nét về tác giả Hồ Chí Minh, nhấn mạnh những kiến thức cần nắm về tác giả.  **- Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  + Những hiểu biết của em về tập thơ “ Nhật kí trong tù” ?  + GV: Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “Chiều tối” ?  **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Kết hợp hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân để tìm hiểu chi tiết văn bản với hai nội dung: Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng và bức tranh cuộc sống vùng sơn cước.

**c. Sản phẩm**

**1/ Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng**

- Bức tranh thiên nhiên chiều muộn:

+ Hình ảnh: cánh chim mệt mỏi tìm chốn ngủ, chòm mây cô đơn trôi lững lờ giữa tầng không.

+ “quyện điểu”, “cô vân” thể hiện chất liệu cổ điển của bài thơ.

- Sự vận động: “Tầm túc thụ, độ thiên không” là sự di chuyển có định hướng

🡪 Câu thơ có sự kết hợp giữa cổ điển và hiện đại.

- **Vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.**

***🢡*** Với cách miêu tả chấm phá, thiên nhiên buổi chiều tối được gợi lên đẹp nhưng đượm buồn. Thể hiện lòng yêu thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.

**2. Bức tranh cuộc sống ở vùng sơn cước.**

- *Cô em xóm núi xay ngô* *tối*: vẻ đẹp khỏe khoắn của người con gái xóm núi đang xay ngô bên lò than. Cuộc sống đời thường đem lại cho người tù hơi ấm, niềm vui.

- Biện pháp điệp vòng - vòng quay của công việc. Câu thơ không nói đến cái tối mà vẫn gợi được tối.

- **Sự vận động của tự nhiên cũng là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ HCM:** **Chiều chuyển dần sang tối nhưng bức tranh thơ lại mở ra bằng ánh sáng rực hồng.**

- Nghệ thuật sử dụng nhãn tự ***“hồng”*** làm ta có cảm giác cái nóng ấm bao trùm bài thơ, câu thơ rực lên sắc màu tha thiết tin yêu cuộc sống.

- **Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ: từ tối đến sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo cô đơn sang ấm nóng tình người.**

🢡 Lòng yêu thương cuộc sống, con người của Bác; sự vận động có chiều hướng lạc quan bởi luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động***:* Đọc cả bản phiên âm chữ Hán, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ. Trọng tâm là bản dịch thơ.  **+ Giải thích từ khó**: Theo chú thích dưới chân trang.  **- Trong hoạt động:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: + **Nhóm 1:** *Bức tranh thiên nhiên được miêu tả thông qua hình ảnh nào ở 2 câu thơ đầu ? Hình ảnh đó có ý nghĩa như thế nào?*  **+ Nhóm 2:** *Hình ảnh ở câu thơ thứ ba có gì khác so với hình ảnh trong hai câu thơ đầu ? So với thơ cổ điển, hình ảnh đó có điểm gì giống và khác nhau?Ý nghĩa của hình ảnh ấy?*  **+ Nhóm 3:** *Cụm từ “ma bao túc – bao túc ma” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?*  **+ Nhóm 4:** *Phân tích ý nghĩa từ “hồng” khép bài thơ?*  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức | HS làm việc cá nhân  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu***:* **Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

- Từ ngữ cô đọng, hàm súc.

- Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn,..

**2*. Ý nghĩa văn bản:***

Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ- chiến sĩ Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**

1/ Thể của bài thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

2/ Phép điệp ở hai câu thơ 3 và 4 phần phiên âm : *ma bao túc-bao túc ma.* Đó là phép điệp ngữ bắt cầu vắt dòng.

Hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó :

-Diễn tả vòng quay cối xay ngô của *sơn thôn thiếu nữ*, một động tác lao động nặng nhọc, đều đều, thể hiện sự kiên nhẫn, cần cù của người lao động ;

- Sự thu nhỏ không gian từ bầu trời cao rộng thu vào cảnh bếp lửa hồng ;

- Sự chuyển vận của thời gian tự nhiên từ chiều sang tối qua sự chuyển vận của những vòng quay cối xay ngô ;

-Mang lại chút hơi ấm của cuộc sống con người cho người tù cả ngày vất vả.

3/ Trong hai câu thơ cuối, những hình ảnh đã làm cho tâm trạng tác giả thay đổi : hình ảnh con người và ánh sáng.

Ý nghĩa của những hình ảnh đó :

- Con người: đó là người con gái xay ngô chuẩn bị cho bữa ăn chiều. Cô là hình ảnh trung tâm trong bức tranh chiều tối. Dáng dấp của cô, động tác của cô mang đến một màu sắc khoẻ khoắn cho bức tranh thơ.

- Hình ảnh : đó là lò than *rực hồng*. Đây là hình ảnh kết thúc bài thơ đã làm toả sáng cả không gian, làm ấm nóng tâm trạng nhà thơ, không còn cảm giác mệt mỏi, buồn bã, thay vào đó là một niềm vui với sự sống.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  1/ Nêu thể thơ của bài thơ ?  2/ Xác định phép điệp ở hai câu thơ 3 và 4 phần phiên âm. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó.   3/ Trong hai câu thơ cuối, những hình ảnh nào đã làm cho tâm trạng tác giả thay đổi ? Nêu ý nghĩa của những hình ảnh đó.  **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ2, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** .

+ Chim mỏi cũng giống với hình ảnh người tù, đầy mỏi mệt trong một chặng đường xa khi chiều buông xuống. Chòm mây cô đơn là hình ảnh người tù không có ai bên cạnh, không có người đồng điệu với nhịp điệu tâm hồn.

**+** Có được một chốn nghỉ ngơi, biết nơi mình sẽ đến, dù mệt mỏi nhưng chắc chắn sẽ đến nơi. Chòm mây cô độc nhưng chòm mây được tự do, được ung dung tự tại

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Có ý kiến cho rằng cảnh thiên nhiên trong 2 câu thơ đầu vừa tương phản, vừa tương đồng với nhân vật trữ tình. Ý kiến của em như thế nào?  **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b.Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; sưu tầm, xem phim, viết cảm nhận

**c.Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Bài cảm nhận về Hồ Chí Minh khoảng 1 trang giấy vở.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Sưu tầm, xem phim *Chân dung một con người*. Viết bài cảm nhận sau khi xem phim | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 82: TT tiết dạy theo KHDH**

**TỪ ẤY**

***- Tố Hữu -***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Tố Hữu  + Thấy rõ niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản và tác dụng kì diệu của lí tưởng cộng sản với cuộc đời nhà thơ. | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được hoàn cảnh sáng tác, đề tài, sự kiện và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong việc thể hiện nội dung văn bản: Hiểu được sự vận động của các yếu tố trong thơ trữ tình: tứ thơ, hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu,…trong việc làm nổi bật tâm trạng của cái tôi nhà thơ. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ ca cách mạng. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Từ ấy* và các tác phẩm khác của Tố Hữu nói riêng. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | - Nhận thức vai trò của Đảng;  *-* Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để dạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước;  - Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc… | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối -Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Từ ấy.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Khổ 1: Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .  2. Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống .  3. Khổ 3: Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Dạy học hợp tác Thuyết trình; | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

**c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ**: Theo em, *Đảng có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta, đặc biệt là với thế hệ trẻ?*  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:Trong văn học Việt Nam, Tố Hữu được xem là lá cờ đù của thơ ca cách mạng. Từ một thanh niên trí thức tiểu tư sản, được giác ngộ lí tưởng, Tố Hữu trở thành một chiến sĩ cộng sản. Tập thơ “Từ ấy” là tập thơ đầu tay đánh dấu thời điểm bừng sáng của tâm hồn và lí tưởng cách mạng. Bài thơ “Từ ấy” có ý nghĩa như một tuyên ngôn về lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng và tuyên ngôn của một nhà thơ.Để hiểu hơn bài thơ này, ta tìm hiểu bài thơ.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**: |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung:** trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**1) Tác giả:**

**- Vị trí:** Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn của văn học Việt Nam hiện đại, luôn được xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng.

- **Sáng tác:** Những chặng đường thơ Tố Hữu song hành với những chặng đường cách mạng.

2) Bài thơ **Từ ấy:**

**a/Hoàn cảnh sáng tác :**

- Được viết vào tháng 7 – 1938 khi Tố Hữu được kết nạp vào Đảng

- Bài thơ mở đầu cho phần thơ “ Máu lửa” trong tập thơ “ Từ ấy” .

b**) Bố cục** : 3 phần

- Khổ 1: Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .

- Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống .

- Khổ 3: Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm .

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Qua bài Khi con tu hú, em có ấn tượng gì về nhà thơ, nhà yêu nước Tố Hữu?  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?  **- GV nhận xét và kết luận.**  **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.**  +Hãy nêu hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, bố cục của bài thơ ?  **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết bài thơ theo bố cục 3 khổ thơ.

**c. Sản phẩm**

**1.Khổ 1: *Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .***

- 2 câu đầu là mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc đời tác giả : Được kết nạp vào Đảng Cộng Sản.

+ Động từ : bừng

+ Các hình ảnh ẩn dụ : nắng hạ , mặt trời chân lí

🡪Ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức , tư tưởng , tình cảm .

- 2 câu sau : Cụ thể hóa ý nghĩa , tác động của ánh sáng , lí tưởng ( so sánh ).

🡪 Vẻ đẹp , sức sống mới của tâm hồn và của hồn thơ Tố Hữu.

2/ **Khổ 2 : Nhận thức mới về lẽ sống .**

- Nhà thơ đã thể hiện “ cái tôi” cá nhân gắn bó với “ cái ta” chung của mọi người, chan hòa với mọi người .

+ “ Buộc” : quyết tâm cao độ vượt qua giới hạn của cái tôi

+ “ Trang trải” : tâm hồn nhà thơ trải rộng với cuộc đời .

- “ Để hồn tôi .... mạnh khối đời”

🡪 Tình cảm giai cấp , sự quan tâm đặc biệt đến quần chúng lao khổ .

**3. Khổ 3 : Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm .**

**-** Điệp từ “ là” cùng với các từ: con , anh , em 🡪 tình cảm gia đình đằm ấm mà tác giả là 1 thành viên .

- Tác giả đặc biệt quan tâm tới những “ kiếp phôi pha” , những em nhỏ không áo cơm .

🡪 Lòng căm giận trước bao bất công , ngang trái của xã hội cũ, Tố Hữu sẽ hăng say hoạt động Cách mạng .

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động***:* **H**ướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận giọng điệu, ngôn ngữ , hình ảnh trong bài thơ.  **+ Giải thích từ khó**: Theo chú thích dưới chân trang.  **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản  **+ Tổ chức cho HS tìm hiểu khổ thơ 1:**  **-** “Từ ấy” là thời điểm nào trong cuộc đời nhà thơ Tố Hữu? Tại sao không dùng từ *đó,*từ *khi* mà dùng từ *ấy*?  - GV yêu cầu Hs xác định những biện pháp tu từ trong khổ thơ 1 .  **+ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm khổ thơ 2 và 3:**  + **Nhóm 1:** *Khi được ánh sáng của lí tưởng soi rọi, nhà thơ đã có những nhận thức mới về lẽ sống như thế nào? Quan niệm sống đó có gì khác với quan niệm của tầng lớp trí thức tiểu tư sản đương thời?*  +**Nhóm 2:** *Tìm và phân tích những từ ngữ trong khổ 2 để thấy sự gắn bó hài hoà giữa* ***cái tôi cá nhân*** *và* ***cái ta chung*** *của mọi người.*  **+Nhóm 3:** *Sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ được biểu hiện ra sao trong khổ thơ thứ 3?*  **+Nhóm 4:** *Mức độ chuyển biến tình cảm ở khổ thơ 3 so với khổ thơ 2. Sự chuyển biến ấy nói lên điều gì?*  *-* **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức* | **HS làm việc cá nhân**  **HS sử dụng sgk**  **HS làm việc cá nhân**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

- Hình ảnh thơ tươi sáng, ngôn ngữ giàu tính dân tộc;

- Ngôn ngữ gợi cảm, giàu nhạc điệu

- Giọng thơ chân thành, sôi nổi, nồng nàn.

- Thơ gần gũi với hình thức thơ mới, dùng nhiều hình ảnh tượng trưng…

***2. Ý nghĩa văn bản:*** Bài thơ là lời tuyên ngôn cho tập “ Từ ấy” , là lời tâm nguyện của người thanh niên yêu nước giác ngộ lí tưởng Cộng Sản .

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

1/ Nội dung chính của đoạn thơ: nhà thơ trẻ thể hiện niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng.

2/Đoạn thơ được viết theo phương thức biểu đạt miêu tả và biểu cảm.

3/ Biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ:

Hai câu đầu : Ẩn dụ : *nắng hạ ; mặt trời chân lí*

Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng và tình cảm ; nhà thơ có niềm xúc động thành kính, thiêng liêng.

Hai câu tiếp : so sánh: *hồn tôi- vườn hoa lá...đậm hương...tiếng chim*

Hiệu quả nghệ thuật: Tác giả đón nhận lí tưởng bằng cả tình cảm rạo rực, say mê, sôi nổi. Niềm vui hoá thành âm thanh rộn ràng như chim hót, thành sắc lá, sắc hoa tươi xanh, rực rỡ, hương thơm lan toả ngọt ngào.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:  *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ,*  *Mặt trời chân lí chói qua tim.*  *Hồn tôi là một vườn hoa lá,*  *Rất đậm hương và rộn tiếng chim.*  *(* Trích *Từ ấy*, Tố Hữu, Tr 44, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)  1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?  2/ Đoạn thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào?  3/ Xác định biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  **-Nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung: thí sinh bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng xấu : một bộ phận giới trẻ sống xa rời lí tưởng, thực dụng trong cuộc sống hôm nay. Cụ thể : Thế nào là sống xa rời lí tưởng, thực dụng ? Hậu quả, nguyên nhân của lối sống đó ? Nêu biện pháp khắc phục ?

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Qua đoạn thơ 1 của bài thơ *Từ ấy,* viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng một bộ phận giới trẻ sống không có lí tưởng, sống thực dụng trong cuộc sống hôm nay. | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

1. **Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Sưu tầm thêm một số bài thơ của Tố Hữu trong tập *Từ ấy*. Viết bài cảm nhận về vẻ đẹp của bài thơ mà anh chị tâm đắc | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 83 - 84 : TT tiết dạy theo KHDH**

**ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được thuật ngữ loại hình ngôn ngữ và đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản liên quan đến ngôn ngữ | Đ2 |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến loại hình ngôn ngữ tiếng Việt. | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ giữa các nước. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc loại hình ngôn ngữ tiếng Việt | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về các loại hình ngôn ngữ vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Yêu tiếng Việt, có ý thức sử dụng tiếng Việt đúng, hay để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(10 phút)** | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến đặc điểm loại hình tiếng Việt | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Loại hình ngôn ngữ  II. Đặc điểm loại hình tiếng Việt | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về đặc điểm loại hình tiếng Việt. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ1. GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản để giải quyết bài tập.

**c. Sản phẩm**

Văn bản cung cấp thông tin**:** Cảnh báo về khả năng biến mất ngôn ngữ trên thế giới.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau cung cấp thông tin gì?  *Theo tạp chí Daily Mail, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học bang Pennsylvania (Mỹ) vừa cảnh báo, nếu con người không tăng cường bảo vệ môi trường thì đến cuối thế kỷ này, có khoảng 50% đến 90% các ngôn ngữ trên thế giới sẽ bị biến mất.*  *Nền văn hóa đặc thù có liên quan đến những ngôn ngữ này cũng không thể tồn tại, mà được thay thế bằng văn hóa và ngôn ngữ mang tính toàn cầu với màu sắc công nghiệp hóa.*  (Theohttp://khoahoc.tv/90-ngon-ngu-tren-the-gioi-bien-mat-trong-the-ky-21)  => Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài:*Các em thân mến! Từ khi ra đời tiếng Việt luôn là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, là công cụ tư duy của người Việt. Hiểu rõ về tiếng Việt không chỉ giúp người sử dụng ngôn ngữ Việt hiệu quả, vận dụng linh hoạt trong từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và phát triển hơn khả năng ngôn ngữ trong đời sống. Để hiểu rõ hơn tiếng Việc thuộc loại hình ngôn ngữ nào, các đặc điểm của loại hình tiếng Việt chúng ta cùng tìm hiểu bài Đặc điểm loại hình tiếng Việt.* | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Loại hình ngôn ngữ.**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Dựa vào việc đọc hiểu thu thập thông tin, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm:**

**I. LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ:**

**1. Khái niệm :**

**a. Loại hình**

-Một tập hợp những sự vật , hiện tượng cùng có chung những đặc trưng cơ bản nào đó

Ví dụ : Loại hình nghệ thuật , Loại hình báo chí,Loại hình ngôn ngữ …..

**b. Loại hình ngôn ngữ :**

Là cách phân loại ngôn ngữ trên thế giới dựa trên những đặc trưng cơ bản nhất của các ngôn ngữ đó **.**

**2. Loại hình ngôn ngữ tiếng Việt :**

- Tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á

- Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động:** Em đã biết gì về các loại hình ngôn ngữ trên thế giới?  **- Trong hoạt động:**  ? Dựa vào phần I trong SGK và hiểu biết của em, hãy cho biết loại hình ngôn ngữ là gì?  ? Theo em có mấy loại hình ngôn ngữ? Hãy lấy ví dụ của từng loại đó. | **- HS tái hiện kiến thức và trình bày.(cá nhân)** |

**Nội dung 2: Đặc điểm loại hình của tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** **Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.** **Nội dung:** Vận dụng kĩ thuật tư duy, động não, trình bày một phút để tìm hiểu về đặc điểm loại hình tiếng Việt.

**c. Sản phẩm**

**II. ĐẶC ĐIỂM** **CƠ BẢN CỦA** **LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT:**

Mang đặc trưng của loại hình ngôn ngữ đơn lập với các đặc trưng sau:

**1/- Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp ( Tính phân tiết)**:

Ví dụ : Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?

- Mỗi tiếng trên cũng có thể là yếu tố cấu tạo từ : trở về, ăn chơi , thôn xóm

🡪- Về mặt ngữ âm :tiếng 🡪 âm tiết .

- Về mặt sử dụng :tiếng 🡪 từ hoặc yếu tố cấu tạo

**2) Từ không biến đổi hình thái**

**Ví dụ 1 :** Xác định chức năng ngữ pháp của từ được gạch dưới trong câu ca dao sau:

“Cười **người1**chớ vội cười lâu.

Cười **người2**hôm trước, hôm sau **người3** cười”.

🠲 Thay đổi về mặt ngữ pháp, không thay đổi về hình thái từ (vỏ bọc bên ngoài).

**Ví dụ 2:**

Tôi (1)tặng anh ấy(1) một cuốn sách , anh ấy(2) cho tôi(2 ) một quyển vở .

- Tôi (1): chủ ngữ ; tôi (2): phụ ngữ bổ nghĩa cho động từ “cho’’

- Về ngữ âm và chữ viết : không có sự khác biệt nào giữa các từ

- Có thể thấy như vậy đối với các từ “ anh ấy’’.

**3) Biện pháp chủ yếu biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo trật tự trước sau và sử dụng hư từ** :

Ví dụ : Tôi ăn cơm .

Nếu thay đổi trật tự từ trong câu và sử dụng thêm một số hư từ (đã; đang, sẽ sắp,…)🡺ý nghĩa ngữ pháp trong câu sẽ thay đổi theo.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| - **Trước hoạt động** : Trong quá trình sử dụng, anh/chị thấy tiếng Việt có đặc điểm gì khác với tiếng Anh ?  **- Trong hoạt động** : Gọi HS đọc ngữ liệu 1 và tiến hành thảo luận nhóm bàn (trong vòng 3 phút) với các yêu cầu sau:  ? Hãy cho biết câu thơ có mấy tiếng, mấy từ và các tiếng, các từ đó được đọc, viết như thế nào.  ? Nếu bỏ một tiếng bất kì trong câu thì cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp của câu như thế nào.  GV: Lấy 1 câu tiếng Anh “I am a student” để so sánh với câu tiếng Việt.   |  |  | | --- | --- | | t. Việt  - Cách viết tách rời: “Tôi là ..  - Cách đọc tách rời “ sinh viên” | t. Anh  - Cách viết nối từ: “I’m ..  - Cách đọc có âm gió: “student”-> “Z” |   ? Câu thơ có mấy tiếng, mấy từ.  ? Qua phân tích ngữ liệu 1 ở trên, em nào có thể kết luận “tiếng” trong tiếng Việt có những đặc điểm, chức năng gì?Từ đó khái quát lên đặc điểm đầu tiên của tiếng Việt.  ⮋ Kết luận lại đặc điểm đầu tiên.  *GV:* Gọi HS đọc 2 câu ca dao ở mục II.2 (SGK).  ? Hãy nhận xét về mặt chức năng ngữ pháp và hình thái của 3 từ “người” trong 2 câu ca dao trên?  Gợi mở: Về ngữ pháp và hình thái có gì khác nhau không?  Kết luận nội dung  *GV* đưa bảng phụ VD2. Sau đó nêu ra yêu cầu:  ? Hãy nhận xét về mặt vai trò ngữ pháp và hình thái của các từ được gạch chân ở bảng phụ trên.  *Gợi mở*: So sánh xem ở 2 câu t. Việt và t.Anh có gì khác nhau (vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ và hình thái bên ngoài của từ đó). Từ đó rút ra kết luận ở sự khác nhau đó.  ? Qua việc phân tích VD1 và VD2, em hãy rút ra kết luận về hình thái từ của tiếng Việt?  ⮋ Đây là điểm khác biệt rõ nét của ngôn ngữ đơn lập (tiếng Việt) và ngôn ngữ hòa kết (tiếng Anh).  ?Gọi học sinh đọc ngữ liệu ở mục II.3 (SGK) và lưu ý các hư từ được in đậm trong ngữ liệu.  GV:Tổ chức thảo luận nhóm. Thời gian thảo luận là 3’.  ? Bên cạnh những hư từ đã được dùng, các em hãy thêm hoặc thay thế một số hư từ (*không, sẽ, mà, còn, có, nhé…)* vào vị trí thích hợp trong ngữ liệu trên, sau đó rút ra nhận xét về ý nghĩa ngữ của các câu vừa tạo?  ? Hãy thêm hoặc thay đổi trật tự một số từ trong ngữ liệu trên và nhận xét về ý nghĩa ngữ của các câu vừa tạo?  *GV*: Nhắc lại khái niệm về hư từ và trật tự từ cho HS hiểu rõ hơn vai trò của chúng trong câu.  Quan sát, hướng dẫn các nhóm thảo luận và cùng HS rút ra nhận xét với bảng phụ 2 & 3.  Từ đó cho ta thấy trật tự các từ và hư từ rất quan trọng nếu vị trí của chúng thay đổi thì ý nghĩa của câu  thay đổi theo.  ⮋ Kết luận lại nội dung đặc đểm.  ? Từ việc phân tích và nhận xét các ngữ liệu ở trên, các em hãy khái quát lại những đặc điểm cơ bản của loại hình tiếng Việt?  ⮋ Kết luận nội dung 3 đặc điểm bằng bảng phụ.  *GV*: Gọi HS đọc to phần ghi nhớ (SGK- Tr 57).  **- Sau hoạt động** : GV lấy thêm vài ví dụ để HS tìm nghĩa tình thái.  - GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ | - HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**  **- HS thảo luận theo yêu cầu của GV.**  **- HS báo cáo sản phẩm.**  **- HS hoạt động cá nhân.**  **- HS hoạt động nhóm 3p.**  **- HS báo cáo sản phẩm** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để làm bài tập theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

- Nụ tầm xuân 1 là phụ ngữ cho ĐT hái, đứng sau ĐT hái; nụ tầm xuân 2 là chủ ngữ , trước ĐT nở.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Gv giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân:** Phân tích câu ca dao (1) trong BT1 (tr 58, sgk) để chứng minh tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**TIẾT 2 :**

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**

**Bài tập 1:**

- Bến 1:phụ từ đứng sau ĐT nhớ; bến 2 là chủ ngữ , đứng trước cụm từ “khăng khăng đợi thuyền”

- Trẻ, già 🡪tương tự vd1 và 2.

- Bống 1,2,3 và 4 : phụ ngữ của các ĐT trước nó nên đều đứng sau ĐT; chỉ khác nhau về hư từ kèm theo (ko có hư từ hoặc có hư từ “ cho”)

Bống 5 và 6:🡪chủ ngữ 🡪đứng trước các ĐT (ngoi ,lớn)

🡪 Ở vị trí ngữ pháp nào các từ vẫn không biến đổi hình thái

**Bài tập 2**:

*VD1*: Cho 2 câu tiếng Việt và tiếng Anh như:

**1**/ Cây thước của tôi ngắn hơn **cây thước của anh** 🠪 My ruleris shorter than **yours**

**2/** Bài học này khó hơn **bài tập kia** 🠪 This lesson is more difficult than **one**.

**Bài tập 3**: **Các hư từ và ý nghĩa của nó:**

**- Đã:** chỉ hoạt động xảy ra trong quá khứ (việc đã làm).

- **Các:** chỉ số nhiều (các xiềng xích là các thế lực bị áp bức).

- **Để:** chỉ mục đích.

- **Lại:** chỉ hoạt động tái diễn, đáp lại (vừa đánh đổ đế quốc, vừa đánh đổ giai cấp phong kiến).

- **Mà:** chỉ mục đích (lập nân Dân chủ Cộng Hòa).

🡆 Hư từ không biểu thị ý nghĩa từ vựng nhưng nó biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp khi kết hợp với các từ lọai khác và có tác dụng làm cho câu mang nội dung biểu đạt hoàn chỉnh.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  \* Yêu cầu phân tích:  − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn?  − Cách bác bỏ của mỗi tác giả?  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó.  **- Bài tập 3:** HS làm việc cá nhân  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

- Vai trò ngữ pháp:

+“***Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta”*** (1) 🖝 Chủ ngữ.

+“***Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta”***(2) 🖝 Bổ ngữ chỉ đối tượng chịu sự tác động của đồng từ “**làm rạng rỡ”**

- Có sự khác nhau là do trật tự sắp đặt từ qui định.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Chỉ ra sự khác nhau về chức năng ngữ pháp của các thành phần câu:  *Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta* | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**HĐ 5.** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

**+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy**

**+** *Trong câu trên, nếu chỗ ngắt ở trước từ* **mới** *thì từ* **mới** *có quan hệ với các từ đi sau nó và chỉ điều kiện, câu có nghĩa là "cái quan trọng là phương pháp làm việc, chứ không phải cái gì khác". Còn nếu quãng ngắt ở sau từ* **mới,** *thì* **mới** *là tính từ trái nghĩa với cũ (quen thuộc) và câu có nghĩa là "cái quan trọng là phương pháp làm viêc phải mới, chứ không thể là các phương pháp cũ đã kém hiêu quả".*

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học**  *+* Nếu cách ngắt nhịp thay đổi thì câu văn sau có mấy cách hiểu và hiểu như thế nào?: *Phương pháp làm việc mới là điều quan trọng.* | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ |

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 85 - 86: TT tiết dạy theo KHDH**

* **TIỂU SỬ TÓM TẮT**
* **LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Hiểu được mục đích yêu cầu của tiểu sử tóm tắt, cách viết tiểu sử tóm tắt. | **Đ1** |
| **2** | Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến tiểu sử tóm tắt. | **Đ2** |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến tiểu sử của tác giả văn học. | **Đ3** |
| **4** | Cách sử dụng từ ngữ, kiểu câu trong tiểu sử tóm tắt | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của văn thuyết minh về tác giả văn học với dạng bài tiểu sử tóm tắt; | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về tác giả văn học | **N1** |
| **7** | Biết viết tiểu sử tóm tắt về tác giả văn học hoặc nhân vật nổi tiếng,.. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRUNG THỰC** | | |
| **10** | Bồi dưỡng ý thức thận trọng, chân thực khi viết tiểu sử tóm tắt. | **TT** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(10 phút)** | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tiểu sử tóm tắt. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt  II. Cách viết tiểu sử tóm tắt | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bác bỏ | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ2, Đ5, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng kĩ năng đọc, kĩ thuật tư duy, động não, trình bày một phút để giải quyết bài tập.

c. Sản phẩm

- Phần Tiểu dẫn cung cấp những tri thức liên quan đến tác giả, tác phẩm.

- Từ ngữ cô đọng, trong sáng; cách viết ngắn gọn

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV giao nhiệm vụ**: HS đọc phần Tiểu dẫn trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu và trả lời câu hỏi:  + Nội dung của phần Tiểu dẫn là gì?  + Nhận xét về cách trình bày, cách sử dụng từ ngữ trong phần Tiểu dẫn?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trước khi đi vào phần văn bản đọc văn, bao giờ SGK cũng đưa ra ngữ liệu gọi là TIỂU DẪN, trong đó cung cấp những tri thức liên quan đến tác giả, tác phẩm. Ngữ liệu đó là một phần trong nội dung tóm tắt tiểu sử của một tác giả văn học. Vậy tiểu sử tóm tắt là gì? Thực hiện như thế nào?* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động**: vận dụng phương pháp thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung mục đích, yêu cầu của văn bản tóm tắt.

**c. Sản phẩm**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA TSTT**:

**1.Khái niệm:** TSTT: Là văn bản thông tin một cách khách quan trung thực những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của một cá nhân.

**2.Mục đích:** G/thiệu cho người đọc, người nghe về cuộc đời, sự nghiệp, cống hiến của người được nói tới.

**3. Yêu cầu:**

- Thông tin một cách khách quan, chính xác về người được nói tới.

- Nội dung và độ dài của văn bản cần phù hợp với mục đích viết TSTT

- Văn phong cô đọng, trong sáng, không sử dụng các biện pháp tu từ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :** Dựa theo phần Tiểu dẫn của những bài mà em đã học trong sách giáo khoa, em hãy nêu mục đích và yêu cầu của tiểu sử tóm tắt ?  **Trong hoạt động :** GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn:  - TSTT là gì ?Nêu những trường hợp cần viết TSTT ? yêu cầu và mục đích viết TSTT?  GV: Đọc cho HS nghe tiểu sử tóm tắt nhà thơ Nguyễn Du.  GV: Hãy cho biết những yêu cầu cơ bản của TSTT là gì?  - **GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  **- HS làm việc theo cặp trong 4p**  **- Đại diện 1 - 2 cặp báo cáo sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**Nội dung 2: Cách viết tiểu sử tóm tắt**

**a. Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng viết, kĩ thuật tư duy, động não để tìm hiểu nội dung cách viết tiểu sử tóm tắt.

**c. Sản phẩm**

**II. CÁCH VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT:**

**1. Chọn tài liệu để viết TSTT:**

- Cần chọn các tài liệu: Chân thực, chính xác, đầy đủ, tiêu biểu.

**2. Viết TSTT**: Bản TSTT thường có các phần:

- Giới thiệu khái quát: Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, gia đình, học vấn…của người được giới thiệu.

- Hoạt động XH: làm gì, ở đâu, mối quan hệ với mọi người…

- Những đóng góp, những thành tựu tiêu biểu .

- Đánh giá chung.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  GV gọi 1 HS đọc to phần văn bản. Những HS còn lại chú ý lắng nghe  **Trong hoạt động :**  **+ GV yêu cầu HS sau khi nghe đọc văn bản, trả lời câu hỏi a, b, c (sgk, tr 54)**  **+ Gv hỏi HS :** Hãy cho biết bản tiểu sử tóm tắt thường gồm những phần nào?  GV yêu cầu HS luyện cách viết nhan đề văn bản, lần lượt viết các nội dung chính của văn bản nhân thân, các hoạt động chính, những đóng góp chủ yếu, lời đánh giá chung  **- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS làm việc cá nhân  - HS làm việc cá nhân |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CHO TIẾT 1**

**a.Mục tiêu: Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

**3. Luyện tập:**

**Bài 1:**Những trường hợp cần viết TSTT: c,d.

**Bài 2:**

\*Giống nhau: Đều có thể viềt về một nhân vật nào đấy.

\* Khác nhau:

- TSTT và điếu văn: Khác nhau về mđ và hoàn cảnh gt đoạn văn được viết để đọc trong lễ truy điệu bên ngoài TS còn có: lời chia buồn với gia quyến, tiếc thương người đã mất…

- Sơ yếu lí lịch: Là VB hành chính, thường có mẫu cố định, nội dung thường nhấn mạnh đến nhân thân và các mối quan hệ, Bản lí lịch cần có xác nhận của cơ quan thẩm quyền.

- TSTT và VB thuyết minh: VB TM có đối tượng rộng hơn (người, vật, danh lam…) văn TM diễn đạt phong phú, giàu hình ảnh và có tính biểu cảm.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  \* Yêu cầu phân tích:  − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn?  − Cách bác bỏ của mỗi tác giả?  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó.  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**TIẾT 2 :**

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, V1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**

**III. LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT:**

**1.Phân nhóm và giao đề tài**

- Phân 6 nhóm đồng đều.

- Bên cạnh đề tài trong sách giáo khoa thì cần lựa chọn các đề tài gần gũi thiết thực trong đời sống. Có thể đưa ra các đề tài chính như sau:

+ Tổ 1, tổ 2: Chi đoàn anh chị sẽ giới thiệu một đoàn viên ứng cử vào Ban chấp hành Hội liên hiệp Thanh niên của tỉnh thành phố. Anh chị hãy viết về tiểu sử tóm tắt của đoàn viên đó.

+ Tổ 3, tổ 4: Viết tiểu sử tóm tắt về một nhà thơ,nhà văn

+ Tổ 5, tổ 6: Viết tiểu sử tóm tắt về bản thân mình trong hồ sơ trúng tuyển đại học.

2. **Xác định những yêu cầu của tiểu sử tóm tắt**

- Mục đích, yêu cầu của văn bản tiểu sử tóm tắt: để làm gì, nội dung cần đạt được.

- Chọn người sẽ giới thiệu và tìm hiểu để có những thông tin cần thiết, những tài liệu đã chuẩn bị.

- Xác định nội dung, kết cấu trình bày trong bản tiểu sử của người sẽ giới thiệu: gồm những phần nào,mức độ giới thiệu ra sao cho phù hợp với mục đích của bài tiểu sử tóm tắt.

- Văn phong: cô đọng, trong sáng, khách quan.

3. **Tiến hành viết tiểu sử**

- Đảm bảo không quá mất trật tự khi trao đổi ý kiến trong nhóm.

- Viết ngắn gọn đầy đủ trong thời gian cho phép.

**Trình bày bài tiểu sử tóm tắt**

- Các bài trình bày cần rõ ràng, người trình bày tự tin, đảm bảo những yêu cầu về nội dung, kết cấu như sau:

a, Đề tài giới thiệu đoàn viên ưu tú

- Họ và tên…

-Giới tính…

- Bí danh…

- Ngày tháng năm sinh….

- Quê quán…

- Gia đình…

- Dân tộc…

- Tôn giáo…

- Tư tưởng, lập trường, đạo đức, tác phong.

- Năng lực đặc biệt.

-Thành tích

b. Đề tài tiểu sử bản thân

- Họ và tên….giới tính… Bí danh…

- Ngày tháng năm sinh…

- Quê quán…

- Gia đình…

- Dân tộc…

- Tôn giáo…

- Sở trường…

- Tính tình…

- Ước mơ…

- Quá trình học tập

- Khen thưởng

- Kỉ luật

c, Đề tài tiểu sử nhà văn, nhà thơ

- Họ tên, tên hiệu, tên chữ…

- Năm sinh (mất)

-Gia đình

- Quê quán

- Cuộc đời

- Các tác phẩm chính

- Nội dung sáng tác

- Đánh giá

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| -**\* CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**  **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Giáo viên yêu cầu lớp chia làm 6 nhóm.  - Mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng  - Mỗi nhóm được giao một đề tài nhất định.  **\* Phân nhóm và giao đề tài**  - Phân 6 nhóm đồng đều.  - Bên cạnh đề tài trong sách giáo khoa thì cần lựa chọn các đề tài gần gũi thiết thực trong đời sống. Có thể đưa ra các đề tài chính như sau:  + Tổ 1, tổ 2: Chi đoàn anh chị sẽ giới thiệu một đoàn viên ứng cử vào Ban chấp hành Hội liên hiệp Thanh niên của tỉnh thành phố. Anh chị hãy viết về tiểu sử tóm tắt của đoàn viên đó.  + Tổ 3, tổ 4: Viết tiểu sử tóm tắt về một nhà thơ,nhà văn  + Tổ 5, tổ 6: Viết tiểu sử tóm tắt về bản thân mình trong hồ sơ trúng tuyển đại học.  **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức:** GV đưa ra ngữ liệu về kết cấu bài tiểu sử của ba đề tài trên để học sinh tham khảo. | **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. (Gọi HS đọc tiểu sử tóm tắt của nhóm mình)**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: **Đ2, Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Tham khảo

*Ngô Tất Tố (1893 - 1954) quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội); xuất thân là một nhà nho gốc nông dân. Ong là một học giả có nhiều công trình khảo cứu về triết học, văn học cổ có giá tri; một nhà báo nổi tiếng với rất nhiều bài báo mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước Cách mạng. Sau Cách mạng, nhà văn tận tuỵ trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ngô Tất Tố được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính của ông: các tiểu thuyết Tắt đèn (1939), Lều chõng (1940); các phóng sự Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940),.*

*(Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)*

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Viết tiểu sử tóm tắt nhà văn Ngô Tất Tố** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Bài sưu tầm qua sách báo, truy cập mạng.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Sưu tầm một vài tiểu sử tóm tắt của nhà văn hoá, nhà văn, nhà thơ mà anh chị tâm đắc. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)**

**Tiết 87: TT tiết dạy theo KHDH điều chỉnh:**

**Ôn tập nâng cao: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

Vận dụng những kiến thức về bài học và các thao tác đã học: phân tích, so sánh,.. để làm bài

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố, nâng cao các kĩ năng làm văn nghị luận văn học về các mặt: xác định vấn đề nghị luận, lập dàn ý, diễn đạt.

- Nâng cao khả năng cảm thụ văn học.

- Viết được bài văn nghị luận văn học thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc**.**

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

\* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

**4. Định hướng các năng lực cần hình thành**

**\* NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

**\* NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

**B. THIẾT KẾ DẠY HỌC**

**I. Chuẩn bị của GV và HS**

**II.Tổ chức dạy và học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1**: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề và lập dàn ý theo đáp án trình bày ở bài viết số 5.  - Yêu cầu học sinh đọc lại đề bài  - Theo em đề bài này có những yêu cầu gì về nội dung, kĩ năng, tài liệu?  - Với những yêu cầu trên bài viết đảm bảo những yêu cầu nào?  - Gv chốt lại các ý trọng tâm cần đạt. | **I. Tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn:**  **Đề bài :** Có ý kiến cho rằng: “***Đây thôn Vĩ Dạ*** *của Hàn Mặc Tử vừa đem đến cho người đọc bức tranh thiên nhiên đặc trưng cho hoa cỏ núi sông một vùng miền Trung nước Việt, vừa cho người đọc thấy được vẽ đẹp lãng mạn của tình yêu thời thơ mới”.*  Anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.  **1. Xác định yêu cầu đề:**  - Dạng đề: nghị luận văn học.  - Yêu cầu về nội dung: Bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp lãng mạn của tình yêu thơ mới trong “Đây thôn Vĩ Dạ”.  - Yêu cầu về tài liệu:  Tác phẩm “Lưu biệt khi xuất dương”  **2. Lập dàn ý:**  Cần đảm bảo các ý sau:  - Cảnh ban mai thôn Vĩ gợi lên vẻ đẹp hữu tình trong khoảnh khắc hừng đông qua chi tiết: Nắng hàng câu, nắng mới lên. Vườn mướp quá xanh như ngọc… (học sinh phân tích cụ thể hình ảnh và chỉ ra được nghệ thuật sử dụng).  🡪 Trước vẻ đẹp của thiên nhiên tác giả cảm thấy nuối tiếc xót xa: Câu hỏi tu từ “sao anh không về chơi thôn Vĩ”?  - Cảnh Vĩ Dạ có sự chia lìa tan tác và cảm nhận được nỗi buồn của tác giả  - Tâm trạng của tác giả:  + Niềm vui, niềm hy vọng về tình yêu và hạnh phúc.  + Nổi buồn, gợi cảm gác chia lìa.  + Sự tuyệt vọng, hòa nghi về hạnh phúc về cảnh và con người xứ Huế.  - Nghệ thuật: cách sử dụng từ ngữ độc đáo, hình ảnh thơ lãng mạng, giàu trí tưởng . |

**IV. Rút kinh nghiệm:**

**Tiết 88: TT tiết dạy theo KHDH**

**TÔI YÊU EM**

***(A. Puskin)***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của bài thơ cả về nội dung tâm tình lẫn ngôn ngữ ghệ thuật:  + Tình yêu đẹp đẽ, trong sáng đầy vị tha và cao thượng | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được hoàn cảnh sáng tác, đề tài, văn hóa Nga và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong việc thể hiện nội dung văn bản: Hình thức giản dị, không tô điểm rất phù hợp với tình yêu chân thành. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ trữ tình nước ngoài. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Tôi yêu em* và các tác phẩm khác của Puskin. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp tình yêu trong bài thơ của Puskin; | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI** | | |
| **10** | Giáo dục cho học sinh tình cảm chân thành, vị tha, cao thượng trong cuộc sống và trong tình yêu | **NA** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Tôi yêu em..* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1.4 câu đầu : những mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.  2. 2 câu giữa : nỗi khổ đau  3. 2 câu sau : sự cao thượng chân thành.  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a. **Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Hs vận dụng kiến thức, kĩ thuật tư duy nhanh để trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:**

- Quan niệm tình yêu trong thơ Xuân Diệu: Cần phải sống hết mình, yêu hết mình với thanh xuân. Sống với đúng cảm xúc của mình, hãy sống và yêu như thể ngày mai mình không còn nữa, mãnh liệt, thiết tha và chân thành.

- Trong thơ Xuân Diệu, chỗ cho tình đơn phương không nhiều nhưng vẫn xuất hiện trong các bài thơ *Yêu thầm, Rao tình, Mời yêu,..*

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - **GV giao nhiệm vụ**: HS trình bày quan niệm về tình yêu trog thơ Xuân Diệu? Trong thơ Xuân Diệu có chỗ cho tình yêu đơn phương không?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Nhà thơ Xuân Diệu – ông hoàng của thơ tình Việt Nam đã từng viết:  *Làm sao sống được mà không yêu*  *Không nhớ không yêu một kẻ nào.*  Có lẽ tình yêu ngự trị trong mỗi chúng ta, nó trở thàng một “ kiệt tác của con người”(Gác- xông), không biết con người biết yêu từ khi nào, và cũng không biết tình yêu đến với con người như thế nào? Chỉ biết khi bước vào vườn thơ tình của nhân loại, ta bắt gặp muôn vàn những bông hoa tình yêu với muôn vàn màu sắc. Có tình yêu tầm thường, tình yêu cao cả, tình yêu ích kỉ, vẩn đục, tình yêu trong sáng… và “Tôi yêu em” của Pus-kin là một trong nhưng tình yêu ấy. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**: |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu**: **Đ2,Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung khái quát tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm**

**I. Tìm hiểu chung:**

**1. Tác giả.**

- A-lếch-xan-đrơ Pus-kin (1799-1837), “Mặt trời cùa thi ca Nga”.

- Là nhà thơ vĩ đại “có ý nghĩa to lớn không chỉ trong lịch sử văn chương mà cả trong lịch sử thức tỉnh của dân tộc Nga.

**2. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh sáng tác : một trong những bài thơ nổi tiếng được khơi gợi cảm xúc từ mối tình không thành của tác giả với Ô-lê-nhi-na- con gái vị Chủ tịch Viện hàn lâm Nghệ thuật Nga.; được coi là viên ngọc vô giá trong kho tàng thi ca Nga.

- Bố cục:

+ 4 câu đầu : những mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.

+ 2 câu giữa : nỗi khổ đau

+ 2 câu sau : sự cao thượng chân thành.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Trước hoạt động:** Em biết tác phẩm nào của văn học Nga? Đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó?  **Trong hoạt động:** GV đặt câu hỏi thảo luận theo nhóm bàn:  + Nêu những nét chính về tác giả Pu –skin ?  + Các thể loại sáng tác và nội dung tác phẩm của Puskin ? vị trí và tài năng của Puskin trong nền VH Nga ?  + Bài thơ viết về đề tài gì ? đó là đề tài như thế nào trong thơ ca?  + Hoàn cảnh sáng tác bài thơ?  + Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung từng phần?  **GV nhận xét, chốt lại ý chính.**  **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút.**  **- HS thảo luận theo cặp 3p.**  **- Đại diện 1 - 2 nhóm báo cáo sản phẩm.**  **- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc bài thơ.** |

**Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**gồm 3 nội dung: Những mâu thuẫn trong tâm trạng (4 câu đầu), nỗi khổ đâu của nhân vật trữ tình (2 câu tiếp), sự cao thượng chân thành (2 câu cuối)

**c. Sản phẩm**

**II. Đọc - hiểu:**

**1. Những mâu thuẫn trong tâm trạng (4 câu đầu)**

- Tình cảm : *Tôi yêu…ngọn lửa*

*tình chưa hẳn đã tàn phai* , tình yêu trong tâm hồn chưa lụi tắt, vẫn còn dai dẳng cháy, vẫn được ấp ủ thú nhận tình yêu chân thành.

*-* Thể hiện tình yêu say đắm, mãnh liệt, biết là đơn phương nhưng vẫn yêu.

- Tuy rất yêu nhưng luôn biết tự kiềm chế “ không để em bận lòng thêm nữa”, chẳng muốn em buồn vì bất cứ lẽ gì.

+ Lý trí: *nhưng không để em* bận lòng thêm nữa

+ quyết định dứt khoát, vì hạnh phúc của em Vị tha, cao thượng, tình yêu đơn phương.

**2. Nỗi khổ đau của nhân vật trữ tình (2 câu giữa)**

- Một tình yêu cũng với nhiều cung bậc cảm xúc: lúc rụt rè, lòng ghen, yêu say đắm…

- Điệp khúc tôi yêu em kết hợp với những trạng thái cảm xúc dồn nén, dày vò chìm ẩn dưới đáy sâu của tâm hồn hành hạ con tim. Đó là những cung bậc, những trạng thái cảm xúc của người đang yêu.

**3. Sự cao thượng chân thành (2 câu cuối)**

- Khẳng định: Tôi yêu em chân thành đằm thắm

cảm xúc được giải tỏa dâng cao, tiết điệu nhanh, gấp diễn tả tính chất tươi sáng dạt dào cảm xúc.

- tác giả tỉnh táo, biết là tình yêu vô vọng nên đã ứng xử một cách cao thượng “ cầu em được người tình như tôi đã yêu em” tình cảm cao thượng đầy chất nhân văn.

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về tình yêu của Puskin trong bài thơ?  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm. GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập.  **Nhóm 1:** Điệp khúc nào làm nổi bật cảm xúc chủ đạo của bài thơ ? Tâm trạng nhân vật trữ tình được biểu hiện trong hai câu đầu như thế nào?  **Nhóm 2:** Giọng điệu trữ tình được chuyển biến như thế nào từ câu 1, 2 sang câu 3, 4? Mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật ?  Gợi ý:  - cách diễn đạt, tâm trạng gì của tác giả?  - Giọng điệu trữ tình có gì thay đổi so với 2 câu trên ?  **Nhóm 3:**  Tâm trạng nhân vật trữ tình trong hai câu thơ thứ ba ? (biện pháp tu từ, tâm trạng cảm xúc…)  **Nhóm 4:** Lời cầu chúc thể hiện điều gì ở nhân vật trữ tình ? Cảm nhận, suy nghĩ về tình yêu đơn phương trong bài thơ ?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

- Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, hàm súc.

- Giọng điệu thơ chân thực, sinh động, lúc phân vân, ngập ngừng khi kiên quyết, day dứt…

**2*. Ý nghĩa văn bản:***

Dù trong hoàn cảnh và tình yêu nào, con người phải sống chân thành, mảnh liệt, cao thượng và vị tha.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

1/ Bài thơ cần được đọc bằng một giọng điệu : Câu 1-2 đọc chậm, ngập ngừng, vừa như thú nhận vừa tự nhủ ; câu 3-4 đọc mạnh mẽ, dứt khoát như lời hứa, lời thề ; câu 5-6 đọc day dứt, buồn đau, chiêm nghiệm ; câu 7-8 : mong ước thiết tha mà điềm tĩnh.

2/ Có thể chia tách bài thơ thành 03 phần :

-Bốn câu đầu : Những tâm tư giằng xé ;

-Hai câu giữa : Nỗi khổ đau tuyệt vọng ;

-Hai câu cuối : Lời cầu chúc cao thượng, chân thành.

3/So sánh mạch cảm xúc ở 6 câu thơ đầu và 2 câu thơ cuối :

- Ở 6 câu thơ đầu, nhân vật trữ tình như bị giằng xé, xáo trộn bởi rất nhiều cung bậc cảm xúc của một trái tim yêu say đắm nhưng dường như không được đáp lại. Tình yêu âm thầm vô vọng cùng nỗi ghen tuông khiến nhân vật trữ tình rơi vào đáy sâu của nỗi khổ đau. Và ta tưởng cảm giác tuyệt vọng sẽ ngày càng giày vò nhân vật trữ tình.

- Nhưng đến 2 câu thơ cuối, mạch cảm xúc đã thay đổi đột ngột. Vượt lên nỗi buồn đau u ám, lòng ghen tuông ích kỉ, nhân vật trữ tình cầu chúc cho người yêu *được người tình như tôi đã yêu em*. Lời cầu chúc như một cảm xúc thăng hoa của một tình yêu chân thành, cao thượng.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1/ Bài thơ cần được đọc bằng một giọng điệu như thế nào?  2/ Có thể chia tách bài thơ thành các phần như thế nào ? Đặt tên cho mỗi phần.  3/ So sánh mạch cảm xúc ở 6 câu thơ đầu và 2 câu thơ cuối ? | - **HS thực hiện nhiệm vụ.**  - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

**Mở bài :** Dẫn dắt ý liên quan. Nêu vấn đề cần nghị luận. Nhận định hiện tượng cuồng yêu là hiện tượng xấu, cần lên án.

**Thân bài :**

**+ Giải thích:** Cuồng yêu là gì là gì ? Biểu hiện của hiện tượng cuồng yêu ?

**+ Phân tích** Hậu quả, nguyên nhân của cuồng yêu ?

**+** Biện pháp khắc phục hiện tượng cuồng yêu ?

**Kết bài :** Tóm lược hiện tượng xấu

- Liên hệ bản thân

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Từ bài thơ *Tôi yêu em* của Pusin, viết bài văn ngắn ( khoảng 400 từ) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng sau được đăng trên báo http://giadinh.vnexpress.net:  *Thạc sĩ giáo dục Phạm Phúc Thịnh cho rằng giới trẻ ngày nay yêu thoáng, sống vội mà quên mất giá trị cốt lõi của tình yêu là sự hy sinh. Họ đề cao cái tôi quá mức nên khi bị phụ tình thường tìm cách trả thù, thậm chí giết chết người yêu.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh

**c. Sản phẩm:**

**+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy**

**+ Bài viết chân thành, cảm xúc;**

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học**  **+ Sưu tầm và viết cảm nhận về một số bài thơ tình nổi tiếng của Puskin** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn: /5/2021**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 89 - 90: TT tiết dạy theo KHDH điều chỉnh:**

**NGƯỜI TRONG BAO**

**(Sê- khốp)**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn Sê-khốp | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm: Hiểu được giá trị tư tưởng của truyện ngắn Người trong bao: phê phán lối sống sống ích kỉ, hèn nhát, hủ lậu của một bộ phận trí thức Nga ở TK XIX qua hình tượng người trong bao: Bê- li- cốp | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của truyện ngắn Sê-khốp. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Người trong bao* và các tác phẩm khác của Sê - khốp. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về đặc trưng truyện ngắn của Sê khôp | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có thái độ trân trọng tài năng của tác giả và căm ghét đấu tranh với lối sống thu mình trong bao. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10phút) | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Người trong bao.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Chân dung Bê-li-cốp  2. Hình tượng cái bao  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đò tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a. **Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 4 câu điền khuyết và 1 câu hỏi khái quát.

**c. Sản phẩm:**

1/ Sống như **rùa** rụt cổ, như  **rắn** rụt đầu.

2/ Xăm xăm bước tới cây chanh

Thò tay định bẻ sợ cành có **gai**

3/ Nhát như **thỏ đế**

4/ Nước trong không có **cá,** khép nép không có **bạn**

🡪 Những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao trên đề cập đến những người hèn nhát, luôn lo sợ, sống thu mình, sống khép nép, ngại va chạm

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV tổ chức:** Giáo viên đọc hết câu hỏi hiển thị trên màn hình, trong khoảng thời gian 10 giây học sinh nào giơ tay đầu tiên trả lời đúng sẽ có phần quà. Trả lời sai chỉ ưu tiên cho một người khác, nếu sai thì không có quà.GV chuyển sang câu hỏi tiếp theo.  1/ Sống như **...** rụt cổ, như ...rụt đầu.  2/ Xăm xăm bước tới cây chanh  Thò tay định bẻ sợ cành có **...**  3/ Nhát như **...**  4/ Nước trong không có **...,** khép nép không có...  - Những câu tục ngữ, ca dao trên đều đề cập đến vấn đề gì?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Thế kỉ XIX là thời kì hoàng kim của văn học Nga với các tên tuổi như Puskin, Gô-gôn, Tuốc-ghê-ni-ép, Lép-tôn-xtôi, sê-khốp,..Chúng ta đã biết một nhà thơ Pusikn trong sáng, giản dị với tình yêu chân thành, cao thượng qua bài thơ “Tôi yêu em”. Hôm nay, ta sẽ làm quen với “một Puskin trong văn xuôi”. Đó là Sê-khốp với tác phẩm “Người trong bao”.* | - HS tích cực tham gia trò chơi.  - HS làm việc cá nhân |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung khái quát tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm**

**1.Tác giả:**

– An-tôn Páp-lô-vích Sê-khốp (1860-1904), nhà văn Nga kiệt xuất.- Sê-khốp để lại hơn 500 truyện ngắn và truyện vừa, trong đó có nhiều tác phẩm đặc sắc: Anh béo và anh gầy, Con kì nhông, Phòng số 6…

\* Đặc điểm truyện ngắn  của Sê – khốp

Từ những cốt truyện giản dị, tác phẩm Sê-khốp đã đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, ý nghĩa nhân văn sâu xa.

**2. Tác phẩm:**

a. Hoàn cảnh sáng tác: Người trong bao, truyện ngắn nổi tiếng của Sê-khốp được sáng tác trong thời gian nhà văn dưỡng bệnh ở thành phố I-an-ta, trên bán đảo Crưm, biển Đen 1898.

Tác phẩm ra đời trong bầu không khí ngạt thở của nền chuyên chế Nga hoàng cuối thế kỉ XIX. Môi trường ấy đẻ ra lắm kiểu người kì dị, chẳng hạn Bê-li-cốp \_người trong bao.

b. Bố cục truyện:

-Mở truyện: cuộc trò chuyện ở gần nhà kho giữa hai người bạn: bác sĩ thú y và thầy giáo.

-Thân truyện: về cuộc đời và tính cách của Bê-li-cốp.

- Kết truyện: nhận xét của bác sĩ thú y – người nghe chuyện.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Trước hoạt động:** GV cho hs đọc tiểu dẫn và hệ thống lại những ý chính về tác giả,tác phẩm.  **Trong hoạt động:**  **-** GV giới thiệu nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Sê-khốp  ?Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  ?Truyện thiên về chủ đề nào trong những sáng tác của ông?  ***\*GV Tích hợp kiến thức Lịch sử nước Nga cuối thế kỉ XIX hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời truyện Người trong bao***  - Em hãy tóm tắt ngắn gọn cốt truyện ?  **GV nhận xét, chốt lại ý chính.** | **- HS làm việc cá nhân**  **-HS Tái hiện kiến thức và trình bày.**  **HS sử dụng sgk.**  **HS tóm tắt cốt truyện** |

**Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**Mục II.1: Chân dung của Bê-li-cốp**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động**: Hs làm việc cá nhân, vaanjd ụng kĩ thuật tư duy, động não, trình bày một phút để tìm hiểu chân dung của Bê-li-cốp.

c. **Sản phẩm**

***II/ Đọc - hiểu văn bản:***

**1/ Chân dung của Bê-li-cốp:**

***\*Ngoại hình:***

– Gương mặt nhợt nhạt, nhỏ bé, choắt lại như mặt chồn.

– Cách ăn mặc phục sức: Đi gày cao su, cầm ô, nhất thiết phải mặt áo bành cặp kính đen trên gương mặt nhợt nhạt.

\****Vật dụng hằng ngày:*** Cái ô, đồng hồ quả quýt, chiếc dao nhỏ để gọt bút chì … đều được để trong bao.

\****Ngôn ngữ:*** “nhỡ lại xãy ra chuyện gì thì sao” à Nhút nhát, im lặng.

***\* Hành động, sinh hoạt của cuộc sống hằng ngày:***

– Trời rất đẹp vẫn đi giày cao su, cầm ô, mặc áo bành tô ấm cốt bông, đeo kính râm…

***\* Tính cách, suy nghĩ:***

– ý nghĩ giấu trong bao, luôn thõa mãn, hài lòng, hạnh phúc, mãn nguyện với lối sống của mình.

– Lối sống của Bê-li-cốp ảnh hưởng sâu sắc.

Khi Bêlicốp còn sống: anh chị em giáo viên trong trường nơi y làm việc, dân cư trong thành phố nơi y sống, tất cả mọi người đều sợ y, ghét y, tránh xa y.

\* Như vậy Bê-li-cốp xuất hiện gây ấn tượng mạnh mẽ về kiểu người có lối sống lập dị, khát vọng mãnh liệt thu mình vào trong bao để tránh tiếp xúc, ảnh hưởng từ cuộc sống bên ngoài.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về hình ảnh Bê-li-cốp trong tác phẩm?  **Trong hoạt động:**  + Chân dung nhân vật chính được cụ thể hóa bằng những chi tiết nào?  + Từ những chi tiết trên em nhận thấy có gì đặc biệt trong bức chân dung ấy?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 3 câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**

1. Các đồ vật của Bê-li-cốp có gì giống nhau?
2. Đều rất tiện dụng
3. Đều rất giản dị
4. Đều rất sang trọng
5. Đều để trong bao

**Đáp án: D**

Câu 2:Dòng nào nói đúng ý nghĩ xuất hiện thường xuyên trong đầu của Bê-li-cốp?

A.Sợ có ai làm hắn giật mình

B.Sợ có chuông điện thoại reo trong đêm

C. Sợ nhỡ lại xẩy ra chuyện gì

D. Sợ có ai đến nhà không báo trước

**Đáp án: C**

Câu 3: Tính cách hèn nhát của Bê-li-cốp được bộc lộ qua câu nói nào của hắn?

A. “Ồ ,tiếng Hi Lạp nghe thật tuyệt vời”

B. “Anh đã đi xe đạp điều đó không đúng với nhà giáo dục thiếu niên”

C. “Tôi chẳng làm điều gì sơ suất để cho mọi người diễu cợt như vậy”

D. “Vả lại nếu không có chỉ thị nào cho phép thì ta không được làm”

**Đáp án: D**

**d. Các bước dạy học**

GV chiếu lên slide 3 câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Các đồ vật của Bê-li-cốp có gì giống nhau?

A. Đều rất tiện dụng

B. Đều rất giản dị

C. Đều rất sang trọng

D. Đều để trong bao

Câu 2:Dòng nào nói đúng ý nghĩ xuất hiện thường xuyên trong đầu của Bê-li-cốp?

A.Sợ có ai làm hắn giật mình

B.Sợ có chuông điện thoại reo trong đêm

C. Sợ nhỡ lại xẩy ra chuyện gì

D. Sợ có ai đến nhà không báo trước

Câu 3: Tính cách hèn nhát của Bê-li-cốp được bộc lộ qua câu nói nào của hắn?

A. “Ồ ,tiếng Hi Lạp nghe thật tuyệt vời”

B. “Anh đã đi xe đạp điều đó không đúng với nhà giáo dục thiếu niên”

C. “Tôi chẳng làm điều gì sơ suất để cho mọi người diễu cợt như vậy”

D. “Vả lại nếu không có chỉ thị nào cho phép thì ta không được làm”

**TIẾT 2:**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục II. 2: Cái chết của Bê-li-cốp**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động: HS thảo luận nhóm để tìm hiểu cái chết của Bê-li-cốp**

**c. Sản phẩm**

**II.2.  Về cái chết của Bê-li-cốp.**

**a. Nguyên nhân:**

+ Vì bị ngã đau, lại mắc bệnh nặng lại không chịu chữa.

+ Vì bị sốc nặng trước thái độ và hành động của chị em Va-ren-ca.

+ Sâu xa hơn, đó là cái chết tất yếu.Tạng người và cách sống của y, trước sau gì cũng bị hoặc tự tiêu diệt.

– Thái độ của hắn khi đi vào cõi chết : vẻ mặt hiền lành, dễ chịu, tươi tỉnh à  mãn nguyện

–  Hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào trong cái bao mà từ đó không bao giờ phải thoát ra nữa…*hắn đã đạt được mục đích của cuộc .*

**b. Khi Bê- li -cốp chết**

+ Khi y chết, mọi người thấy nhẹ nhàng, thoải mái.

+ Một tuần sau người ta thấy xuất hiện nhiều người như hắn. Cuộc sống chẳng tốt đẹp gì hơn trước.

→ Bê- li-cốp không phải là một con người cụ thể, một trường hợp duy nhất mà đã trở thành nhân vật điển hình trong xã hội. Lối sống, kiểu người Bê-li-cốp đã đầu độc không khí trong sạch, lành mạnh của đạo đức, văn hoá nước Nga đương thời.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Theo em, vì sao Bê-li-cốp lại chết?  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn và trả lời các câu hỏi:  + Vì sao Bê-li-cốp chết?  + Tìm chi tiết miêu tả về Bê-li-cốp khi hắn chết?  + Thái độ của mọi người trước cái chết của Bê-li-cốp như thế nào?  + Lấy ví dụ về tính cách, hành vi ứng xử, suy nghĩ giống với Bê-li-cốp trong cuộc sống xung quanh ta.  + Theo em, chúng ta phải làm gì để loại bỏ kiểu người như Bê-li-cốp ra khỏi cộng đồng?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Mục II.3 Hình tượng “cái bao” trong tác phẩm**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung:** Hs thảo luận nhóm để tìm hiểu về hình tượng cái bao trong tác phẩm

**c. Sản phẩm:**

**3. Hình ảnh biểu tượng cái bao.**

**a. Khái niệm và vai trò của chi tiết nghệ thuật.**

+  Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời…của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư,

trăn trở của nhà văn trước cuộc đời.

- Nhà văn chỉ thực sự là “người thư kí trung thành của thời đại” (H.Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ.

+ Trong tác phẩm văn chương, chi tiết có thể nhỏ về quy mô, tầm vóc nhưng nó chứa đựng tư tưởng lớn, tình cảm lớn. Không nhà văn vĩ đại nào không tập trung xây dựng hình tượng nghệ thuật từ những chi tiết nhỏ, đặc sắc.

**b. Chi tiết *cái bao* trong tác phẩm.**

– Chi tiết cái bao được miêu tả 12 lần. Hình ảnh cái bao là một trong những sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả, gợi cho người đọc nhiều ý nghĩ:

+ Nghĩa đen: Vật dụng để bao, gói đồ vật , hàng hóa..

+ Nghĩa bóng: Cuộc đời và số phận của Bê-li-cốp

+ Nghĩa biểu tượng: kiểu người, lối sống trong bao đã và đang tồn tại ở nước Nga. Nước Nga thời ấy phải chăng cũng là một cái bao khổng lồ vây hãm, ngăn chặn tự do..?

\* Ảnh hưởng từ lối sống của Bê-li-cốp:

⇒ Bê- li- cốp là một nhân vật độc đáo, sản phẩm sáng tạo NT của thiên tài Sê khốp.

**\*. Chủ đề tư tưởng của truyện.**

 – Chủ đề của tác phẩm là lên án, phê phán mạnh mẽ kiểu người trong bao, lối sống trong bao và tác hại của nó đối với XH. Đây là chủ đề lớn xuyên suốt những sáng tác của Sê – Khốp giai đoạn sau những năm 80. Tác giả có hẳn một bộ ba tác phẩm viết về chủ đề phê phán lối sống phê phán thói tầm thường dung tục, cuộc sống tiểu tư sản ngột ngạt  và ngưng đọng với ảnh hưởng độc hại của nó: *Người trong bao, Khóm phúc bồn tử, câu chuyện tình yêu.*

– Cảnh báo, kêu gọi mọi người thay đổi cuộc sống, cách sống, không thể mãi sống hèn nhát, vô vị tự mãn như thế mãi.

**–**Bài học: trong cuộc sống cần phải tự tin, bản lĩnh, sống chan hoà với mọi người.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm chi tiết nghệ thuật, chủ đề và vai trò của chủ đề đối với một tác phẩm.  **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  + Chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm Người trong bao  là gì? Chi tiết này được lặp lại bao nhiêu lần?  + Qua hình tượng cái bao em hãy phát biểu chủ đề tư tưởng của truyện?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**Mục III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Đặc sắc nghệ thuật.**

– Ngôi kể thứ 3: khách quan, truyện lồng trong truyện.

– Giọng kể : Mỉa mai, châm biếm mà bình thản.

– Xây dựng nhân vật điển hình

– Xây dựng biểu tượng: cái bao

– Kết thúc truyện có lời bình luận và làm nổi rõ chủ đề cuả truyện

**2. Ý nghĩa văn bản:**

Thể hiện cuộc đấu tranh giữa con người với cái “bao”chuyên chế và khát vọng sống là mình, loại bỏ lối sống “trong bao", thức tỉnh “con người không thể sống mãi như thế này được”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5,GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

1) Nội dung chính của văn bản:

- Diễn tả cái chết mãn nguyện của nhân vật *Người trong bao Bê-li-cốp*;

- Nhà văn cảnh báo sức ảnh hưởng của cái chết đó đối với nước Nga đương thời.

2) Chi tiết Bê-li-cốp *nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh* nữa có ý nghĩa cái chết chính là sự giải thoát và hạnh phúc của Bê –li-cốp. Bởi vì, y được nằm trong cái bao tốt nhất, bền vững nhất, mà từ lâu đó vẫn là mong muốn thành thực nhất của y.

Giọng văn của tác giả : mỉa mai, châm biếm mà trầm tĩnh, chậm buồn.

3) Biệp pháp tu từ liệt kê : *nặng nề, mệt nhọc, vô vị, chẳng bị chỉ thị nào cấm ,chẳng được tự do hoàn toàn,chẳng tốt đẹp gì hơn trước*

**- Hiệu quả:** Bằng phép liệt kê, nhà văn khái quát ảnh hưởng, tác động sâu rộng, dai dẳng, nặng nề của kiểu người Bê-li-cốp, lối sống trong bao đã ám ảnh, đầu độc bầu không khí trong sạch, lành mạnh của đạo đức, văn hoá và tiến bộ nước Nga đương thời. Qua đó, nhà văn Sê-khốp nhấn mạnh rằng Bê-li-cốp chính là điển hình cho một kiểu người, một hiện tượng xã hội đáng báo động trong tầng lớp trí thức Nga cuối thế kỉ XIX. Nó chỉ chấm dứt khi có một cuộc cách mạng xã hội thay đổi tận gốc rễ quan niệm sống, nếu không thì cũng giống như cái xác Bê-li-cốp nằm trong quan tài kia thôi. Mặc dù Bê-li-cốp chết nhưng lối sống “trong bao” của anh ta vẫn tồn tại.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Một tháng sau, Bê-li-cốp chết. Bấy giờ, khi nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh nữa, cứ hệt như hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào trong cái bao mà từ đó không bao giờ phải thoát ra nữa. Phải rồi, thế là hắn đã đạt được mục đích của đời! […]*  *Từ nghĩa địa trở về, lòng chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước. Trên thực tế, Bê-li-cốp đã chầu âm phủ nhưng hiện còn bao nhiêu người trong bao, trong tương lai cũng sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa!*  ( Trích *Người trong bao*, Sê-khốp )  ***Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu sau:***  1) Nêu nội dung chính của văn bản? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì?  2) Chi tiết Bê-li-cốp *nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh* nữa có ý nghĩa gì? Hãy xác định giọng văn của tác giả qua chi tiết đó.  3) Xác định biệp pháp tu từ cú pháp trong câu văn *Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước.*  Nêu ý nghĩa nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.  **-Nhận xét, chuẩn kiến thức.**  **(NL giải quyết vấn đề)** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Mở bài:

– Giới thiệu về truyện ngắn “Người trong bao”, giới thiệu câu nói của bác sĩ :“không thể sống mãi như thế được”.

– Dẫn dắt vào vấn đề nghị luận: lối sống trong bao của Bê-li-cốp

Thân bài:

1.Phân tích ngắn gọn nhân vật Bê li cốp và lối sống trong bao: hèn nhát, cô độc, máy móc, giáo điều, thu mình trong “bao”, tách biệt với thế giới bên ngoài.

2.Phân tích ý nghĩa câu nói của bác sĩ “không thể sống mãi như thế được”:

-Phê phán mạnh mẽ kiểu “người trong bao”, “lối sống trong bao” cùng tác hại của nó đối với hiện tại và tương lai nước Nga.

-Cảnh báo và kêu gọi mọi người cần phải thay đổi cách sống, không thể sống tầm thường, hèn nhát, ích kỉ, vô vị và hủ lậu mãi như thế.

3.Bàn về hiện tượng

+Bàn về nguyên nhân dẫn tới lối sống đó:

-Khách quan: do chế độ xã hội

-Chủ quan: Do tính cách, quan điểm sống của mỗi người

+Bàn về tác hại của lối sống

+Phê phán những biểu hiện của lối sống trong xã hội ngày nay.

+Bàn về phương pháp khắc phục, sửa đổi bản thân để tự hoàn thiện mình…

Kết bài : bài học về nhận thức và hành động

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| GV giao nhiệm vụ:  ***Cuối tác phẩm “Người trong bao” (A.P.Sê khốp), nhân vật bác sĩ Ivan nứt nói câu: “không thể sống mãi như thế được”. Câu nói ấy có ý nghĩa gì? Hãy viết một bài văn nghị luận bàn về hiện tượng sống đó?*** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**HĐ TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh chân dung nhân vật

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Tranh vẽ của HS(thể hiện trí tưởng tượng phong phú để vẽ tranh biếm hoạ)

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ**:  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Vẽ lại chân dung nhân vật người trong bao. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 91 - 92 – TT tiết dạy theo KHDH**

**NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN**

**(*Trích: Những người khốn khổ - V. Huy Gô)***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Năng lực thu thập thông tin liên quan đến V.Huy-gô và tiểu thuyết *Những người khốn khổ* | **Đ1** |
| **2** | + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm | **Đ2** |
| **3** | + Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm: Cảm nhận được thông điệp của nhà văn về sức mạnh của tình người và tình thương như là một trong những giải pháp cứu vãn, thay đổi xã hội. | **Đ4** |
| **5** | Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của tiểu thuyết nước ngoài. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền* và tiểu thuyết *Những người khốn khổ* | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện nước ngoài | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI** | | |
| **10** | Học sinh biết đồng cảm thương yêu những người khốn khổ từ đó chủ động lên án, phê phán sự cường quyền, bạo ngược xuất hiện trong cuộc sống. | **NA** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10phút) | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm*.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tiểu thuyết *Những người khốn khổ*  *3. Đoạn trích*  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Nhân vật Gia-ve  2. Nhân vật Giăng-van-giăng  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (CHO CẢ 2 TIẾT)**

a. **Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** xem video và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:**

*Những người khốn khổ* là câu chuyện về xã hội nước [Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p) trong khoảng hơn 20 năm đầu [thế kỷ 19](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19) kể từ thời điểm [Napoléon I](https://vi.wikipedia.org/wiki/Napol%C3%A9on_Bonaparte) lên ngôi và vài thập niên sau đó. Nhân vật chính của tiểu thuyết Giăng-van-giăng, một cựu tù khổ sai tìm cách chuộc lại những lỗi lầm gây ra thời trai trẻ. Bộ tiểu thuyết không chỉ nói tới bản chất của cái tốt, cái xấu, của [luật pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%E1%BA%ADt_ph%C3%A1p), mà tác phẩm còn là cuốn bách khoa thư đồ sộ về [lịch sử](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Ph%C3%A1p), [kiến trúc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc) của [Paris](https://vi.wikipedia.org/wiki/Paris), nền [chính trị](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B), [triết lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BA%BFt_h%E1%BB%8Dc), [luật pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%E1%BA%ADt_ph%C3%A1p), [công lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_l%C3%BD), [tín ngưỡng](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng) của nước [Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p) nửa đầu [thế kỷ 19](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19). Chính nhà văn [Victor Hugo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Victor_Hugo) cũng đã viết cho người biên tập rằng: "Tôi có niềm tin rằng đây sẽ là một trong những tác phẩm đỉnh cao, nếu không nói là tác phẩm lớn nhất, trong sự nghiệp cầm bút của mình".

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV chiếu cho HS một đoạn video về tiểu thuyết *Những người khốn khổ.* Sau đó, GV đưa ra câu hỏi: Nội dung của tiểu thuyết *Những người khốn khổ* là gì?**  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Nhắc tới nền văn học Pháp, độc giả trên thế giới luôn ngưỡng mộ về thiên tài V. Huy- gô, người đã làm nên tên tuổi và sự nghiệp của mình không chỉ do những kiệt tác, mà còn do những họat động không ngừng nghỉ vì sự tiến bộ của con người. Hơn một thế kỉ qua, người yêu văn học ở mọi nơi trên thế giới đã làm quen với bộ tiểu thuyết lãng mạn tuyệt vời “Những người khốn khổ”. Cuộc đời khốn khổ người tù khổ sai và tâm hồn cao cả, thánh thiện của nhân vật chính Găng van-Giăng khiến chúng ta vô cùng cảm phục và xúc động. Đoạn trích kể lại chiến công đầu tiên của Găng van- Găng trong cuộc quyết đấu với cường quyền và cái ác. Để hiểu rõ hơn về nội dung tác phẩm chúng ta cùng tìm hiểu đoạn trích sau.* | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung khái quát tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm**

**I. Tìm hiểu chung:**

**1. Tác giả:**

- Victo Huy-gô (1802-1885) nhà văn thiên tài của nước Pháp, danh nhân văn hóa nhân loại, người bạn lớn của những người khốn khổ luôn hoạt động động vì sự tiến bộ của con người.

**2. Sự nghiệp:**

- Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp của thế kỷ XIX

- Những tác phẩm tiểu biểu: Nhà thờ đức bà Pari, Những người khốn khổ, Tia sáng và bống tối…

**3. Tác phẩm:**

a. Tóm tắt: (SGK)

b. Đoạn trích:

- Vị trí đoạn trích nằm ở cuối phần thứ nhất: Phăng-ti, thị trưởng Ma-đơ-len (Giăng Van-giăng) rơi vào tay Gia-ve. Phăng-tin tắt thở trước khi biết sự thật về ông thị trưởng và con gái mình.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Trước hoạt động:** GV cho hs đọc tiểu dẫn và hệ thống lại những ý chính về tác giả,tác phẩm.  **Trong hoạt động: Gv yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:**  ? Nét chính trong cuộc đời và sự nghiệp của V. Huy-gô?  ? Nội dung chính của tiểu thuyết *Những người khốn khổ*?  ? Nêu vị trí đoạn trích?  **GV nhận xét, chốt lại ý chính.** | **- HS làm việc cá nhân**  **HS Tái hiện kiến thức và trình bày.**  **HS sử dụng sgk.** |

**Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản**

**Mục II.1 Nhân vật Gia-ve**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** Tìm hiểu 1 nội dung là nhân vật Gia-ve.

**c. Sản phẩm**

**1. Nhân vật Gia-ve:**

- Là một thanh tra, cảnh sát

***-*** *Diện mạo:*

+ Cập mắt như cái móc sắt

+ Bộ mặt góm giếc

+ Cái cười ghê tỏm nhe tất cả hai hàm răng.

=> Hiện lên một con người ác thú.

*- Ngôn ngữ:* Thô lỗ tục tằn, vô văn hoá.

*- Hành động:*

+ Đối với Giăng-Van-Giăng: giậm chân phát khùng và hét lớn.

+ Đối với P.Tin: độc ác vô cảm trước nỗi đau của đồng loại.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Nêu cảm nhận ban đầu về nhân vật Gia-ve trong tác phẩm?  **Trong hoạt động:**  + Em có nhận xét gì về diện mạo, ngôn ngữ, hành động và diễn biết thái độ của Gia – Ve?  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 3 câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**

Câu 1: Ai được xem là “nhà thơ, nhà soạn kịch, nhà tiểu thuyết nổi tiếng của nước Pháp?

A. Ban-dắc B. Ta-go

C. Puskin **D. Huy-gô**

Câu 2: Chi tiết nào cho thấy V. Huy-gô miêu tả Gia-ve trong đoạn trích như một con thú dữ đang thôi miên con mồi?

A. “Gia-ve tiến vào giữa phòng hét lên”

B. “Trong cái điệu hắn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rợ và điên cuồng[...]Không còn là tiếng người nói mà là tiếng thú gầm”

**C. “ Hắn đứng lì một chỗ mà nói; hắn phóng vào Giăng-van-giăng cặp mắt nhìn như cái móc sắt.”**

D. “Gia-ve đã túm cổ áo Giăng-van-giăng. Gia-ve phá lên cười, cái cười ghê tởm phô ra tất cả hai hàm răng.”

Câu 3: Trong đoạn trích, khi Gia-ve quát “Mau lên!”, lời bình của người kể chuyện như thế nào?

**A. Không còn tiếng người mà là tiếng thú gầm.**

B. Tiếng thét đó mới uy lực làm sao.

C. Tiếng thét đó đã chứng tỏ sự uy quyền của Gia-ve trước những thân phận khốn khổ.

D. Tiếng thét thật thô bạo.

Câu 4:Trong đoạn trích, Gia-ve được khắc họa với diện mạo như thế nào?

A. Ác thú B. Chó dữ

C. Cọp **D. Cả ba đáp án trên**

**d. Các bước dạy học**

Gv chiếu lên slide 5 câu hỏi trắc nghiệm. Gv đọc lần lượt các câu hỏi. Trong 10 giây, HS nào trả lời nhanh đầu tiên sẽ nhận được quà.

**TIẾT 2: CÁC HĐ:**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**Mục II.2 Nhân vật Giăng-van-giăng**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** Thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu nhân vật Giăng-van-giăng

**c. Sản phẩm:**

2. Nhân vật Giăng Van Giăng:

a. Hoàn cảnh - số phận:

- Vì nghèo đối nên lấy cắp bánh mì nuôi cháu, bị phạt tù khổ sai 19 năm.

- Ra tù trở thành người tốt, được làm thị trưởng luôn giúp đỡ mọi người.

- Gia-Ve ganh ghét tố giác bị vào tù .

- Ra tù tiếp tục giúp` đỡ mọi người, cuối cùng chết trong cảnh cô đơn.

=> Giăng-Van-Giăng là con người của tình thương, của sự nghèo khổ và kém may mắn.

b. Tính cách - phẩm chất:

\* Con người của tình thương:

- Quyết định ra đầu thú để cứu nạn nhân bị Gia-Ve bắt oan.

- Đối với Phăng-Tin:

+ Đều quan tâm nhất lúc này là bệnh tình và tìm được đứa con gái cho Phăng-Tin

+ Nói với Gia-Ve giọng nhún nhường nnhẹ nhàng xin hoản lai 3 ngày để tìm con cho Phăng Tin.

🡪 Con người đầy tình thương và trách nhiệm.

+ Khi Phăng-tin chết 🡪 Giăng-Van-Giang như chết lặng đi, một nỗi đau xót khôn tả, sửa sang lại tóc, vuốt mắt cho chị, đặt lên tay chị một nụ hôn, thì thằm với chị những lời cứu cánh.

=> Những hành động và việc làm cao cả đầy tình nghĩa lòng nhân ái sống hết mình cho tình thương đồng thời thể hiện giá trị thẩm mỹ giàu chất nhân văn trong một con người nghèo khổ.

\* Con người kiên cường dũng cảm chống lại cường quyền áp bức:

- Lúc đầu: Điềm tĩnh đoán nhận sự thật, từ tốn, nhún nhường, nhỏ nhẹ, cầu xin Gia-Ve hoãn lại 3 ngày.

- Về sau: Người cầm quyền khôi phục uy quyền.

+ Giọng điệu: Lạnh lùng đầy thách thức.

+ Hành động: Cầm thanh sắt như bất chấp, căm thù, dũng cảm.

**\* Yếu tố nghệ thuật lãng mạn:**

- Cái chết bi thảm đầy thương tâm nhưng không gợi sự bi luỵ.

- Gương mặt sáng rỡ, nụ cười trên môi 🡪 Khẳng định sức mạnh của tình thương yêu con người có thể đẩy lùi cường quyền và áp bức, nhen nhóm niềm tin ở tương lai.

- Cái chết thật bi thảm nhưng chị đi vào cõi chết thật đẹp đẽ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Dựa vào tóm tắt truyện và đoạn trích, hãy cho biết hoàn cảnh và số phận của Giăng-Văn-Giăng?  **Trong hoạt động: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1 :** Nhân vật Giăng Van-giăng được miêu như thế nào đối với Phăng-tin? Qua đó cho em thấy vẻ đẹp gì ở Giăng-van-giăng?  **- Nhóm 2:** Nhân vật Giăng Van-giăng được miêu như thế nào đối với Gia-ve?.  + Trước khi Phăng-tin chết?  + Sau khi Phăng-tin chết?  Qua đó em thấy Giăng Van-giăng hiện lên là người như thế nào?  **- Nhóm 3, 4:** Tìm những chi tiết để thấy Giăng-van-giăng được miêu tả gián tiếp + Qua thái độ của Phăng-tin? + Bà xơ Xem-pli-xơ? + Trữ tình ngoại đề?  Qua đó em có nhận xét gì về Giăng Van-giăng?  **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Em có nhận xét gì về yếu tố lãng mạn trong đoạn trích? | - HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân  HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)  **HS sử dụng sgk**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**  **HS trả lời cá nhân.**  **HS trả lời cá nhân.** |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

- Khắc họa tính cách nhân vật và đối lập nhân vật(Gia-ve > < Giăng Van-giăng).

- Xung đột giàu kịch tính.

**2. Ý nghĩa văn bản:**

- Uy quyền mà người cầm quyền khôi phục chỉ là cái tạm thời, “*Trên đời chỉ có một điều ấy thôi, đó là thương yêu nhau*” mới là vĩnh viễn

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**: **1a,2a,3c.**

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  1. Vích-to Huy-gô là :  a. Thiên tài văn học của nước Pháp thế kỉ XIX.  b. Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch vĩ đại của nước Anh thế kỉ XIX.  c. Đại văn hào của nước Anh thế kỉ XIX.  d.Thiên tài văn học của nước Đức thế kỉ XIX.  2. Ai là nhân vật chính của bộ tiểu thuyết “Những người khốn khổ” ?  a. Giăng Van-giăng  b. Mi-ri-en  c. Phăng-tin  d.Ga-vơ-rốt  3. Trong đoạn trích “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”, dụng ý của nhà văn khi xây dựng nhân vật Gia-ve là gì ?  a. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một ông thanh tra mật thám mẫn cán, tận  tụy với công việc.  b. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một công cụ vô ý thức của nhà cầm quyền.  c. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một con thú dữ.  d. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một con người có ý chí sắt đá. | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

1/ Đoạn văn từ câu *"Ông nói gì với chị...có thể là những sự thực cao cả"* là lời củatác giả Huy-gô. Thuật ngữ văn học dùng để chỉ tên loại ngôn ngữ này là trữ tình ngoại đề.

2/ Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật câu hỏi tu từ là chủ yếu.

Hiệu quả:

+ Khẳng định niềm tin vào sức mạnh của cái thiện.

+ Như một niềm trân trọng, an ủi của tác giả.

+ Thể hiện tư tưởng, quan điểm của nhà văn : trong bất kỳ khó khăn và tuyệt vọng nào, con người chân chính bằng ánh sáng tình thương có thể đánh đuổi được cường quyền và nhen nhóm niềm tin vào tương lai.

3**/** Từ láy khi kể về nhân vật *Giăng Van-giăng* trong đoạn văn: *thì thầm.* Ý nghĩa của từ láy này: đây là từ láy tả âm thanh gợi không gian lặng lẽ khi nói với người đã chết của *Giăng Van-giăng* . Qua đó, ta thấy Giăng Van-giăng lại là một người đàn ông sống có trách nhiệm và luôn thường trực một tình thương cao cả đối với những người nghèo khổ. Với một tâm hồn cao thượng như vậy, Giăng Van-giăng luôn cận kề bên cạnh bao cảnh sống cơ hàn. Lẽ sống của ông dã che chở và nâng đỡ bao cảnh đời tủi nhục. Đối với Giăng Van-giăng, tình người, tình đời thật lớn lao. Ông chính là đại diện của lẽ sống vì tình thương.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Ông nói gì với chị? Người đàn ông bị ruồng bỏ ấy có thể nói gì với người đàn bà đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? Chẳng ai trên thế gian này nghe được. Kẻ đã chết có nghe thấy không? Có những ảo tưởng cảm động có thể là những sự thực cao cả. Điều mà chẳng ai nghi ngờ là bà xơ Xem-pli-xơ, người độc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Van-giăng thì thầm bên tai Phăng-tin bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đôi môi nhợt nhạt và trong đôi mắt xa xăm, đầy ngỡ ngàng của chị khi đi vào cõi chết*..  (*Trích* Người cầm quyền khôi phục uy quyền, Ngữ văn 11,tập 2, NXB Giáo dục, 2007, tr.79).  ***Đọc văn bản trên và thực hiện những yêu cầu sau từ câu 1 đến câu 4:***  1/ Đoạn văn từ câu *"Ông nói gì với chị...có thể là những sự thực cao cả" là lời của ai?*Thuật ngữ văn học dùng để chỉ tên loại ngôn ngữ này là gì?  2/ Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì là chủ yếu ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp nghệ thuật đó ?  3/ Xác định từ láy khi kể về nhân vật *Giăng Van-giăng* trong đoạn văn. Từ láy đó nói lên điều gì về con người của nhân vật *Giăng Van-giăng ?* | **- HS thực hiện nhiệm vụ**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; tìm đọc các tác phẩm liên quan

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

- Tìm qua sách tham khảo

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Tìm đọc toàn bộ tiểu thuyết Những người khốn khổ và một số bài thơ lãng mạn của Huy go | **- HS thực hiện nhiệm vụ**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)**

**Tiết 93– TT tiết dạy theo kế hoạch:**

**THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bình luận trong văn nghị luận. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bình luận | Đ2 |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bình luận | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích thao tác lập luận bình luận trong văn bản nghị luận. | **Đ4** |
| **5** | Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bình luận | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bình luận vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bình luận, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bình luận | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận bình luận  II. Cách bình luận | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bình luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

***1. Ổn định tổ chức lớp:***

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

***2. Kiểm tra bài cũ:***  Chi tiết***cái bao***trong tác phẩm Người trong bao của Sê khôp có ý nghĩa gì?

***3. Tổ chức dạy và học bài mới:***

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm**

Đoạn văn bình luận về cái chết của Chi Phèo.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV giao nhiệm vụ**: Đoạn văn sau đây bình luận vấn đề gì?  *Trong cơn khủng hoảng và bế tắc, Chí càng thấm thía hơn tội ác của kẻ đã cướp đi của mình cả bộ mặt lẫn linh hồn con người. Chí xách dao ra đi và đâm chết bá Kiến, đồng thời kết liễu cuộc đời mình. Ban đầu ai cũng nghĩ Chí cầm dao đi đến nhà thị Nở, nhưng bước chân đã đưa Chí đến nhà bá Kiến. Việc giết bá Kiến và tự sát không phải là hành động mù quáng do hơi men mang đến. Thực sự Chí đã thức tỉnh. Khi thức tỉnh, Chí biết mình không thể đập phá, chém giết như trước. Chí muốn lương thiện nhưng ai cho Chí lương thiện? Kẻ thù của Chí đâu phải chỉ là một mình bá Kiến hay bà cô thị Nở, mà là cả xã hội thối nát, tàn bạo đương thời. Đồng thời, chỉ có cái chết mới giúp Chí thoát khỏi kiếp sống của một con người - quỷ dữ. Trước đây, để tồn tại, Chí phải bán bộ mặt người và linh hồn cho quỷ dữ; đến nay, khi linh hồn đã trở về, Chí lại phải đánh đổi cả sự sống của mình. Với Chí, niềm khát khao được sống lương thiện còn cao hơn cả mạng sống.*  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong bài nghị luận xã hội hoặc NLVH, việc bình luận về những vấn đề theo yêu cầu đề ra đòi hỏi phải nắm vững kĩ năng mới thuyết phục được người đọc, người nghe. Nắm vững thao tác lập luận bình luận là để củng cố thêm sự hiểu biết về kĩ năng bình luận của người viết.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** gồm các nội dung: khái niệm thao tác lập luận bình luận, mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận bình luận.

**c. Sản phẩm**

**1. Mục đích:**

Đánh giá, bàn luận🡪 xác định phải trái, dở hay, đúng sai, phải có sự trao đổi ý kiến với người đối thoại.

**3. Yêu cầu:**

- Bàn luận và đánh giá với những ai biết và quan tâm về điều cần bình luận.

- Chỉ bình luận khi có ý kiến riêng về điều được nêu ra và thật lòng muốn thuyết phục mọi người nghe theo sự đánh giá bàn luận của mình

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :** Em đã gặp tình huống nào sử dụng thao tác lập luận bình luận trong đời sống ? Hãy lấy một ví dụ cụ thể ?  **Trong hoạt động : HS thảo luận theo cặp trong bàn :**  -Trong đời sống, chúng ta có thường gặp từ bình luận không? Thử giải thích ý nghĩa của từ bình luận trong các trường hợp ấy.  -Bình luận khác giải thích và chứng minh ở điểm nào?  -Yêu cầu để bình luận có sức thuyết phục là gì?  -Vai trò và tầm quan trọng của việc thành thạo kĩ năng bình luân.  **GV yêu cầu HS tìm hiểu mục I trong SGK**  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  **- HS làm việc theo cặp trong 4p**  **- Đại diện 1 -2 cặp trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**NỘI DUNG 2: CÁCH BÌNH LUẬN**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết các nội dung: bố cục bài văn nghị luận bác bỏ, cách thức bác bỏ và giọng điệu của văn nghị luận bác bỏ.

**c. Sản phẩm**

**1. Bước thứ nhất:** Nêu hiện tượng cần bình luận.

- Đảm bảo yêu cầu trung thực, khách quan, nhưng chỉ nêu ngắn gọn, rõ ràng những điều cơ bản theo yêu cầu bình luận .

**2. Bước thứ hai:** Đánh giá hiện tượng cần bình luận.

- Đề xuất chứng tỏ được ý kiến nhận định đánh giá của mình là xác đáng.

**3. Bước thứ 3:** Bàn về hiện tượng cần bình luận.

- Có những lời bàn sâu rộng về chủ đề bình luận.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động :** GV cho hs đọc tất cả những nội dung trong SGK và trả lời những câu hỏi nêu bên dưới sau khi đã thảo luận thống nhất.  **- Trong hoạt động :** thảo luận theo nhóm bàn :  + Một bài bình luân thường có mấy bước? Nội dung của mỗi bước là gì?- Sau hoạt động :  **- Sau hoạt động :** Khuyến khích HS xung phong trả lời và đưa ra kết luận. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 5p**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, N1, V1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

**Bài tập 1** - Bình luận không phải là sự -kết hợp của hai kiểu lập luận giải thích và chứng minh. Vì mục đích của bình luận là giúp người đọc, người nghe đánh giá hiện tượng được chính xác, toàn diệncông bằng và bình luận cùng họ về những ý kiến sâu rộng bằng ý sắc sảo chặt chẽ của riêng mình.

- Bình luận chỉ dành cho những người đã biết đã có những ý kiến của họ khác với ý kiến của người bình luận.

- Yêu cầu bình luận: trôi chảy, hấp dẫn, giaù nhiệt tình thuyết phục.

**Bài tập 2:** Đây là đọan bình về vấn đề tai nạn giao thông hiện nay vì:

- Người viết nêu rõ chủ kiến của mình trước vấn đề tai nạn giao thông hiện nay.

- Nội dung bình luận được triển khai:

+ Phân tích đúng sai, đánh giá, tìm nguyên nhân (đoạn 1,2,3)

+ Mở rộng vấn đề ( tác hại sâu xa đối với đất nước và hội nhập quốc tế) đoạn 4,5.

- Đề xuất giải pháp (đoạn 6).

Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.

**Bài tập 3:**

Đối với con người thì việc hiểu biết và tôn trọng pháp luật chính là đạo đức. Đạo đức không thể là những lời hô hào suông, không phải là những lời nói văn vẻ tầm chương trích cú, không phải là bằng cấp cao, địa vị cao... Bởi vì có những "nhà nho suốt đời đọc sách" mà đối nhân xử thế lại "còn tệ hơn những người quê mùa chất phác". Những kẻ mù luật thì càng ở địa vị cao càng dễ phạm tội và càng gây ra nhiều nỗi oan khiên, đau khổ cho muôn dân. Vì vậy, tiêu chí hàng đầu để cất nhắc ai đó phải là tiêu chí giỏi luật, chí công vô tư. Chí công vô tư là đức trời cao cả mà con người phải suốt đời phấn đấu, rèn luyện mới có được!

Giáo dục pháp luật cho học sinh nói riêng, mọi công dân nói chung là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong hệ thống giáo dục của một xã hội văn minh bởi "trong luật cái gì cũng công bằng, hợp với đức trời". Khi con người biết sống và làm việc "hợp với đức trời" tức là khi họ đã sống hài hoà với môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, tức là khi họ đã biết tự phán xử những lỗi lầm của mình để kịp thời dừng lại, trước khi có ý nghĩ hoặc hành vi phạm tội!

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  \* Yêu cầu phân tích:  − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn?  − Cách bác bỏ của mỗi tác giả?  **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó.  **- Bài tập 3:** HS làm việc cá nhân  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

* Mỗi người phải biết sống khẩn trương, mãnh liệt, tận hưởng và cống hiến trong từng khoảnh khắc thời gian hiện tại.

+ Thời gian luôn là kẻ thù của con người. Thời gian theo quan niệm của Xuân Diệu: trôi chảy vĩnh viễn, không bao giờ trở lại. Tuổi trẻ của con người cũng chỉ có một lần rồi tàn phai.

+ Vì vậy mỗi người phải biết quý trọng thời gian, biết tận dụng thời gian để sống và làm việc, biết sống có ý nghĩa cho mình, cho gia đình và xã hội. Tránh lãng phí thời gian vào những việc vô bổ, ăn chơi, đắm mình trong những trò chơi vô nghĩa, sa vào những tệ nạn nghiện hút, cờ bạc, rượu chè,...

+ Muốn làm được điều đó, mỗi người phải xác định cho mình mục đích, lí tưởng sống và hành động đúng đắn.

+ Có sống hết mình, sống có ích, biết quý trọng thời gian, con người mới tránh khỏi sự hối hận tiếc nuối về những quãng đời đã qua.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn bình luận ý sau: ***Mỗi người phải biết sống khẩn trương, mãnh liệt, tận hưởng và cống hiến trong từng khoảnh khắc thời gian hiện tại.*** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu:** **Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**  **+** Sưu tầm những đoạn văn bình luận hay. Phân tích thao tác bình luận thể hiện qua đoạn văn đó | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn: /5/2021**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)**

**Tiết 94 – TT tiết dạy theo kế hoạch điều chỉnh:**

**LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bình luận trong văn nghị luận. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bình luận | **Đ2** |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bình luận | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích thao tác lập luận bình luận trong văn bản nghị luận. | **Đ4** |
| **5** | Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bình luận | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bình luận vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bình luận, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bình luận | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | Các bài tập trong sgk | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bình luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm:** *Đó chính là cái thiện giành lại uy quyền, sức mạnh để đẩy lùi cái ác.*

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV giao nhiệm vụ**: Xác định câu văn bình luận trong đoạn văn sau:  *Khi Phăng-tin đã trút hơi thở cuối cùng mà Gia-ve vẫn điên khùng chà đạp lên tình người thiêng liêng, mất hết cả tính người, tác giả đã để cho Giăng Van-giăng chuyển biến đột ngột trong hành động : "ông cầm lăm lăm cái thanh giường trong tay và nhìn Gia-ve trừng trừng". Hành động đó làm Gia-ve phải lùi ra phía cửa, hắn thật sự “run sợ”. Đó chính là cái thiện giành lại uy quyền, sức mạnh để đẩy lùi cái ác.*  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Người viết đã bình luận ý nghĩa hành động của *Giăng Van-giăng.* Tiết trước, chúng ta đã nắm vững lí thuyết về thao tác lập luận bình luận. Tiết này, chúng ta sẽ thực hành | - **HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** lí thuyết và thực hành bài tập

**c. Sản phẩm**

Bài tập 1:

a. Xác định những vấn đề cần thiết:

- Bài viết nên là một bài bình luận vì tham gia diễn đàn tức là phát biểu ý kiến riêng của mình. Mà ý kiến riêng thì phải có nhận xét, đánh giá đúng sai, đề xuất cách giải quyết…🡪 bàn luận về vấn đặt ra.

- Chọn vấn đề cho bài viết: chọn vấn đề mà mình tâm đắc, am hiểu nhất. Nên chọn chủ đề đang được tranh luận.

- Dàn ý của bài viết nên theo ba phần:

+ Nêu vấn đề cần bình luận.

Vấn đề cần quan tâm của tuổi trẻ học đường là xây dựng phong cách văn hoá. Một trong những nội dung cần rèn luyện, cần phải tập trung “là lời ăn tiếng nói của một học sinh văn minh, thanh lịch”.

+ Giải quyết vấn đề

\* Chỉ ra vấn đề cần bình luận là gì?

Rèn luyện lời ăn tiếng nói để đảm bảo lối sống văn minh, thanh lịch là yêu cầu bức xúc hiện nay.

\* Khẳng định vấn đề: đúng

\* Mở rộng vấn đề:

+ Tại sao rèn luyện lời ăn tiếng nói hằng ngày để đảm bảo lối sống văn minh thanh lịch là yêu cầu bức xúc hiện nay? (thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày, yêu cầu về giao tiếp, những đòi hỏi vè văn hoá ứng xử trong thời kỳ hội nhập, phát huy bản sắc, truyền thống văn hoá của cha ông từ ngàn xưa để lại- chứng minh bằng một số dẫn chứng tiêu biểu như giúp đỡ người già yếu, tàn tật, nói lời cảm ơn, giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn…)

+ Làm thế nào để rèn luyện lối sống văn hoá (Mỗi người phải có ý thức rèn luyện, cả tập thể rèn luyện. Gia đình từ người trên đến người dưới đều rèn luyện, sao cho tất cả đều trở thành nếp sống trong xã hội. Trước khi nói phải xác định: Nói cho ai nghe, nói với ai? Nói ở đâu? Nói trong trường hợp nào? Không ngừng đấu tranh phên bình những người thực hiện chưa tốt).

\* Nêu ý nghĩa vấn đề

+ Kết thúc vấn đề

\* Liên hệ tới cuộc sống hiện tại

\* Ý thức trách nhiện của bản thân.

b. Diễn đạt một luận điểm trong phần thân bài cho dàn ý vừa lập.

Viết một luận điểm trong phần thân bài

- Tại sao chúng ta phải rèn luyện phong cách học sinh văn minh, thanh lịch. Thực tiễn hằng ngày diễn ra xung quanh ta biết bao vấn đề mà những ai có lối sống văn hoá không thể nào không quan tâm. Bên cạnh những cử chỉ, lời nói có văn hoá, lịch sự còn có cách nói thô tục, mở miệng là nói tục. Nói thế, họ có biết đã xúc phạm tới người sinh ra mình như thế nào? Lại có cách gọi thật buồn về bố, mẹ hoặc thầy, u- là những từ đã đi sâu vào tiềm thức của người Việt Nam bao đời. Ông cho truyền cho con cháu cũng bằng những tiếng ấy. Đứa trẻ học nói cũng bắt đầu bằng những tiếng ấy. Vậy mà khi lớn lên ta lại gọi các bậc sinh thành bằng “ông bô”, “bà bô”, “cụ khốt” nghe lạ lẫm mà chẳng lọt vào lỗ tai chút nào.

Lẽ nào, một dân tộc đã chiến đấu và chiến thắng những kẻ thù lớn, đã từng chinh phục những nền văn minh lớn của châu Âu, châu Mĩ lại không thể chứng minh vẻ đẹp của của văn hoá? Một dân tộc đã có 4.000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước tất phải có nền văn hoá lâu đời. Chẳng lẽ ngày nay lớp con cháu chúng ta lại làm mất đi vẻ đẹp ấy.

Hội nhập kinh tế toàn cầu là điều kiện để ta tiếp thu nền văn minh nhân loại. Chỉ có thể học được cái tốt khi mình có ý thức tốt. Làm sao để bè bạn khắp nơi hiểu ta hơn vì sự văn minh và thanh lịch.c. Tham gia bài viết có chủ đề tương tự.

c. Tham gia bài viết có chủ đề tương tự.

d. Trình bày trước lớp.

Bài tập 2:

a. Trình bày một luận điểm trong dàn bài mà các em vừa xây dựng trên lóp.

b. Bàn về một hiện tượng đang được dư luận xã hội quan tâm.

- Vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Bảo vệ môi trường.

- Phòng chống thiên tai.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1+2: Bài tập 1**  làm theo các yêu cầu a,b,c trong sgk (tr81, 82)  − **Nhóm 3+4: Bài tập 2**  Chọn một vấn đề tâm đắc để viết một đoạn văn bình luận.  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ3,Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

B1- Xác định vấn đề cần bình luận, thể khí, thể lỏng và sự sống của muôn loài. Một trong những vấn đề xã hội ngày nay đặt ra là bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề bức xúc với mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi cộng đồng. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống, duy trì sự sống.

B2- khẳng định vấn đề

Bảo vệ môi trường là bảo vệ và duy trì sự sống. Điều ấy đặt ra hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của sự phát triển loài người, là đáp ứng đòi hỏi chính đáng của chúng ta.

B3- Mở rộng

- Tại sao phải đặt ra vấn đề bảo vệ môi trường

+ Không khí chúng ta hít thở đòi hỏi phải trong sạch. Bầu khí quyển hiện nay ra sao? Khói những nhà máy lớm, khí thải của các động cơ, hệ thống lò gạch nhan nhản ở khắp nơi thực sự là mối nguy cơ cho bầu không khí.Tất cả đòi hỏi chúng ta phải có ý thức bảo vệ môi trường.

+ Nguồn nước cung cấp để duy trì sự sống ngày càng bị thu hẹp lại. Nước ngọt ở ai, hồ, sông, suối bị ô nhiễm vẩn đục, lẽ nào chúng ta không thấy.

+ Rừng và cây xanh là lá phổi tự nhiên bảo vệ con người. Lượng oxy thả ra và thu về cacbonnic chỉ có cây xanh mới làm được. Thế mà rừng đầu nguồn bị khai thác bừa bãi. Nạn lâm tặc hoành hành. Những hàng tre hun hút, những hàng tre xanh làng tôi làng anh đâu còn nữa. Làm sao, ta không thấy.

+ Tất cả mọi cơ sở, nguồn cung cấp của môi trường ngày một mất dần đi, thu hẹp lại, nhưng con người thì cứ sinh sôi phát triển. Nhu cầu cung cấp cho đời sống con người đã vượt qua con số tính toán và tất nhiên nó phải vi phạm vào môi trường sống là điều không tránh khỏi. Chất thải của con người mỗi ngày không biết xử lý bằng cách nào. Nhiều địa phương đang lúng túng. Những có sở chế biến chất thải còn nhỏ hẹp không đáp ứng và chưa có tính phổ biến trên diện rộng.

+ Chất vô cơ sử dụng trong sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ làm mất đi một số loài có lợi. Nguồn đất, nguồn nước bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu. Một số cơ sở công nghiệp chế biến thức ăn gia súc đang gây ô nhiễm trong vùng lân cận.

+ Vấn đề xử lí nước thải của các nhà máy đang đặt ra nhiều khó khăn. Vùng hạ lưu các sông ở tỉnh Hà Nam, Ninh Bình đang kêu cứu./

Tất cả những vấn đề trên đây đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ khẩn cấp phải bảo vệ môi trường sống.

- Bảo vệ môi trường bằng cách nào?

+ Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho mỗi người, mỗi đơn vị, tập thể cộng đồng.

+ Đầu tư cho kế hoạch, có diện tích, có chiều sâu, những phương tiện bảo vệ môi trường. Đó là nhà máy phải được quy hoạch, xử lý nước thải và khí đọc làm ảnh hưởng môi trường xung quanh.

+ Trồng cây gây rừng, khai thác phải đi đôi với trồng trọt.

+ Nghiêm cấm những việc làm có hại tới môi trường.

+ Khu dân cư đông đúc phải có hệ thống cống rãnh thông thoáng.

+ Khuyến khích, phổ biến trồng vườn cây ăn trái vừa có thu hoạch vừ tạo cảnh quan, vừa góp phần làm trong sạch môi trường.

B4- Nêu ý nghĩa tác dụng của vấn đề bảo vệ môi trường.

- Duy trì sự sống của muôn loài

+ Con người

+ Loài vật

+ Cây cối

Vật nuôi, cây trồng lại có tác dụng trở lại môi trường.

- Bảo vệ môi trường làm đẹp thêm cảnh

+ Núi phủ cây xanh không còn phơi đầu trọc

+ Bãi biển sạch, nơi nghỉ mát của du khách

+ Hồ, ao, sông ngòi không còn bị ô nhiễm

+ Làng xóm đẹp thêm

- Cuộc sống con người cũng tăng thêm tuổi thọ, hạnh phúc nào bằng.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Vấn đề bảo vệ môi trường  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

* Con đường lập nghiệp của thanh niên hiện nay rộng mở hơn, không chỉ giới hạn ở việc thi đỗ đại học ra làm “thầy”, mà có thể học làm “thợ”, thành những thợ lành nghề trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ mà nước ta đang rất thiếu.
* Nếu không được đến trường, bạn vẫn có thể tự học hoặc vừa học vừa làm, học cách lao động tự kiếm sống và vươn lên làm giàu. “Trường đời là trường học lớn nhất” (Lấy một vài dẫn chứng thực tế để minh hoạ về việc nhiều cá nhân đã đi lên làm giàu bằng con đường tự học, tự lao động kiếm sống)...
* Từ bài *Sa hành đoản ca,* từ thực tế đời sống, thanh niên có thể thay đổi cách học “từ chương, giáo điều”; “nhai văn nhá chữ”, coi trọng học đi đôi với hành, phát huy sáng tạo của người học (Liên hệ đến thực tế nhiều người không có bằng cấp mà đã sáng chế, sáng tạo ra nhiều công trình, công cụ lao động khoa học)...
* Học không chỉ để mưu cầu danh lợi cho bản thân mà còn phải gắn với yêu cầu của gia đình, xã hội và quê hương, đất nước.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Từ bài thơ Sa hành đoản ca (Bài ca ngắn đi trên bãi cát) của Cao Bá Quát, viết đoạn văn ngắn bình luận về con đường lập nghiệp của thanh niên hiện nay?* | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  + Tìm đọc thêm một số ngữ liệu nghị luận xã hội và nghị luận văn học có sử dụng thao tác lập luận | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)**

**Tiết 95 – TT tiết dạy theo kế hoạch**

**LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Củng cố kiến thức và kỹ năng cơ bản về các thao tác lập luận đã học. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận. | **Đ2** |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận. | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận. | **Đ4** |
| **5** | Biết cách sử dụng hợp lí các thao tác lập luận trong những trường hợp cụ thể | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận. | **N1** |
| **7** | Vận dụng các thao tác lập luận đã học để viết được một văn bản nghị luận ngắn về một hiện tượng trong đời sống | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức viết văn có sáng tạo, chủ động và nhận diện, phân tích được các thao tác lập luận trong qúa trình viết văn. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | Các bài tập trong sgk | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bình luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm**

Nội dung: Mục đích xây dựng nhân vật Thị Nở của Nam Cao. Người viết sử dụng kết hợp các thao tác phân tích, giải thích, so sánh, bình luận

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV giao nhiệm vụ:** Đoạn văn sau bàn về nội dung gì? Sử dụng các thao tác lập luận nào? Sử dụng thao tác đó một cách rời rạc hay kết hợp?  *Mục đích lớn nhất của Nam Cao khi xây dựng nhân vật thị Nở là tạo ra một chất "xúc tác" để thể hiện trọn vẹn vấn đề trung tâm của tác phẩm: tính chất bi thảm trong bi kịch cuộc đời của Chí Phèo.*  *Khi xuất hiện với tư cách một con người có tình thương ở bên cạnh Chí, thị Nở khiến Chí hồi sinh: thoạt đầu là tỉnh rượu, tiếp đó là tỉnh ngộ rồi cuối cùng khát khao làm người lương thiện, khát khao hoàn lương. Nghĩa là, trong mối quan hệ với thị Nở, Chí Phèo đã trở lại với tính người toàn vẹn.*  *Sự từ chối của thị Nở đẩy Chí từ đỉnh cao của khát khao hạnh phúc xuống đến tận cùng của nỗi bất hạnh, tủi nhục, khốn khổ vì bị một người đàn bà xấu ma chê quỷ hờn từ chối. Chí đau đớn, tuyệt vọng vì cánh cửa mở vào thế giới lương thiện đã bị đóng lại, con đường trở lại làm người lương thiện đã bị chặn đứng. Chí uất ức, hận thù vì bị khinh bỉ, coi thường, bị tước đi cơ hội sống như một con người,... Tất cả những yếu tố tâm lí ấy đẩy Chí đến chỗ tự sát một cách nhanh chóng, quyết liệt và bi thảm.*  *( Theo Đỗ Ngọc Thống )*  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong các tiết học trước, các em đã được tìm hiểu các thao tác lập luận rất phổ biến trong làm văn nghị luận đó là thao tác lập luận phân tích, so sánh, bình luận, bác bỏ…. Tuy nhiên trong thực tế nói và viết không phải bao giờ chúng ta cũng chỉ sử dụng một thao tác lập luận riêng lẻ, mà phải biết vân dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận thì nói, viết mới đạt hiệu quả giao tiếp cao. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trên.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu: Đ2,Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động:** lí thuyết và thực hành bài tập

**c. Sản phẩm**

**I. Đọc-tìm hiểu**

**1. Đọc đoạn trích trả lời câu hỏi**

- Đoạn trích viết về ảnh hưởng của một số nhà thơ mới lãng mạn như: Thế Lữ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên với cá nhà thơ Pháp Bô-đơ-le, Đơ Nô-ai, Gi- đơ, Véc-len. Nhà văn Mĩ như: Ét-ga Pô.

- Quan điểm của tác giả là ảnh hưởng trong giao lưu là ngẫu nhiên. Song thơ Pháp không làm ảnh hưởng tới thơ Việt, không làm mất bản sắc thơ Việt. Các nhà thơ Việt vẫn có phong cách riêng.

- Thao tác so sánh và phân tích

Cuối đoạn tác giả sử dụng thao tác bác bỏ và bình luận

Việc áp dụng nhiều thao tác chưa hẳn đã tốt. Áp dụng kết hợp nhiều thao tác phải phù hợp mới có hiệu quả.

- Xuất phát từ vấn đề đặt ra mà chọn các thao tác. Dựa vào cách lập luận, giải quyết vấn đề đó có trọn vẹn không. Cách dùng từ, diễn đạt có hấp dẫn không.

2. Xây dựng đề cương, vận dụng các thao tác lập luận.

Bước 1: Chọn vấn đề cần nghị luận:

Thanh niên ta ngày nay cần có ý chí vươn lên trong học tập và công tác.

Bước 2: Lập dàn ý

Bước 3: Viết 1 đoạn văn trình bày trước lớp

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Gv giao nhiệm vụ:**  **Bài tập 1:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi:  a. Đoạn trích viết về vấn đề gì? Quan điểm tác giả đối với vấn đề đó ra sao?  b. Tác giả sử dụng thao tác lập luận nào là chủ yếu? ngoài ra còn có thao tác nào?  **c. (sgk,tr 113)**  **Bài tập 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Lập dàn ý  **Nhóm 2:** Xác định áp dụng thao tác lập luận nào?  **Nhóm 3:** Trình bày 1 luận điểm  **Nhóm 4:** Viết 1 đoạn trình bày trứơc lớp  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS làm việc cá nhân.**  **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút**  **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ2, Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

Thao tác giải thích, phân tích, so sánh, bình luận.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  **Hãy xác định các thao tác lập luận trong đoạn văn sau của Hồ Chí Minh:**  *“Liêm là trong sạch, không tham lam.*  *Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là liêm, chữ liêm ấy có nghĩa hẹp. Cũng như ngày xưa trung là trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi.*  *Ngày nay, chữ liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải liêm. Cũng như trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân.*  *Chữ liêm phải đi đôi với chữ kiệm. Có kiệm mới liêm được, vì xa xỉ sẽ sinh tham lam.*  *Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm.*  *Người cán bộ, cậy quyền thế mà khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công thành của tư; người buôn bán, mua một bán mười hoặc mua gian bán lậu chợ đen chợ đỏ, tích trữ đầu cơ; người có tiền, cho vay cắt cổ, bóp hầu bóp họng đồng bào; người cờ bạc, chỉ mong xoay của người làm của mình,.. đều là tham lam, đều là bất liêm.*  **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

+ Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:

* Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay.
* Tác hại của bệnh quay cóp.
* Lời khuyên .

+ Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.

**\*** Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 th/tác lập luận

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Hoạt động của GV** |
| **GV giao nhiệm vụ:** *Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b.Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  **+** Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Tìm đọc thêm một số Ngữ liệu thuộc kiểu bài NLXH và NLVH có sử dụng kết hợp tác thao tác lập luận. Phân tích biểu hiện sự vận dụng kết hợp đó. | - **HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS nộp sản phẩm vào tiết học sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 96 – TT tiết dạy theo kế hoạch**

**VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI NƯỚC TA**

***(Trích: Đạo đức và luân lí Đông Tây của Phan Châu Trinh)***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Phan Châu Trinh  + Hiểu và nắm được tinh thần yêu nước và mối quan tâm đặc biệt của Phan Châu Trinh tới vấn đề dân trí khi kêu gọi nhân dân gây dựng nền luân lí xã hội ở nước ta | **Đ1** |
| **2** | + Đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại Việt Nam | **Đ2** |
| **3** | +Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn nghị luận của Phan Chu Trinh. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận của Phan Châu Trinh với các tác tác giả khác | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Về luân lí xã hội ở nước ta* và các tác phẩm khác của Phan Châu Trinh. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC** | | |
| **10** | Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và tôn trọng những tư tưởng tiến bộ. | **YN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Kết nối-Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm*.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Đoạn 1: Khẳng định nước ta chưa có luân lí xã hội (hiện trạng)  1. Đoạn 2: Sự thua kém về luân lí xã hội của ta so với phương Tây (biểu hiện)  1. Đoạn 3: Chủ trương truyền bá XHCN cho người Vệt nam (giải pháp)  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: **Kết nối** -**Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

**c. Sản phẩm:**

- Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết Đại cáo bình Ngô để tuyên bố về nền độc lập của đất nước sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược.

- Tác động sâu sắc tới tư tưởng người đọc: Khơi gợi lòng tự hào dân tộc, củng cố lòng yêu nước, quyết tâm cùng Lê Lợi xây dựng triều đại vững mạnh và thái bình.

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ**: “Đaị cáo bình Ngô” được coi là áng văn chính luận kiệt xuất của Nguyễn Trãi. Vậy tác phẩm đó được viết nhằm mục đích gì? Có tác dụng ra sao đối với tư tưởng của người đọc?  **Từ đó, giáo viên giới thiệu** *Vào bài: Các em đã được học hai tác phẩm chính luận là “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em” và tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi nên đã biết văn chính luận viết nhằm mục đích gì? Có tác dụng ra sao đối với tư tưởng người đọc? Ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, các nhà hoạt động chính trị như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, ... đều ít nhiều dùng văn chính luận để tuyên truyền, phổ biến, thể hiện chủ trương, đường lối cách mạng của mình. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu một đoạn trích tiêu biểu của một tác phẩm chính luận để cảm nhận tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ của Phan Châu Trinh và hiểu sâu hơn về nghệ thuật viết văn chính luận. Trước hết chúng ta tìm hiểu vài nét về tác giả Phan Châu Trinh.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**1. Tác giả:**

- Phan Châu Trinh (1872-1926).

- Ông là nhà yêu nước và cách mạng lớn của Việt Nam đầu thế kỉ XX, ông luôn có ý thức dùng văn chương để làm cách mạng.

- Thơ văn của Phan châu Trinh là thơ văn tuyên truyền, vận động đồng bào làm cách mạng cứu nước, cứu dân.

**2. Tác phẩm**

a. Vị trí: phần 3 của bài diễn thuyết Đạo đức và luân lí Đông Tây (5 phần) được ông diễn thuyết vào đêm 19-11-1925 tại Sài Gòn.

b. Bố cục: 3 đoạn

- Đoạn 1: Khẳng định nước ta chưa có luân lí xã hội (hiện trạng)

- Đoạn 2: Sự thua kém về luân lí xã hội của ta so với phương Tây (biểu hiện)

- Đoạn 3: Chủ trương truyền bá XHCN cho người Vệt nam (giải pháp)

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Qua bài *Đập đá ở Côn Lôn*, em có ấn tượng gì về nhà thơ, nhà yêu nước Phan Châu Trinh?  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  Trình bày những hiểu biết của em về tác giả ?  **- GV nhận xét, chốt lại ý chính.**  GV đặt câu hỏi:  ? Tác phẩm thuộc thể loại gì ? Những hiểu biết của em về tác phẩm trên ?  ? Vị trí đoạn trích?  ? Bố cục đoạn trích ?  **GV cho HS đọc đoạn trích, hướng dẫn cách đọc** | **- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc đoạn trích.** |

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết đoạn trích theo bố cục 3 phần.

**c. Sản phẩm**

1. Đoạn 1: Nêu hiện trạng ở nước ta, khẳng định nước ta tuyệt nhiên không có luân lí xã hội. (10phút)

- Tác giả khẳng định: “Xã hội luân lí ở nước ta tuyệt nhiên không có”.

- Cách đặt vấn đề trực tiếp, trực diện, nhấn mạnh và phủ định: tuyệt nhiên không ai biết đến xã hội luân lí.

- Tác giả còn phủ nhận sự ngộ nhận, sự xuyên tạc vấn đề của không ít người:

+ Quan hệ bạn bè không thể thay cho luân lí xã hội.

+ Quan niệm Nho gia bị hiểu sai, hiểu lệch và mấy ai hiểu đúng bản chất của vấn đề “bình thiên hạ”

cách vào đề bộc lộ quan niệm tư tưởng của một nhà Nho uyên bác, sắc sảo và thức thời

2. Chỉ ra những biểu hiện cụ thể để làm sáng tỏ ý đã khẳng định. (10 phút)

-Hiện trạng: Không hiểu, chưa hiểu, điềm nhiên như ngủ, chẳng biết gì ( Ta) >< Rất thịnh hành và phát triển (C. Âu)

- Dẫn chứng: phải ai tai nấy, ai chết mặc ai…(Ta) >< quyền lợi riêng của cá nhân hay đoàn thể bị xâm hại thì họ tìm mọi cách lấy lại công bằng.

- Nguyên nhân: do chưa có đoàn thể, ý thức dân chủ.

- Nguyên nhân của việc dân không biết đoàn thể, không trọng công ích:

+ ông cha ta đã có ý thức đoàn thể, cũng biết đến công đức.

+ Lũ vua quan phản động, thối nát đã tìm cách “phá tan tành đoàn thể của quốc dân”.

- Tác giả đả kích vào bản chất phản động, thối nát của vua quan: Không quan tâm đếndân, muốn dân tối tăm để dễ dàng thống trị, vơ vét.

- Tác giả dùng những từ ngữ, hình ảnh gợi tả, lối so sánh ví von sắc bén thể hiện thái độ căm ghét cao độ đối với chế độ vua quan chuyên chế.

Tấm lòng của người có lòng yêu nước thiết tha, xót xa trước tình cảnh khốn khổ của dân, quan tâm đến vận mệnh dân tộc, căm ghét bọn quan lại xấu xa thối nát. Dưới mắt tác giả, chế độ vua quan chuyên chế thật tồi tệ, cần phải xoá bỏ triệt để.

3. Nêu giải pháp

- Muốn nước Việt Nam độc lập tự do:

+ Dân Việt Nam phải có đoàn thể

+ Đẩy mạnh truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhân dân giải pháp rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục.

**c. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động**: Theo em, luật pháp có vai trò quan trọng như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước?  + Yêu cầu HS đọc kĩ lại văn bản  + Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang.  **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **1. Đoạn 1**  **Nhóm 1:** Luân lí xã hội là gì? Mở đầu đoạn trích tác giả khẳng định vấn đề gì ? Nhận xét cách nêu và phân tích luận điểm của tác giả ?  **Nhóm 2:** Em hiểu câu “một tiếng bè bạn không thể thay cho luân lí xã hội được” thế nào ? Qua đó cho thấy tác giả là người như thế nào ?  **2. Đoạn 2**  **Nhóm 3:** Tác giả so sánh hai nền luân lí xã hội của ta và phương Tây như thế nào? Nêu mục đích, dẫn chứng và tác dụng của nó ?  **Nhóm 4:** nguyên nhân nào dân ta không biết đoàn thể, không trọng công ích ? Nhận xét về nghệ thuật lập luận trong đoạn này ?  **3. Đoạn 3: Câu hỏi cá nhân**  Giải pháp của Phan Châu Trinh là gì ? Nhận xét về giải pháp đó ?  - **Sau hoạt động:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **HS làm việc cá nhân**  **HS sử dụng sgk**  **HS làm việc cá nhân 2p**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu**: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** trả lời câu hỏi2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:**

Lập luận chặt chẽ, lời văn sinh động, độc đáo: lúc từ tốn, lúc mềm mỏng; lúc kiên quyết, lúc đanh thép; lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng.

**2. Ý nghĩa văn bản:**

Tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ và ý chí quật cường của Phan Châu Trinh: dũng cảm vạch trần thực trạng đen tối của xã hội đương thời, đề cao tư tưởng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

*Trả lời:*

1/ Văn bản trên có hai ý chính: Khái quát về tiểu sử tác giả, sự nghiệp sáng tác của *Phan Châu Trinh* và hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ bài diễn thuyết *Về luân lí xã hội ở nước ta* .

2/ Phương thức biểu đạt của văn bản trênlà thuyết minh.

3/ *Diễn thuyết* là hình thức giao tiếp với công chúng, thường được các nhà chính trị dùng để khẳng định, phổ biến một tư tưởng, một quan niệm, một đường lối chính trị, kinh tế, văn hoá nào đó. Người diễn thuyết có sức thuyết phục, diễn giả phải nắm chắc đối tượng người nghe, xác định chủ đề của bài nói rõ ràng, lập luận khúc chiết, ngôn ngữ có thể dung dị hay bóng bẩy nhưng không quá trừu tượng, khó hiểu. Đặc biệt, tâm huyết của người diễn thuyết phải được thể hiện rõ trong giọng điệu, nhịp điệu, ngữ điệu của bài nói. Như vậy, tài hùng biện phải đi đôi với sự sâu sắc của tư tưởng và sự nồng nhiệt của cảm xúc.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  *Phan Châu Trinh (1872 – 1926) tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã, người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kì (nay là thôn Tây Hồ, xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh), tỉnh Quảng Nam.Ông đỗ Phó bảng năm Tân Sửu ( 1901), làm quan một thời gian rồi từ quan, đi làm cách mạng. Phan Châu Trinh chủ trương cứu nước bằng cách lợi dụng thực dân Pháp, cải cách đổi mới mọi mặt ( duy tân ), làm cho dân giàu, nước mạnh, trên cơ sở đó tạo nên nền độc lập quốc gia. Tuy con đường ấy có phần ảo tưởng nhưng nhiệt huyết cứu nước của Phan Châu Trinh rất đáng khâm phục. Năm 1908, ông bị bắt và đày đi Côn Đảo. Ba năm sau, khi được trả tự do, Phan Châu Trinh sang Pháp tìm cách thúc đẩy cải cách chính trị ở Đông Dương nhưng công việc không thành. Năm 1925, ông về Sài Gòn, diễn thuyết được vài lần, sau đó ốm nặng rồi mất(...)*  *Phan Châu Trinh luôn có ý thức dùng văn chương để làm cách mạng. Những áng văn chính luận của ông đậm chất hùng biện, lập luận chặt chẽ, đanh thép; những bài thơ của ông dạt dào cảm xúc về đất nước, đồng bào ; tất cả đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước và tinh thần dân chủ.*  *Các tác phẩm chính: Đầu Pháp chính phủ thư* (1906), *Tỉnh quốc hồn ca I, II* (1907, 1922), *Tây Hồ thi tập* (1904 – 1914), *Xăng-tê thi tập* (1914 – 1915), *Giai nhân kì ngộ diễn ca* (1915),*Thất điều trần* (1922), *Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa* (1925), *Đạo đức và luân lí Đông Tây* (1925)...  Về luân lí xã hội ở nước ta *là một đoạn trích trong phần ba của bài* Đạo đức và luân lí Đông Tây*( gồm năm phần chính, kể cả nhập đề và kết luận), được Phan Châu Trinh diễn thuyết vào đêm 19-11-1925 tại nhà Hội Thanh niên ở Gài Gòn( nay là Thành phố Hồ Chí Minh) (...)*  *( Trích* Về luân lí xã hội ở nước ta, Tr 85, SGK Ngữ văn 11, Tập II, NXBGD 2007)  ***Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:***  1/ Văn bản trên có mấy ý chính ? Đó là những ý gì ?  2/ Phương thức biểu đạt của văn bản trênlà gì ?  3/ Văn bản *Về luân lí xã hội ở nước ta* được gọi là bài diễn thuyết. Anh( chị ) hiểu thế nào là *diễn thuyết ?* | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

-Nội dung: Từ chủ trương cứu nước có phần ảo tưởng nhưng nhiệt huyết cứu nước của Phan Châu Trinh đã được nêu trong văn bản, học sinh bày tỏ suy nghĩ về về mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh của Đảng ta hôm nay. Cụ thể : Giải thích mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là gì ? Ý nghĩa của mục tiêu đó ? Tuổi trẻ phải nhận thức và hành động cụ thể như thế nào để góp phần thực hiện mục tiêu đó ?

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*  trong cuộc sống hôm nay.  **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.** | - **HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

**c. Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học**  **+ Tìm đọc toàn bộ văn bản** | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 97 – TT tiết dạy theo kế hoạch**

**Đọc thêm:**

**TIẾNG MẸ ĐẺ- NGUỒN GIẢI PHÓNG CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC**

***(Nguyễn An Ninh)***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn An Ninh  + Hiểu được vai trò quan trọng của tiếng mẹ đẻ trong việc giữ vững chủ quyền và độc lập quốc gia. Đồng thời thấy được sự phê phán của tác giả trong việc sử dụng ngôn ngữ. | **Đ1** |
| **2** | + Đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại Việt Nam | **Đ2** |
| **3** | +Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn nghị luận của văn bản.. | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận Nguyễn An Ninh với các tác tác giả khác | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC** | | |
| **10** | Giáo dục ý thức giữ gìn, trân trọng ngôn ngữ mẹ đẻ.Từ đó, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và tôn trọng những tư tưởng tiến bộ. | **YN** |

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu**  **(STT của YCCĐ)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (7phút) | **Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm*.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản  Các câu hỏi hướng dẫn học bài trong sgk  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

**c. Sản phẩm:**

- Một bộ phận rất yêu tiếng Việt và có ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Một bộ phận chưa có ý thức: sử dụng nhiều tiếng lóng, lạm dụng tiếng nước ngoài, các kí tự ngôn ngữ khi nhắn tin,...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV giao nhiệm vụ**: Em có suy nghĩ gì về việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt của giới trẻ hiện nay?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Các em thân mến, tiếng Việt luôn luôn là niềm tự hào của người Việt. Trải qua bao bể dâu, tiếng Việt ngày càng phong phú và giầu có. Đề cao vai trò của tiếng Việt, nhà văn, nhà báo, nhà yêu nước tiến bộ Nguyễn An Ninh đẫ viết một áng văn chính luận đặc sắc: “Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức”. Đây là một tư tưởng mới mẻ và tiến bộ của tác giả trong hoàn cảnh hiện thời.  Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn tác giả Nguyễn An Ninh và áng văn chính luận đặc sắc đó. | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

***1. Tác giả: Nguyễn An Ninh (1899- 1943)***

- Nguyễn An Ninh là một người trí thức yêu nước tiến bộ, một [nhà văn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n), [nhà báo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_b%C3%A1o) [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hoạt động cách mạng đầu thế kỷ XX.

- Ông là người sáng lập tờ báo “Tiếng Chuông rè” và “Tranh đấu”

- Sáng tác:

+ Có nhiều bài diễn thuyết sôi động

+ Nhiều bài báo nổi tiếng

+ Soạn vở tuồng: Hai Bà Trưng

+ Dịch: “Khế ước xã hội của Ru – xô

- Văn phong khúc chiết, trong sáng có độ sâu về tư tưởng văn hóa và tràn đầy nhiệt huyết của nhà yêu nước.

***2. Tác phẩm***:

\* Xuất xứ: Xuất hiện trên báo “Tiếng chuông rè” tháng 12/1925 với bút danh Nguyễn Tịnh.

\* Giá trị của vb:

+ Tác phẩm là một trong những bài văn chính luận xuất sắc.

+ Tác phẩm giàu tính luận chiến

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Đọc kĩ văn bản và phần chú thích.  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  Trình bày những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm ?  **- GV nhận xét, chốt lại ý chính.**  GV đặt câu hỏi:  ? xuất xứ và giá trị văn bản của tác phẩm? | **- HS làm việc cá nhân.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.** |

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết đoạn trích theo bố cục 3 phần.

**c. Sản phẩm**

1/ **Câu 1:**

- Ông chống lại thói “Tây hoá” lố lăng của không ít người An Nam lúc bấy giờ làm tổn thương đến tiếng mẹ đẻ.

- Ông phê phán quan niệm sai lầm cho rằng tiếng nước mình nghèo nàn nhưng vẫn khuyến khích giới trí thức học tiếng nước ngoài.

**2/Câu 2:**  Ông đề cao sức mạnh của tiếng nói dân tộc. “Như là người bảo vệ nền độc lập của dân tộc”.

3/ **Câu 3:**

- Tác giả trực tiếp phê phán lời trách cứ này không có cơ sở nào cả d/c.

- Tác giả chỉ ra nguyên nhân: sự bất tài của con người. ( dẫn chứng)

4/ **Câu 4:** Việc biết thêm ngôn ngữ nước ngoài là sự cần thiết nhưng không kéo theo việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Việc học ngôn ngữ nước ngoài phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình

**5/Câu 5:** Trong hoàn cảnh nước nhà đang bị thực dân thống trị thì câu nói này không hoàn toàn đúng. Bởi vì nói như vậy là đặt tiếng nói lên một vị trí quá cao, tách rời khỏi nhiều yếu tố quan trọng khác trong sự kiện CM GPDT như đường lối CM, sức mạnh tự cường, vai trò lãnh đạo của Đảng CM…

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động***:* Theo em, ngôn ngữ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của một đất nước.  **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: Câu 1**  **Nhóm 2: Câu 2**  **Nhóm 3: Câu 3**  **Nhóm 4: Câu 4**  Câu 5: **HS trả lời cá nhân**  *-* **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức* | **HS làm việc cá nhân**  **HS sử dụng sgk**  **HS làm việc cá nhân 2p**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0,...)** |

**NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu***:* **Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật:** Luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, sử dụng ngôn ngữ chính luận sắc sảo.

***2. Ý nghĩa văn bản:***Từ mối tương quan giữa tiếng mẹ đẻ và nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức, bài viết đã thể hiện lập trường dân tộc và yêu nước của Nguyễn An Ninh. Ngày nay, tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4,Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

***Câu 1.*** Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn.*

***Câu 2.*** Thao tác lập luận bác bỏ/phản bác *hoặc* thao tác bác bỏ/phản bác

***Câu 3.*** Tác giả cho rằng:*“Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu”* vì nếu như thế “chúng ta” sẽ “hiểu được châu Âu”, “*có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu*” để “*giải phóng dân tộc An Nam*”.

**d. Các bước dạy học**

**- GV giao nhiệm vụ: (bên dưới)**

**- HS thực hiện nhiệm vụ:**

**- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

**- Nhận xét, chuẩn kiến thức.**

**NHIỆM VỤ:**

***Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi :***

(1)*Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?*

*(2)Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?*

*Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?*

*Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này:*

*“Điều gì người ta suy nghĩ kĩ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra”. […]*

*(3)Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu. Nhưng những kiến thức thu thập được, họ không được giữ cho riêng mình. Đồng bào của họ cũng phải được thông phần nữa. Tuy nhiên, sự cần thiết phải biết một ngôn ngữ châu Âu hoàn toàn không kéo theo chuyện từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Ngược lại, thứ tiếng nước ngoài mà mình học được phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình. […]*

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*

Theo SGK *Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)

***Câu 1.*** Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn (1).

***Câu 2.*** Thao tác lập luận chính nào được tác giả sử dụng trong đoạn ***Nhiều đồng bào chúng ta… những từ để nói ra”* *[…]***ở đoạn trích trên?

***Câu 3.*** Dựa vào đoạn trích, hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: *“Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu”*?

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Nêu được quan điểm, thái độ củangười viết đối với “*tiếng mẹ đẻ*” (đề cao, coi trọng tiếng mẹ đẻ; thể hiện lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phê phán những người từ bỏ tiếng mẹ đẻ với những lí do không thuyết phục; coi trọng việc học tiếng nước ngoài nhưng chỉ coi đó là cách để làm giàu cho tiếng mẹ đẻ).

Từ đó, rút ra một bài học có ý nghĩa đối với bản thân về việc sử dụng tiếng Việt hoặc học tiếng nước ngoài.Câu trả lời phải chặt chẽ, có liên quan đến nội dung của văn bản, có tính thuyết phục cao.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Từ quan điểm, thái độ củangười viết đối với “tiếng mẹ đẻ” trong đoạn trích trên, hãy rút ra một bài học mà anh/chị cho là có ý nghĩa đối với bản thân về việc sử dụng tiếng Việt hoặc học tiếng nước ngoài. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng.  **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

**c. Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ bản đồ tư duy bài học  + Sưu tầm một số bài viết, bài thơ viết về vai trò của tiếng Việt. So sáng với quan điểm của Nguyễn An Ninh về tiếng Việt | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 98 - 99– TT tiết dạy theo kế hoạch điều chỉnh:**

**MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA**

***(Hoài Thanh)***

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Hoài Thanh  + Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về tinh thần thơ mới trong ý nghĩa văn chương và xã hội. | **Đ1** |
| **2** | + Đọc hiểu văn bản phê bình văn học Việt Nam | **Đ2** |
| **3** | +Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn bản phê bình văn học Việt Nam của Hoài Thanh | **Đ3** |
| **4** | + Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản gửi gắm. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của văn bản phê bình văn học của Hoài Thanh với các tác tác giả khác | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Một thời đại trong thi ca* và các tác phẩm khác của Hoài Thanh. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức gìn giữ và đánh giá đúng mực những giá trị mới của thơ ca dân tộc. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10phút) | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm*.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I.Tìm hiểu chung.  1. Tác giả  2. Tác phẩm  II. Đọc hiểu văn bản.  1. Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới  2. Tinh thần thơ mới: chữ tôi  3. Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó.  III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

**c. Sản phẩm:**

**   **

**Hàn Mặc Tử Xuân Diệu Huy Cận Nguyễn Bính**

**(Mùa xuân chín) (Đây mùa thu tới)(Đoàn thuyền đánh cá) (Tương tư)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ:**  \* HS:  + Nhìn hình đoán các tác giả *tiêu biểu trong phong trào thơ Mới*  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả.  GV nhận xét, chốt kiến thức.  =>Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:*  *“Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn và yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại” (Từ Sơn). Và cũng đúng như lời thơ bất hủ của Nguyễn Du: “Sống là thể phách, thác là tinh anh”, với Hoài Thanh, cái tinh anh mà ông để lại cho đời chính là những tác phẩm phê bình văn học tài hoa và tinh tế, mà đỉnh cao là cuốn “Thi nhân Việt Nam”. Đoạn trích “Một thời đại trong thi ca” là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm :**

**I. TÌM HIỂU CHUNG:**

**1.Tác giả:**

- Xuất thân trong gia đình nhà nho nghèo, sớm tham gia phong trào yêu nước. Viết văn từ những năm mới ngoài 20 tuổi. Hoạt động chủ yếu trong ngành văn hoá nghệ thuật: là nhà văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.

- Tác phẩm nổi tiếng nhất là “Thi nhân Việt Nam”. Ông được tặng giải thưởng HCM.

**2. Một thời đại trong thi ca:**

- Văn bản nghị luận về 1 vấn đề văn học

- Là bài tiểu luận đặt ở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*

- Nội dung: tổng kết 1 cách sâu sắc về phong trào Thơ mới

**3. Đoạn trích:**

**a.Xuất xứ và vị trí**

- Tiểu luận mở đầu Thi nhân Việt Nam

=> Sự khám phá và đánh giá đầu tiên; là công trình tổng kết có giá trị về phong trào thơ mới.

**b. Bố cục** : 3 phần

- Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới

- Tinh thần thơ mới: chữ tôi

- Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** Đọc kĩ Tiểu dẫn và tài liệu tham khảo về tác giả Hoài Thanh.  **Trong hoạt động**:\*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :  Trình bày những hiểu biết của em về tác giả ?  **- GV nhận xét, chốt lại ý chính.**  GV đặt câu hỏi:  ? Tác phẩm thuộc thể loại gì ? Những hiểu biết của em về tác phẩm trên ?  ? Xuất xứ và vị trí đoạn trích?  ? Bố cục đoạn trích ?  **GV cho HS đọc đoạn trích, hướng dẫn cách đọc** | **- HS làm việc cá nhân.**  **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**  **- HS suy nghĩ và trả lời**  **HS sử dụng sgk.**  **HS đọc đoạn trích.** |

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm:**

**1. Cách nhận diện “tinh thần thơ mới” của tác giả:**

- Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới là ranh giới giữa thơ cũ và thơ mới không phải rạch ròi dễ nhận ra.

- Cách nhận diện:

+ Không thể căn cứ vào những bài thơ dở, thời nào chả có mà phải so sánh bài hay với bài hay.

+ Vả chăng cái mới và cái cũ vẫn tiếp nối qua lại cho nên phải so sánh trên đại thể.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động***:*  + Yêu cầu HS đọc kĩ lại văn bản  + Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang.  **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1, 2**: Em hiểu tinh thần thơ mới là gì? Có cách nói nào khác không? Để giải quyết nó, người viết gặp khó khăn gì và cách khắc phục của ông ra sao? Nhận xét cách vào đề của tác giả.  **Nhóm 3, 4**: Làm thế nào để nhân diện chuẩn xác? Làm thế nào để nhận diên tinh thần thơ mới?  **GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**  *-* **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức* | **HS làm việc cá nhân**  **HS sử dụng sgk**  **HS làm việc cá nhân 2p**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a. Mục tiêu: Đ4,Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**

Câu 1: Tác phẩm phê bình văn học được đánh giá là xuất sắc nhất của Hoài Thanh

a. Văn chương và hành động **b. Thi nhân Việt Nam**

c. Có một nền văn hóa Việt Nam d. Nói chuyện thơ kháng chiến.

Câu 2: Bài tiểu luận “Một thời đại trong thi ca” nằm ở phần nào trong tác phẩm?

a. Phần giới thiệu **b. Phần đầu**

c. Phần thứ hai d. Phần thứ ba

**d. Các bước dạy học**

**d. Các bước dạy học**

Gv chiếu lên slide 2 câu hỏi trắc nghiệm. Gv đọc lần lượt các câu hỏi. Trong 10 giây, HS nào trả lời nhanh đầu tiên sẽ nhận được quà.

**TIẾT 2:**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN**

**Mục 2, 3**:**Điều cối lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn VN lúc bấy giờ**; **Bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch.**

**a. Mục tiêu: Đ2,Đ3, Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**Thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu vấn đề.

**c. Sản phẩm:**

**2. Điều cối lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn VN lúc bấy giờ**

- Tinh thần thơ mới là chữ “Tôi”.

+ Cái khác ở chữ “Tôi” và chữ “Ta” . Ngày trước là thời chữ “Ta”, bây giờ là thời chữ “Tôi”.

+ Chữ “Tôi” trước đây nếu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ “Ta”. Chữ “Tôi” bây giờ là chữ “tôi” theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.

**3. Bi kịch của “cái tôi” trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch**

- “Cái tôi” bây giờ đáng thương và tội nghiệp ở chỗ nó không còn cái cốt cách hiện ngang ngày trước: ( dẫn chứng). Thơ mới đang diễn ngấm ngầm dưới những phù hiệu dễ dãi trong hồn người thanh niên.

- Họ giải quyết bi kịch bằng cách giữ cả vào Tiếng Việt là vong hồn các thế hệ đã qua. d/c trang. 103.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **- Trước hoạt động***:*  + Yêu cầu HS đọc kĩ lại văn bản đoạn 2, 3.  + Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang.  **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1, 2**: ở đoạn tiếp theo, theo tác giả, tinh thần của Thơ mới là gì? Nhận xét cách diễn đạt của tác giả.Em hiểu thời đại chữ tôi và thời đại chữ ta như thế nào?  **Nhóm 3, 4**: đoạn văn “*Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận”,* khái quát vấn đề gì và khái quát như thế nào? Ấn tượng và cảm xúc của em khi đọc đoạn văn đó? Vì sao lại như vậy?  **GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**  *-* **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức* | **HS làm việc cá nhân**  **HS sử dụng sgk**  **HS làm việc cá nhân 2p**  **- HS thảo luận theo nhóm 5p**  **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**  **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**  **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** |

**NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT**

**NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ**

**b.** **Nội dung hoạt động:** 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

**c. Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật nghị luận**:

- Tính khoa học:

+ Cách lập luận chặt chẽ, từ khái quát đến cụ thể, từ xa đến nay, từ xa đến gần. Điều này đã được phản ánh tư duy khoa học, sự am hiểu thấu đáo đối tượng phân tích của tác giả.

+ Luôn gắn những nhận định khái quát với luận cứ cụ thể, đa dạng, có sức thuyết phục; có sự so sánh giữa thơ mới với thơ cũ;

- Tính nghệ thuật: cách dẫn dắt ý theo mạch cảm xúc tinh tế, uyển chuyển và bằng ngôn ngữ hình ảnh, nhịp điệu.

**2. Ý nghĩa văn bản:**

Nhận thức tinh tế, sâu sắc về tinh thần thơ mới, động lực thúc đẩy sự phát triển của thi ca Việt Nam hiện đại.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** |
| **Trước hoạt động:** GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | - HS đọc lại bài vừa học  **HS sử dụng sgk**  **- HS làm việc cá nhân**  **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

1.  Đoạn văn đựợc trích từ bài *Một thời đại trong thi ca*, là bài tổng luận cuốn Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân, được viết năm 1942.

2.  Đoạn văn đề cập đến cái tôi cá nhân - một nhân tố quan trọng trong tư tưởng và nội dung của thơ mới (1932 - 1945), đồng thời, nêu ngắn gọn những biểu hiện của cái tôi cá nhân ở một số nhà thơ tiêu biểu.

Tác giả đã có cách diễn đạt khá đặc sắc, thể hiện ở:

-   Cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh (mất bề rộng, tìm bề sâu, càng đi sâu càng lạnh, phiêu lưu trong trường tình, động tiên đã khép, ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta...).

-   Câu văn ngắn dài linh hoạt, nhịp nhàng, thể hiện cảm xúc của người viết. Hình thức điệp cú pháp thể hiện ở một loạt vế câu (ta thoát lên tiên... ta phiêu lưu trong trường tình... ta điên cuồng... ta đắm say...) tạo nên ấn tượng mạnh ở người đọc.

-   Nghệ thuật hô ứng: ta thoát lên tiên - động tiên đã khép; ta phiêu lưu trong trường tình - tình yêu không bền; ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử- điên cuồng rồi tỉnh; ta đắm say cùng Xuân Diệu - say đắm vẫn bơ vơ. Nghệ thuật hô ứng làm cho các ý quấn bện vào nhau rất chặt chẽ.

3.  Bề rộng mà tác giả nói đến ở đây là cái ta. Nói đến cái ta là nói đến đoàn thể, cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Thế giới của cái ta hết sức rộng lớn.

Bề sâu là cái tôi cá nhân. Thế giới của cái tôi là thế giới riêng tư, nhỏ hẹp, sâu kín. Thơ mới từ bỏ cái ta, đi vào cái tôi cá nhân bằng nhiều cách khác nhau.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **-GV giao nhiệm vụ:**  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:  *Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu.Nhưng động tiên đa khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.*  1.   Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả của văn bản đó là ai? Viết trong thời gian nào?  2.   Đoạn văn nói về vấn đề gì? Cách diễn đạt của tác giả có gì đặc sắc?  3.   Anh (chị) hiểu như thế nào về *bề rộng* và *bề sâu* mà tác giả nói đến ở đây? | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**:  **Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Nội dung của đoạn văn trên giúp ta có cơ sở để đọc - hiểu một số bài thơ thuộc phong trào Thơ mới (1932 - 1945) trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông. Trước hết, đoạn văn nhắc ta một điều quan trọng: Thơ mới là tiếng nói trữ tình của cái tôi cá nhân. Cũng qua đoạn văn trên, ta sẽ hiểu biết hơn về nét nổi bật của một số nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Nội dung của đoạn văn giúp gì cho anh (chị) trong việc đọc - hiểu các bài thơ mới trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông?  **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

**c. Sản phẩm:**

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Tìm đọc toàn bộ bài tác phẩm phê bình thơ Mới. Viết cảm nhận về thơ Mới. | **-HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tuần sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11.-

- Thiết kế bài giảng 11 .

- Cuốn *Thi nhân Việt Nam (Hoài Thanh).*

- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 100 - 101 – TT tiết dạy theo kế hoạch**

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận | Đ2 |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến phong cách ngôn ngữ chính luận | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện phân tích văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận | **Đ4** |
| **5** | Biết bảo vệ quan điểm chính trị của bản thân | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bác bỏ | **N1** |
| **7** | Vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích và xây dựng văn bản chính luận. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức viết văn bản đúng phong cách. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(10 phút)** | **Kết nối -Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến phong cách ngôn ngữ chính luận | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận  II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng phong cách ngôn ngữ chính luận | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về phong cách ngôn ngữ chính luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (cả 2 tiết)**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

**c. Sản phẩm:**

Đó là sự kiện lịch sử kiên quan đến kỉ niệm 70 năm ngày toàn quốc kháng chiến ( 19-12-1946\_19-12-2016)

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| **- GV giao nhiệm vụ:** Văn bản sau đây viết về sự kiện chính trị gì?  *Thắng lợi của quân và dân trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến mà tiêu biểu là Thủ đô Hà Nội là sự cổ vũ rất lớn để quân và dân ta liên tiếp đánh thắng thực dân Pháp làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng và ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.*  (Nguồn <http://dantri.com.vn/chinh-tri/thu-do-70-nam-truoc-moi-ngoi-nha-la-mot-phao-dai-20161210144308322.htm>, ngày 10-12-2016)  => Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong những ngày cuối năm 2016, cả nước chúng ta hướng về kỉ niệm 70 năm ngày toàn quốc kháng chiến ( 19-12-1946\_19-12-2016). Đây là một sự kiện chính trị quan trọng, giáo dục truyền thống tự hào dân tộc, uống ngước nhớ nguồn. Đoạn văn trên được thể hiện bằng phong cách ngôn ngữ chính luận. Vậy phong cách này có những đặc trưng gì? | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** thảo luận nhóm, dùng kĩ thuật tư duy, động não để tìm hiểu ngữ liệu và rút ra nhận xét.

**c. Sản phẩm**

**1/ Tìm hiểu văn bản chính luận:**

**a.Văn bản chính luận:**

*-Thời xưa:*Hịch, cáo, chiếu, biểu...

*- Hiện đại:* Cương lĩnh, tuyên bố, tuyên ngôn, báo cáo, tham luận...

**b. Tìm hiểu ngữ liệu (SGK)**

***\* Đoạn trích:*** *Tuyên ngôn độc lập*

-Tuyên ngôn, tuyên bố … nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia nhân dịp một sự kiện trọng đại

***\* Đoạn trích:*** Cao trào chống Nhật cứu nước

- Trích đoạn mở đầu trong tác phẩm chính luận CMDTDCND Việt Nam, tập I của đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

***\* Đoạn trích:*** Việt Nam đi tới 🡪Xã luận 🡪trên báo

**2/Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận:**

**a. Văn bản chính luận:**

- Ngôn ngữ chính luận còn được dùng trong các tài liệu chính trị khác, trong những tác phẩm lí luận có quy mô khá lớn: SGK.

- Ngôn ngữ chính luận tồn tại ở dạng viết mà cả ở dạng nói.

- Mục đích: Trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá một sự kiện, một vấn đề chính trị, một chính sách, chủ trương về văn hoá xã hội theo một quan điểm chính trị nhất định.

**b. Phân biệt giữa nghị luận và chính luận:**

- Nghị luận: Dùng để chỉ một loại thao tác tư duy; Một loại văn bản một kiểu làm văn trong nhà trường.

**- Chính luận**: Chỉ một phong cách ngôn ngữ văn bản nhằm trình bày những quan điểm chính trị của quốc gia, đoàn thể, quan điểm chính trị…

**c. Ngôn ngữ chính luận:**

-*Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các hội nghị hội thảo…nhằm trình bày bình luận đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã* *hội, văn hoá… theo một quan điểm chính trị nhất định.*

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :** Em đã gặp tình huống nào sử dụng thao tác lập luận bình luận trong đời sống ? Hãy lấy một ví dụ cụ thể ?  **Trong hoạt động : HS thảo luận theo nhóm :( 3nhóm )**  **Nhóm 1**: a. Tuyên ngôn độc lập  - Thể loại của văn bản?  - Mục đích viết văn bản?  - Văn chính luận  **Nhóm 2:** b. Cao trào chống Nhật  - Thể loại?  -Mục đích?  -Thái độ? Quan điểm của người viết?  ***Nhóm 3:*** *c. Việt Nam đi tới*  - Thể loại?  - Mục đích?  - Thái độ người viết?  - Làm việc cá nhân: Em có nhận xét chung gì về 3 văn bản vừa khảo sát?  Hoàn thành bảng phân biệt giữa nghị luận và chính luận   |  |  | | --- | --- | | Nghị luận | Chính luận | |  |  |     **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  **- HS làm việc theo nhóm trong 5p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung:** 2 câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:**

**BT1: đã chữa ở trên.**

**BT2: Vì:**

- Dùng nhiều từ ngữ chính trí.

- Câu văn mạch lạc, chặt chẽ, tuy có thể dùng câu dài (câu thứ 3 ở ví dụ trong SGK)

- Thể hiện rõ quan điểm chính trị về lòng yêu nước, đánh giá cao lòng yêu nước của nhân dân ta.

- Đoạn văn có sức hấp dẫn và truyền cảm: nhờ lập luận chặt chế, nhờ những hình ảnh so sánh cụ thể, sát hợp.

**BT3:**

- *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ:

+ Tình thế nào buộc chúng ta phải chiến đấu?

“Chúng ta.. đứng lên”.

Bác sử dụng lớp từ chính trị: *hoà bình, cướp nước, hi sinh, mất nước, nô lệ.* Sử dụng lớp từ này thể hiện rõ lập trường quan điểm của người viết chỉ rõ âm mưu, dã tâm của thực dân Pháp. Đặc biệt từ ngữ được lặp lại: chúng ta, nhân nhượng thể hiện thiện chí hoà bình. Hai từ “càng” đặt trong mối quan hệ làm rõ thiện chí của nước ta. Vậy một bên kẻ thù lấn tới, một bên là quyết tâm của dân tộc ta. Tình thế ấy buộc chúng ta phải chiến đấu.

+ Chúng ta chiến đầu bằng vũ khí gì?

“Bất kì đàn ông… giữ gìn đất nước”

Các từ ngữ: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc khẳng định chúng ta đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay. Đó là sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân.

+ Niềm tin chiến thắng như thế nào?

“Dù phải gian lao kháng chiến… muôn năm”

Những từ nhất định thắng lợi, độc lập, thống nhất đã khẳng định niềm tin của dân tộc chúng ta.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** |
| **GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1, 2: Bài tập 2**  **Nhóm 3, 4: Bài tập 3**  **GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.** | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**TIẾT 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ 2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết các nội dung của bài học.

**c. Sản phẩm**

**II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DIỄN ĐẠT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:**

**1. Các phương tiện diễn đạt:**

**a. Về từ ngữ:**

- Văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị: độc lập, đồng bào, dân chủ…

**b. Về ngữ pháp:**

- Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu chuẩn mực gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lí luận chặt chẽ.

VD: SGK.

- Câu phức thường dùng những từ ngữ liên kết như: Do vậy, bởi thế, cho nên… Cho lí luận được chặt chẽ.

**c. Về biện pháp tu từ:**

- Sử dụng rộng rãi các biện pháp tu từ.

- Ngôn ngữ chính luận sử dụng các biện pháp tu từ đúng chỗ. Làm cho bài viết sinh động dễ hiểu, khắc sâu ấn tượng.

**2. Đặc trưng của ngôn ngữ chính luận:**

**a. Tính công khai về quan điểm**

- Ngôn ngữ chính luận không chỉ thông tin một cách khách quan mà phải thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ chính trị của người viết (người nói) một cách công khai dứt khoát, không che dấu, úp mở.

- Từ ngữ phải được cân nhắc kỉ càng, đặt biệt những từ thể hiện lập trường, quan điểm chính trị.

**b. Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:**

Hệ thống luận điểm chặt chẽ, từng ý, từng câu, từng đoạn được phối hợp với nhau một cách hài hoà, mạch lạc.

**c. Tính truyền cảm, thuyết phục:**

- Giọng văn hùng hồn tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

- Đối với ngưới nói (diễn thuyết, tranh luận) thì nghệ thuật hùng biện là điều quan trọng để truyền cảm, thuyết phục trong đó ngữ điệu, giọng nói được coi là phương tiện cần thiết để hổ trợ cho lí lẽ, ngôn từ.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trước hoạt động :** Đặc điểm của văn bản chính luận, ngôn ngữ chính luận ?  **Trong hoạt động :** HS thảo luận theo nhóm bàn:  a./ Về mặt từ ngữ văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ như thế nào?  b/Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu như thế nào ?  c/Việc sử dụng cá biện pháp tu từ trong phong cách ngôn ngữ chính luận ra sao ?  HS đọc văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và phân tích việc dùng từ ngữ, cách kết cấu giản dị, dễ hiểu của tác giả. Lần lượt phân tích theo 3 phần của bài để trả lời các câu hỏi gợi ý của GV.  -Sau khi HS phát biểu, GV sửa chữa , nhận xét bổ sung hoàn chỉnh kiến thức.  -GV: Nêu những đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.  - Tính công khai thể hiện như thế nào ?  - Khi lựa chọn từ ngữ cần lưu ý điều gì ?  -GV: Em cho biết ngôn ngữ chính luận có những đặc trưng gì ?  -HS đọc lại VB (T1) và trả lời theo câu hỏi của GV  HS phát biểu cá nhân theo sgk  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ | HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**  **- HS làm việc theo nhóm bàn trong 5p**  **- Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo**  **HS làm việc cá nhân** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

**Bài tập 1:**  Các phép tu từ.

- Điệp ngữ kết hợp điệp cú: Ai có ... dùng ...

- Liệt kê: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc.

- Ngắt đoan câu (phối hợp với các phép tu từ trên) để tạo giọng văn dứt khoát, mạnh mẽ.

**Bài tập 2**: Có thể nêu một số ý:

- Luận cứ: Ở thời điểm nào thì thanh niên cũng gánh vác nhiệm vụ quan trọng của đất nước, là trụ cột, là người chủ tương lai của đất nước.

- Các luận chứng:

+ Thế hệ thanh niên trong CMT8

+ Thế hệ thanh niên trong kháng chiến chống Pháp và Mĩ.

+ Thế hệ thanh niên trong công cuộc xây dựng CNXH, hội nhập với thế giới.

- Kết luận: Thanh niên phải học tập để xây dựng đất nước.

**Bài tập 3:**

**\***. Lòng yêu nước có thể giáo dục từ truyền thống nhưng một phần khác bắt nguồn từ những tình cảm thiết thực”Nhỏ bé” của mỗi người.: Yêu người thân: cha, mẹ, ông, bà; Yêu làng quê và những kỉ niệm thời thơ ấu.

**\***.Tình cảm cụ thể và nhỏ bé nhưng sâu sắc, thiết tha, lòng yêu nước trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng và có ý thức thường trực trong mỗi con người.

**\***. Yêu nước là phải bảo vệ xây dựng đất nước

**Bài tập bổ trợ:**

1/Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

         2/ Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên là điệp ( lặp) cấu trúc câu ( Bài học về...). Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó: nhấn mạnh những bài học quý giá được rút ra từ chiến thắng Điện Biên Phủ.

        3/ Cụm từ "...một mốc son chói lọi trong lịch sử" có ý nghĩa ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc và thế giới, mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam.

        4/ Đặt tiêu đề cho văn bản trên ( ví dụ: Bài học lịch sử từ chiến thắng Điện Biên)

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** |
| **GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1: Bài tập 1**  **Nhóm 2: Bài tập 2**  **Nhóm 3: Bài tập 3**  **Nhóm 4: Bài tập bổ trợ:**  Đọc văn bản sau:  *"Thời gian đã lùi xa, nhưng Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều 0bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.*  *Đó là bài học về tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa chống giặc ngoại xâm, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù cho chúng có mạnh tới đâu.*  *Bài học về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.*  *Bài học về phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và sáng tạo, tìm tòi, xác định đúng đường lối cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.*  *Bài học về xây dựng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.*  *Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. "*  *(Trích Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Lễ Mít tinh, diễu binh, diễu hành kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2014).*           1/Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?           2/ Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?          3/ Cụm từ "...một mốc son chói lọi trong lịch sử" nói lên điều gì?          4/ Đặt tiêu đề cho văn bản trên.  **GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.** | - HS thảo luận nhóm trong 5p  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** **HS vận dụng đặc trưng phong chách ngôn ngữ chính luận để viết đoạn văn cho phù hợp.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết một đoạn văn ( khoảng 200 từ) kêu gọi các bạn học sinh trong trường ủng hộ giúp đỡ đồng bào miền Trung bị lũ lụt năm 2016. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HĐ 5.** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học**    **(NL tự học)** | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP**

**Tiết 102 - 103: : TT tiết dạy theo KHDH**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức về tiếng Việt đã học. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu văn bản liên quan đến tiếng Việt | Đ2 |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến tiếng Việt | **Đ3** |
| **4** | Nắm bắt được các kiến thức về hoạt động giao tiếp, phong cách ngôn ngữ văn bản | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của Tiếng Việt với loại hình ngôn ngữ khác; | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về vẻ đẹp của tiếng Việt. | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Ý thức về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(10 phút)** | **Kết nối -Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tiếng Việt. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | Các câu hỏi và bài tập sgk | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về tiếng Việt | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 9 từ hàng ngang và 1 từ chìa khóa.

c. **Sản phẩm**

**Câu 1:** Xuân Diệu, Huy Cận là những nhà thơ tiêu biểu cho phong trào **Thơ mới**

**Câu 2:** Phong cách ngôn ngữ **chính luận** thể hiện quan điểm chính trị của người viết.

**Câu 3:** Văn học Việt Nam gồm 2 bộ phận: văn học dân gian và **văn học viết**

**Câu 4: Ngữ cảnh** là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói. đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội được nội dung, ý nghĩa của lời nói.

**Câu 5: Nghĩa tình thái**  là nghĩa thể hiện thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe

**Câu 6: Vội vàng** thê hiện quan niệm về thời gian của Xuân Diệu.

**Câu 7:** Mộdịch ra tiếng Việt là ***Chiều tối***

**=> Từ chìa khóa: TIẾNG VIỆT**

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt để tạo không khi sôi động cho HS.  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy, Tiếng Việt là một trong 3 phân môn quan trọng trong quá trình đọc hiểu văn bản. Hôm nay, chúng ta sẽ tổng kết lại toàn bộ nội dung phần TV đã học ở Ngữ văn 11.* | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: trả lời tìm ra đáp số ô chữ thích hợp do GV gợi ý. |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung bài học:** gồm các nội dung: ôn tập bài *Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân; Ngữ cảnh; Phong cách ngôn ngữ báo chí*

**c. Sản phẩm**

***a/Ngôn ngữ là tài sản chung của XH***:

-Bao gồm những yếu tố chung cho mọi thành viên trong XH như: âm vị, tiếng, từ, cụm từ cố định.

-Những quy tắc NP chung cho mọi người cần tuân theo như: tổ chức câu, trật tự từ, dấu câu,...

-Ngôn ngữ là sản phẩm chung của hoạt động giao tiếp xã hội.

***b/Lời nói cá nhân***:

-Sự vận dụng các yếu tố chung để tạo thành lời nói cụ thể.

-Vận dụng linh hoạt các quy tắc ngữ pháp.

-Mang dấu ấn cá nhân về nhiều phương diện như: trình độ, hoàn cảnh sống, sở thích cá nhân,...

**Câu 2**: -Bài thơ gồm 56 tiếng, đều là ngôn ngữ chung

-Sự vận dụng sáng tạo của Tú Xương:

+ “Lặn lội thân cò” lấy từ ngôn ngữ chung, nhưng đã đảo trật tự từ

+ “Eo sèo mặt nước” (tương tự)

+ “Năm nắng mười mưa” (vận dụng thành ngữ)

Tất cả: thể hiện sự chịu thương, chịu khó, tần tảo đảm đang của bà Tú.

**Câu 3:** (Đáp án :B)

**Câu 4:**

- Bối cảnh rộng: hoàn cảnh đất nước bị xâm lược

- Bối cảnh hẹp: Nghĩa sĩ nông dân tự vũ trang tập kích giặc ở đồn Cần Giuộc. Trong cuộc chiến đấu không cân sức ấy: 21 nghĩa sĩ đã hi sinh🡪 bài văn tế ra đời trong bối cảnh chung và cụ thể đó.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học : Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân ; Ngữ cảnh.  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1, 2**: Câu 1, 2  **Nhóm 3, 4:** Câu 3, 4  **Lưu ý : Câu 1, 3 cho thêm ví dụ minh họa.**  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**TIẾT 2:**

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

**Câu 5:**

a/**Nghĩa sự việc**: nghĩa tương ứng với sự việc được đề cập đến trong câu

- Sự việc có thể là hành động, trạng thái, quá trình, tư thế, sự tồn tại, quan hệ

- Do CN, VN, trạng ngữ, khởi ngữ, thành phần phụ khác của câu biểu hiện

**b/Nghĩa tình thái**: thái độ, sự đánh giá của người nói 🡪 sự việc ; người nghe.

- Biểu hiện qua các từ ngữ tình thái.

**Câu 6 :**“Dễ họ không phải đi gọi đâu”

Nghĩa sự việc là: câu biểu hiện hành động

Nghĩa tình thái là: phỏng đoán sự việc

**Câu 7:**

1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp

2. Từ không biến đổi hình thái

3. Ý nghĩa ngữ pháp : ở chỗ sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và cách dùng hư từ

**Ví dụ minh hoạ**

1. “Thôn/ Đoài/ ngồi/ nhớ/ thôn /Đông”

2. “Con ngựa đá con ngựa đá”

3. ở đây cấm không được câu cá; ở đây được câu cá không cấm;

**Câu 8:**

**PCNN Báo chí :**

\****Các phương tiện diễn đạt:***

+Từ vựng (phong phú) cho từng loại

+Ngữ pháp: câu đa dạng, ngắn gọn

+Biện pháp tu từ: không hạn chế

***\* Đặc trưng cơ bản:***

+Tính thông tin, thời sự

+Tính ngắn gọn

+Tính sinh động hấp dẫn

**PCNN Chính luận**

***\*Các phương tiện diễn đạt:***

+Từ ngữ chung, lớp từ chính trị

+NP: câu chuẩn mực

+Biện pháp tu từ: sử dụng nhiều

\* ***Đặc trưng cơ bản:***

+Tính công khai về quan điểm chính trị

+Tính chặt chẽ trong diễn đạt suy luận

+Tính truyền cảm, thuyết phục.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học : Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân ; Ngữ cảnh.  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1:** Câu 5  **Nhóm 2:** Câu 6  **Nhóm 3:** Câu 7  **Nhóm 4:** Câu 8  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** *ríu rít* gợi ra cảm giác đông vui, nhộn nhip; *sừng sững* gợi ra vóc dáng về chiều cao bề thế của sự vật; *lóng lánh, lung linh* gợi ra vẻ đẹp huyền ảo của sự vật.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Thống kê các từ láy trong đoạn văn sau và cho biết giá trị biểu cảm của các từ láy ấy. Viết đoạn văn có sử dụng từ láy mang giá trị biểu cảm.  *Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ: hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sâu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyên, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng tượng được. Ngày hội mùa xuân đấy. (Vũ Tú Nam)* | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+** Lập bảng thống kê toàn bộ nội dung phần tiếng Việt đã học ở lớp 11  **+** Tìm thêm các ngữ liệu liên quan đến các bài tiếng Việt đã học  + Vận dụng tích hợp phần tiếng Việt làm bài tập Đọc hiểu văn bản | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Phong cách học tiếng Việt.

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI**

**Tiết 104- 105 – TT tiết dạy theo kế hoạch điều chỉnh:**

**MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC: KỊCH, NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nắm được một số đặc điểm về thể loại Kịch: xung đột, hành động, ngôn ngữ kịch, một số đặc điểm của văn nghị luận | **Đ1** |
| **2** | Thu thập thông tin liên quan đến thể loại kịch, nghị luận. | **Đ2** |
| **3** | Đọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại kịch, nghị luận; | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện được thể loại kịch, nghị luận trong các tác phẩm văn học | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm sự khác nhau giữa thể loại kịch, nghị luận; | **Đ5** |
| **6** | Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thể loại kịch, nghị luận; | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thể loại kịch, nghị luận. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức đọc hiểu- cảm thụ đúng đặc trưng của thể loại. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  (10phút) | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm*.* | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Tìm hiểu về kịch  1. Khái niệm  2. Yêu cầu về đọc kịch bản  II. Tìm hiểu về văn nghị luận  1. Khái niệm  2. Yêu cầu đọc văn nghị luận | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (10 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não  . | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các thể loại kịch, nghị luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ5, V1** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức. | Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1:**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (CHO CẢ 2 TIẾT)**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm**

- Kịch: Tình yêu và thù hận, Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài

- Văn nghị luận: Về luân lí xã hội ở nước ta, Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng dân tộc bị áp bức, Một thời đại trong thi ca

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Kể tên tác phẩm kịch, văn nghị luận đã học ở chương trình Ngữ Văn 11?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Mỗi tác phẩm văn học bao giờ cũng được xếp vào một thể loại nhất định. Tìm hiểu thể loại sẽ giúp ta hiểu rõ hơn đặc điểm hình thức tổ chức của tác phẩm. Ở HKI, chúng ta đã tìm hiểu Truyện và Thơ.Hôm nay, chúng ta hãy tìm hiểu hai thể loại nữa, đó là Kịch và nghị luận;* | **- HS thực hiện nhiệm vụ.**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU VỀ KỊCH**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVD**

**b. Nội dung hoạt động:** gồm 2 nội dung: Khái lược về kịch và yêu cầu về đọc kịch bản văn học.

**c. Sản phẩm**

**I/Kịch:**

**1. Khái niệm**:

**a/Khái niệm: (SGK)**

**b/Đặc trưng của nghệ thuật kịch**:

-Xung đột và cách giải quyết xung đột kịch:

+Đối tượng mô tả của kịch là những xung đột trong đời sống; ở đó, những vấn đề thuộc bản chất của hiện thực được dồn nén, quy tụ , nổi bật

+Xung đột kịch được giải quyết , cụ thể hoá bằng hành động kịch 🡪được thực hiện bởi các nhân vật kịch.

- Nhân vật kịch bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình qua ngôn ngữ kịch (lời thoại).Có 3 loại : đối thoại; độc thoại và bàng thoại .

-Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và tính khẩu ngữ cao.

**c/.Phân loại:**

- Xét theo nội dung và ý nghĩa của xung đột 🡪 : bi kịch, hài kịch, chính kịch.

-Xét theo hình thức ngôn ngữ:🡪kịch thơ, kịch nói, ca kịch

**2.Yêu cầu về đọc kịch bản văn học: 4 bước**

- Đọc kĩ lời giới thiệu, tiểu dẫn🡪 hiểu tg, tp, thời đại và vị trí đoạn trích.

- Tập trung vào lời thoại 🡪xác định mối quan hệ, hiểu đặc điểm, tính cánh nhân vật

- Phân tích hành động kịch🡪 xác định xung đột, phân tích diễn biến, kết quả các xung đột

- Từ xung đột và nhân vật🡪 xác định Chủ đề tư tưởng

+ Ý nghĩa xã hội.(xung đột là cơ sở của kịch)

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động : Đọc sgk mục I.**  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1, 2**: Khái lược về kịch  -Nội dung kịch bắt nguồn từ đâu?  -Sự thât cuộc sống - con người trong kịch có gì đặc biệt?  -Hành động kịch có đặc điểm gì? Ví dụ.  -Nhân vât kịch có đặc điểm gì? Ví dụ.  -Ngôn ngữ kịch có mấy loại? Ví dụ.  -Nhìn chung, ngôn ngữ kịch phải đảm bảo những yêu cầu gì? Ví dụ.  -Những từ, câu, đoạn in chữ nghiêng, hoặc trong dấu (...) nhằm mục đích gì?  **Nhóm 3, 4:** yêu cầu đọc kịch bản kịch  - Nêu những yêu cầu cơ bản khi đọc kịch bản văn học?  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1**

**a. Mục tiêu:** HS nhớ và hiểu nội dung kiến thức đã học để giải quyết bài tập

**b. Nội dung:** 1 câu hỏi trả lời nhanh

**c. Sản phẩm:**

Xung đột kịch trong “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”(bi kịch)

+ Giữa nhân dân và triều đình phong kiến

+ Quan niệm nghệ thuật cao siêu và lợi ích thiết thực của nhân dân

d. Các bước dạy học

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của Hs** |
| **GV giao nhiệm vụ:** Đoạn trích “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” thuộc loại kịch nào? Phân tích những mâu thuẫn, xung đột trong đoạn kịch đó?  **GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.** | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**TIẾT 2:**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU VỀ NGHỊ LUẬN**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** gồm 2 nội dung: Khái lược về văn nghị luận và yêu cầu về đọc văn nghị luận.

**c. Sản phẩm**

**II. Văn Nghị luận:**

**1. Khái lược về văn nghị luận**:

**a./ Khái niệm**: Nghị luận là thể loại văn học đặc biệt, dùng lập luận; luận điểm; luận cứ, để bàn luận về một vấn đề xã hội , chính trị hay văn học nghệ thuật.

**b./ Đặc điểm:**

- Sâu sắc về tư tưởng và tình cảm

- Suy nghĩ và trình bày mạch lạc, chặt chẽ

- Lập luận thuyết phục.

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, biểu cảm, mang tính học thuật và xã hội cao.

**c./ Phân loại:**

- Xét nội dung: Văn chính luận; Văn phê bình văn học

- Theo Trung đại: Chiếu, cáo, hịch, bình sử, điều trần...

- Hiện đại: Tuyên ngôn, kêu gọi, phê bình, tranh luận...

**2.Yêu cầu đọc văn nghị luận:**

-Tìm hiểu tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm

-Chú ý đến luận đề, luận điểm, luận cứ và lập luận của bài nghị luận.

- Phân tích nghệ thuật lập luận, nêu chứng cứ, dùng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.

- Khái quát giá trị tác phẩm về nội dung và hình thức; rút ra bài học và tác dụng của tp với cuộc sống.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động : Đọc sgk mục I.**  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1, 2**: Khái lược về văn nghị luận  Nghị luận là thể văn có đặc điểm chủ yếu gì?  Thế nào là vấn đề? Mục đích của văn nghị luân? Làm thế nào để đạt mục đích ấy? Các thao tác chủ yếu của văn nghị luân là gì?  Xưa nay, người ta đã căn cứ vào đâu để phân loại văn nghị luân và phân loại như thế nào? Ví dụ.  **Nhóm 3, 4:** yêu cầu về đọc văn nghị luận  ? Ngoài các yêu cầu chung như đối với một văn bản văn học, cần chú ý những yêu cầu đặc thù, riêng biêt gì khi đọc - hiểu văn bản nghị luân?  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thời/***  ***Thể*** | ***Trung đại*** | ***Hiện đại*** |
| Nghị luận | Chiếu, biểu, cáo, hịch, bình sử, điều trần, bài luận (*Chiếu dời đô, Chiếu cầu hiền, Hịch tướng sĩ, Đại Cáo bình Ngô*). | Tuyên ngôn, lời kêu gọi, bài bình luận, xã luận trên báo, phê bình, tranh luận, bút chiến,…  (*Tuyên ngôn Độc lập là lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Đạo đức và luân lí Đông Tây, Một thời đại trong thi ca…*) |

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **- HS thực hiện nhiệm vụ: hoàn thành bảng thống kê.**  **(bên dưới)** | **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** |

**Hoàn thành bảng sau**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thời/***  ***Thể*** | ***Trung đại*** | ***Hiện đại*** |
| Nghị luận |  |  |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

Thực ra trong đoạn trích không hề có xung đột giữa tình yêu và thù hận, chỉ có tình yêu vượt lên trên thù hận mà thôi. Xung đột ở đoạn trích Tình yêu và thù hận là xung đột tâm trạng.

+ Với Giu-li-ét

\* Tại sao chàng lại tên là Rô-mê-ô nhỉ?

\* Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi hoặc nếu không chàng hãy thề là yêu em đi.

\* Em không là con cháu của nhà Ca-piu-lét nữa

\* Chỉ có tên họ của chàng là thù địch của em thôi. Chàng ơi hãy mang tên họ khác đi. Cái tên ấy có nghĩa gì đâu. Bông hồng kia nếu chúng ta gọi bằng tên khác thì hương thơm vẫn ngọt ngào. Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-me-ô nữa thì mười phân chàng vẫn vẹn mười. Rô-mê-ô chàng ơi chàng hãy vứt bỏ tên họ của chàng đi. Chàng hãy đem tên họ ấy, nó đâu phải xương thịt của chàng đổi lấy cả em đây.

\* Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây.

+ Với Rô-mê-ô:

\* Ca ngợi sắc đẹp của Giu-li-ét

\* Sẵn sàng đổi tên họ

\* Thể hiện sức mạnh của tình yêu

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **Viết đoạn văn phân tích x**ung đột kịch ở đoạn trích *Tình yêu và thù hận* ( Sechxpia) | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Tìm đọc thêm một số vở kịch nổi tiếng của Sechxpia, Molie, Lưu Quang Vũ…; một số bài nghị luận trong VH hiện đại. Từ đó, nêu ngắn gọn biểu hiện đặc trưng thể loại qua tác phẩm. | **- HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.** |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Giáo trình : Lý luận văn học.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP**

**Tiết 106 - 107: TT tiết dạy theo KHDH:**

**ÔN TẬP VĂN HỌC**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Giúp học sinh củng cố, hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài đã học | **Đ1** |
| **2** | Thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945; Văn học nước ngoài. | Đ2 |
| **3** | Đọc – hiểu các tác phẩm văn học giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài. | **Đ3** |
| **4** | Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này; | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về vẻ đẹp của tiếng Việt. | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong học tập. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(10 phút)** | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan các tác phẩm văn học. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở  -PP trò chơi | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | Các câu hỏi và bài tập sgk | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các tác phẩm văn học | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(5 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1: Các hoạt động**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Hs vận dụng kiến thức đã học để tham gia trờ chơi.

c. **Sản phẩm: 4 bức ảnh của 4 tác giả: Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Tố Hữu, Sê-khốp**

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| * GV giao nhiệm vụ:   +Trình chiếu tranh ảnh các tác giả tiêu biểu Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX đến cách mạng tháng tám năm 1945, tác giả VHNN, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  +Chuẩn bị bảng lắp ghép  => GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Như vậy là chúng ta đã thực hiện nội dung đọc hiểu Văn bản Ngữ văn 11 Hôm nay, chúng ta ôn lại văn học giai đoạn này để khắc sâu kiến thức. | + Nhìn hình đoán các tác giả, tác phẩm;  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung bài học:** gồm các nội dung:

- Tập trung vào phần ôn tập văn học Việt Nam (Các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5)

- HS tự tìm hiểu Văn học nước ngoài (Các câu 6, 7, 8)

**c. Sản phẩm**

**\* CÂU 1:**

+Thơ mới nảy sinh trong hoàn cảnh XH thực dân nửa PK.

+Tác giả thơ mới: tri thức Tây học (thơ trung đại: Nho sĩ và quan lại)

+Thơ mới thể hiện cái tôi cá nhân một cách tuyệt đối (thơ trung đại cái ta -tính phi ngã)

+Thơ mới ảnh hưởng thi pháp VH Phương Tây (thơ trung đại ảnh hưởng thi pháp VH trung đại Trung Hoa)

**Câu 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập bảng thống kê về 2 tác phẩm** | | |
|  | **Lưu biệt khi xuất dương** | **Hầu Trời** |
| Nội dung | - Lí tưởng của trang nam nhi là chủ động xoay trời chuyển đất, làm việc kì lạ, không để cuộc sống chỉ đạo mình.  - Khẳng định sự đóng góp của cá nhân với cuộc đời và tin tưởng vào thế hệ mai sau theo dòng lịch sử.  - Xót xa trứơc tình cảm đất nước, phê phán học vấn nền thi cử đạo Nho.  - Khát vọng mạnh mẽ lên đường | -Một cái tôi tài hoa, phóng túng, khẳng định tài năng văn chương hơn người và khao khát được thể hiện giữa cuộc đời.  - Phần nào nêu được cuộc sống của người cầm bút. |
| Nghệ thuật | - Xây dựng được hình tượng mang vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng  - Thể hiện thơ tuyên truyền của Phan Bội Châu 🡪 hướng ngoại xây dựng hình ảnh kì vĩ, mạnh mẽ. | - Có nhiều sáng tạo. giọng điệu tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, hóm hỉnh. |

**Câu 3:** - *Lưu biệt khi xuất dương* và *Hầu Trời* là hai bài thơ ra đời vào đầu thế kỉ XX. Cụ thể là Phan Bội Châu viết *Lưu biệt khi xuất dương*  năm 1905 và Tản Đà viết *Hầu Trời* năm 1921. Đây là thời kì mở đầu cho quá trình hiện đại hoá. Thành tựu chưa có gì nổi bật. Cả hai bài thơ mới chỉ đề cập được phần nào cái tôi- ý thức cá nhân 🡪 khẳng định mạnh mẽ để tạo nên vẻ đẹp lãng mạn hào hùng ở Phan Bội Châu, tài hoa, phóng túng, ngông nghênh hơn người ở Tản Đà. Hai bài thơ này chỉ là điểm giao thời, một gạch nối của hai thời đại thi ca.

- Phải đến *Vội vàng* của Xuân Diệu thì ý thức cá nhân của con người mới thực sự trỗi dậy mạnh mẽ. Đó là sự cuồng nhiệt đến hết mình khi giao cảm với thiên nhiên và con người. Nhà thơ bộc lộ khát vọng: “tôi muốn tắt nắng đi… bay đi”. Giao cảm hết mình với đời, Xuân Diệu đã xây dựng một thiên đường mặt đất và có quan niệm mới mẻ về nhân sinh, về thời gian và đời người. Một chút buồn thi sĩ gửi cùng thiên nhiên, chia sẻ với con người. Để từ đó bộc lộ cách sống vội vàng.

- Phải đến Xuân Diệu quá trình hiện đại hoá văn học mới vươn tới đỉnh cao của sự hoàn tất.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  Đọc lại các tác phẩm văn học đã học trong chương trình 11.  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1, 2**: Câu 1, 2  **Nhóm 3, 4:** Câu 3.  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**TIẾT 2:**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (TIẾP)**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT0HT, GQVĐ**

**b. Nội dung bài học:** gồm các nội dung:

- Tập trung vào phần ôn tập văn học Việt Nam (Các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5)

- HS tự tìm hiểu Văn học nước ngoài (Các câu 6, 7, 8)

**c. Sản phẩm**

**Câu 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nội dung | Nghệ thuật |
| *Vội vàng* của Xuân Diệu | - Sự giao cảm hết mình với thiên nhiên, với con người, với cái đẹp của thiên nhiên, cái vẻ đẹp của con người. Từ đó có quan niệm mới mẻ về nhân sinh. Nỗi buồn về thời gian một đi không bao giờ trở lại, đời người hữu hạn. Để từ đó có cách sống vội vàng. | - Giọng điệu say mê sôi nổi, có nhiều sáng tạo về ngôn ngữ và hình ảnh.  - Kết hợp giữa cảm xúc và mạch luận lí. |
| *Tràng giang* của Huy Cận | - Huy Cận gửi nỗi buồn của mình, cái tôi cô đơn trước thiên hiên sông dài trời rộng và cả những vật hữu hình nhỏ bé, trôi nổi. Đồng thời đọng lại trong tình yêu quê hương đất nước. | - Bài thơ mang màu sắc cổ điển mà vẫn có giọng điệu gần gũi thân thuộc ở hình ảnh trong thơ. |
| *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử | - Bức tranh đẹp trong sự giao cảm với thiên nhiên và con người, để từ đó nhà thơ bộc lộ nỗi buồn gợi nhớ đến bâng khuâng. Một nỗi buồn với bao uẩn khúc trong lòng. Một tình cảm tha thiết với đời, với người. | - Giàu hình ảnh biểu hiện nội tâm. Ngôn ngữ tinh tế, giàu sức liên tưởng. |
| *Tương tư* của Nguyễn Bính | - Diễn tả tâm trạng của chàng trai lúc tương tư. Để từ đó thấy được hồn quê hoà lẫn với cảnh quê. Từ thương nhớ đến hờn giận, trách móc, chàng trai bộc lộ khát vọng hạnh phúc lứa đôi. | - Miêu tả diễn biến tâm trạng. Kết hợp giữa hồn quê và cảnh quê. Thể thơ lục bát, ngôn ngữ giản dị, giọng thơ ngọt ngào, tha thiết làm sống dậy hồn xưa đất nước. |
| *Chiều xuân* của Anh Thơ | - Bức tranh chiều xuân tiêu biểu ở đồng bằng Bắc bộ hiện lên với không khí và nhịp sống ở nông thôn.  - Với cảnh vật của mùa xuân êm ả. | - Thủ pháp gợi tả làm nổi bật không khí, nhịp sống ở nông thôn.  - Dùng cái động để tả cái tĩnh. |

**Câu 5:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| *Chiều tối* Hồ Chí Minh | Tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, ý chí vươn lên hoàn cảnh khắc nghiệt của người tù cộng sản. Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan của Bác. | Bài thơ là sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển mà hiện đại. Mạch thơ có sự vận động mạnh mẽ. |
| *Lai Tân* Hồ Chí Minh | - Bài thơ như một tứ cười hóm hỉnh đày tính chất trào lộng thâm thuý vào xã hội Trung Hoa dân quốc thời Tưởng | Tạo nên kết cấu đặc biệt ở câu cuối để giọng điệu châm biếm nhẹ mà đau. |
| *Từ ấy* - Tố Hữu  *Nhớ đồng* Tố Hữu | Lời tâm nguyện của người thanh niên trong bước đường giác ngộ lý tưởng Đảng. Đồng thời bộc lộ niềm vui, say, tràn trề sức sống khi đón nhận lý tưởng Đảng.  Nỗi nhớ da diết của nhà thơ với quê hương, con người, Qua đó bộc lộ niềm say mê lý tưởng, khát khao tự do. | Vận động về tâm trạng thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh, nhạc điệu.  Sử dụng thơ có kết câu điệp  thể hiện diễn biến tâm trạng |

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trước hoạt động :**  Đọc lại các tác phẩm văn học đã học trong chương trình 11.  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1, 2**: Câu 4  **Nhóm 3, 4:** Câu 5.  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**TIẾT 2: CÁC HĐ:**

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3,Đ4,Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

Hình tượng nhân vật trữ tình : con người trước bao la trời rộng, sông dài, con người khao khát tình đời, tình người, cảm nhận thấm thía mối sầu cô đơn "Mênh mông không một chuyến đò ngang - Không cầu gợi chút niềm thân mật - Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng". Nỗi buồn nhân thế vốn có cơ sở thực tại, khi nó tìm thấy những đồng điệu ấy là khi nó thể hiện được tiếng nói cúa một thế hệ, thế hệ "Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời" trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền. Nỗi "nhớ nhà" như thế không cần một hình ảnh tương đồng, nó sẵn chất chứa trong lòng người, phản chiếu tình cảm lớn : tình cảm với Tổ quốc, đất nước.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn ngắn cảm nhận về hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ Tràng giang ( Huy Cận) | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

1.Giảỉ thích : "mới" : là mới mẻ, hiện đại. Ở đây bao hàm sự so sánh giữa thơ Việt Nam hiện đại đầu thế kỉ XX với thơ Việt Nam thời kì trung đại ; "mới nhất" : là từ chỉ tính chất hiện đại được thể hiện ở mức độ cao nhất, nhiều nhất ; "Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" là ý kiến khẳng định Xuân Diệu là nhà thơ hàng đầu trong phong trào Thơ mới với các đặc điểm nội dung (quan niệm, đề tài, chủ đề tư tưởng,...) và nghệ thuật (thể loại, ngôn ngữ thơ, cách thể hiện ý, tình trong thơ,...).

2.Phân tích :

- Quan niệm về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc và khát vọng sống mãnh liệt của nhà thơ Xuân Diệu trong bài thơ (ngợi ca mùa xuân, ngợi ca cuộc đời, ngợi ca tuổi trẻ, sự tiếc nuối thời gian, tiếc nuối tuổi xuân đi qua không trở lại, lởi kêu gọi sống hết mình, sống cuồng nhiệt, sống đến kiệt cùng của cảm giác, cám xúc,...) so với xúc cảm và quan niệm của một số tác giả tiêu biểu của phong trào Thơ mới mà các em đã biết (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Huy Cận,...).

- Những cách tân về thể loại, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm xúc và quan niệm mang tính triết lí; giọng điệu trữ tình sôi nổi, mê say (vui vẻ, ngập tràn hạnh phúc trước vẻ đẹp của mùa xuân, cuộc đời, nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian, giục giã, hối hả tận hưởng cuộc sống tuổi trẻ,...), ngôn ngữ nghẹ thuật giàu tính hình tượng, giàu cảm xúc,... so với những cách tân nghệ thuật ở một số tác phẩm của tác giả tiêu biểu trong phong trào Thơ mới mà các em đã biết (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Huy Cận,...).

3. Khẳng định giá trị của tác phẩm và những đóng góp to lớn của Xuân Diệu cho công cuộc cách mạng thơ ca Việt Nam hiện đại. Vội vàng là tuyên ngôn về lẽ sống và thể hiện đặc điểm phong cách nghệ thuật của Xuân Diệu, là một minh chứng cho vị trí của nhà thơ trong thơ hiện đại "mới nhất trong các nhà thơ mới".

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Theo nhà văn Hoài Thanh, Xuân Diệu là nhà thơ "mới nhất trong các nhà thơ mới".  Đặc điểm đó của thơ Xuân Diệu được thể hiện như thế nào ở bài thơ Vội vàng? | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Chọn một bài thơ cách mạng của Bác Hồ, Tố Hữu (ngoài SGK) hoặc của tác giả khác; học thuộc và viết lời bình khoảng l - 2 trang. | -HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)**

**Tiết 108: : TT tiết dạy theo KHDH**

**TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**& LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu và tóm tắt văn bản nghị luận;  - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản nghị luận;  - Năng lực hợp tác khi  - Năng lực tạo lập văn bản tóm tắt. | **Đ2** |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến các bước tóm tắt văn bản nghị luận. | **Đ3** |
| **4** | Nhận diện văn bản nghị luận và tiến hành tóm tắt được theo các bước. | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh các bước tóm tắt văn bản nghị luận với việc tóm tắt văn bản tự sự, văn bản thuyết minh. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về văn bản nghị luận. | **N1** |
| **7** | Biết tạo lập văn bản tóm tắt. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong làm văn. | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Kết nối -Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tóm tắt văn bản nghị luận | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | I. Mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận  II. Cách tóm tắt văn bản nghị luận | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm việc tóm tắt văn bản nghị luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ5, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng những kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

**c**. **Sản phẩm:** Tóm tắt văn bản tự sự, thuyết minh

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - **GV giao nhiệm vụ**: Ở lớp 10, các em đã học cách tóm tắt những loại văn bản nào?  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Văn bản nghị luận thường chứa đựng dung lượng nội dung rất lớn. Muốn nắm được các nội dung đó, ngoài phương pháp đọc – hiểu văn bản, chúng ta cần phải biết tóm tắt văn bản để đúc rút những nội dung cơ bản được phản ánh trong văn bản đó. Vậy để đáp ứng được những yêu cầu vừa nêu, nội dung của tiết học này sẽ cung cấp cho chúng ta cách tóm tắt văn bản nghị luận. | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung bài học:** gồm các nội dung: mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận; cách tóm tắt văn bản nghị luận

**c. Sản phẩm**

**I.ÔN TẬP CHUNG :**

**1-Tóm tắt** 🡪viết; kể lại một cách ngắn gọn, khách quan những nội dung chính của văn bản. Khi tóm tắt- rút ngắn, cần giữ được những nội dung cơ bản, quan trọng của văn bản gốc.

-Tóm tắt văn bản nghị luận : một hình thức làm văn kết hợp kĩ năng đọc - hiểu với kĩ năng diễn đạt, đáp ứng nhu cầu học tập suy nghĩ trong thực tế.

**2. Mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL**

**(Khuyến khích HS tự đọc)**

**- Mục đích:**

+ Giúp ta có những hiểu biết khái quát, chính xác và sâu sắc về VB gốc.

+ Tích lũy tư liệu và kiến thức cần thiết làm tài liệu.

+ Học tập cách tư duy và diễn đạt trong văn NL.

+ Rèn luyện kĩ năng đọc – hiểu, tiếp nhận văn bản và tóm tắt VBNL.

**- Yêu cầu:**

+ Phản ánh trung thành các tư tưởng, luận điểm của VB gốc; không tự ý thêm bớt.

+Diễn đạt ngắn gọn, súc tích, loại bỏ những thông tin không phù họp với mục đích tóm tắt.

**II/CÁCH TÓM TẮT VBNL: - Ghi nhớ (sgk)**

**- Bước 1**:Đọc kĩ văn bản gốc. Dựa vào nhan đề,phần mở đầu và kết thúc 🡪lựa chọn những ý, những chi tiết phù hợp với mục đích tóm tắt.

-Bước 2: Đọc từng đoạn trong phần triển khai (thân bài)🡪nắm được các luận điểm, luận cứ làm sáng tỏ vấn đề.

**- Bước 3:** Lập dàn ý trình bày lại một cách hệ thống những luận điểm của văn bản được tóm tắt.

**- Bước 4:** Dùng lời văn của mình để thuật lại nội dung cơ bản của văn bản được tóm tắt nhưng cần giữ lại bố cục và những câu văn quan trọng của văn bản gốc.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động : Đọc kĩ sách giáo khoa mục I, II**  **Trong hoạt động :**  **Mục I. HS hoạt động cá nhân**  - Tóm tắt là gì ? -Thế nào là tóm tắt VBNL?*-* Nêu mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL ?  - Vì sao khi tóm tắt VBNL yêu cầu ta phải trung thành với các tư tưởng, luận điểm của VB gốc ?  **Mục II. (HĐ nhóm bàn)**  GV yêu cầu HS đọc văn bản Về luân lí xã hội ở nước ta (Phan Châu Trinh), sau đó tìm hiểu và trả lời các câu hỏi ở mục II trong SGK tr.117 - 118.  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu**: **Đ4, Đ5, N1, V1 GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

**III/LUYỆN TẬP: (sgk-118-119)**

**-BT1:**

a)Chủ đề NL :Bàn về đặc trưng tổng thể của đất nước Indonesia.

b)CĐ NL :nói về tài năng của Xuân Diệu trong việc nghiên cứu , phê bình VH.

**BT2:**

**a.V/đề NL:** Tình trạng sử dụng nguồn nước ngọt không hợp lý và tình trạng nguồn nước ngày càng bị cạn kiệt và ô nhiễm.

**b.Mục đích NL:** nhằm nhắc nhở mọi người nhân thức giá trị và tầm quan trọng của tài nguyên nước 🡺kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và tránh làm ô nhiễm nguồn nước.

**c.Các LĐ chính:**

**LĐ 1:**Đặt v/đ: nước là tài sản quý báu nhưng đang bị hủy hoại và lãng phí nhiều nhất.

**LĐ 2:CM và PT 🡪** Tài nguyên nước trong tương lai sẽ không đáp ứng đủ cho yêu cầu của đ/s con người.

**LĐ 3:CM🡪**Tình trạng khan hiếm và ô nhiễm môi trường nước trên thế giới.

**LĐ 4:** Lời kêu gọi của LHQ về việc bảo vệ nguồn nước ngọt, chống ô nhiễm môi trường**.**

**d.Tóm tắt VBNL trong ba câu:**

Tài sản bị huỷ hoại và lãng phí nhiều nhất là nước ngọt. Nước ngọt trên trái đất có hạn, người tăng lên, công nghiệp phát triển, nước sử dụng nhiều và nước thải làm ô nhiễm hồ, ao, sông, ngòi. Chúng ta phải biết tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch.

**bài tập 1(trang 122-123):**

HS có thể bổ sung 2 ý:

-Nhược điểm của thơ mới là không nói đến đấu tranh cách mạng.

-Thơ mới đã đổi mới sự biểu hiên của cảm xúc, góp phần vào sự phát triển của tiếng Việt.

-Những nội dung mà bạn HS dự định tóm tắt văn bản cần sửa chữa như sau:

+**L/Đ 1**: “Thơ mới là phong trào văn học phong phú, một phong trào sáng tạo dồi dào , có nhiều yếu tố tích cực”

+**L/Đ 2:** Phong trào Thơ mới có nhiều đóng góp về nghệ thuật thơ; đã góp phần trau dồi tiếng Việt.

+**LĐ 3**: Thơ mới xứng đáng mệnh danh là “một thời đại trong thi ca”

=> **KẾT LUẬN**:

1/Khi tóm tắt văn bản nghị luận cần nắm vững những yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận .

2/Lưu ý : tránh sa vào phân tích dài dòng, lan man, xa nội dung của văn gốc .

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học về tóm tắt văn bản nghị luận  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm :  **Nhóm 1:** Bài tập 1(tr 118)  **Nhóm 2:** Bài tập 2(tr 119)  **Nhóm 3:** Bài tập 1 (tr 122,123)  **Nhóm 4:** Câu 8  **-- GV chuẩn kiến thức.** | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ2,Đ4, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Bài tóm tắt của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  (bên dưới) | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

Tóm tắt văn bản nghị luận sau:

*“Con gái là con người ta”; “Đàn bà xây tổ ấm” ;” Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”– đó là những câu đúc kết xưa và đến nay vẫn còn nguyên giá trị với không ít gia đình Việt Nam. Hay nói cách khác, rất nhiều gia đình Việt xem đó nhưng là chuẩn mực văn hóa, chuẩn mực xã hội để điều chỉnh gia đình mình. Và cũng từ đây, không ít những câu chuyện đau lòng đã xảy ra.*

*Từ chối tiền mừng vì “con gái là con người ta” - đó là phong tục tại nhiều xóm chài ở Nghệ An. Theo thông tin từ báo chí, xóm Kim Liên, xã Diễn Kim, Nghệ An có gần 100% hộ gia đình duy trì phong tục này vì nhiều người cho rằng trước cha ông từng dạy, vì con gái khi đi lấy chồng là mất con, mất họ nên nhà gái không lấy quà mừng. Trong khi đó, con trai lấy vợ là được thêm người, thêm của nên nhà trai được phép lấy tiền mừng của mọi người.*

*Luật tục này tồn tại từ nhiều đời nay đã vô tình làm nhiều gia đình có con gái rơi vào tình trạng khó khăn hơn về kinh tế, cũng như khoét sâu thêm sự bất bình đẳng nam nữ tại các vùng quê. Ở một câu chuyện khác, một cô gái đi lấy chồng cô luôn bị chồng bạo hành, đánh đập, nhưng mẹ cô không cho phép trở về quê hương vì “con gái là con người ta”, dù cô đã nhiều lần cầu xin do không chịu nổi sự ngược đãi. Bản thân người mẹ của cô gái, lúc còn trẻ chồng mất sớm vì bệnh tật, cũng đã cầu xin cha mẹ mình cho về quê ngoại để kiếm sống nuôi con, nhưng tất cả những gì nhận được là cái lắc đầu bởi “con gái là con người ta, con gái gả đi lấy chồng là đi hẳn, quay về xóm làng dị nghị”.*( Theo Hồng Minh-http://baophapluat.vn/rubic-cuoc-song/chuan-muc-van-hoa-lac-hau-tiep-tay-cho-bao-luc-gia-dinh-310516.html)

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a.Mục tiêu: Đ2, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài tóm tắt của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| GV giao nhiệm vụ:  + Tóm tắt những văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 11 | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Ngày soạn: Ngày dạy:**

**Tiết 109 -110:**

**ÔN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Về kiến thức:**

- Nắm vững các tri thức cần huy động để giải quyết các yêu cầu đặt ra đối với các câu hỏi dạng đọc hiểu văn bản.

- Biết được các mức độ nhận thức của câu hỏi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu ( 4 cấp độ, vận dụng đối với văn bản nghị luận và văn bản nhật dụng).

**2. Về kĩ năng:** có kĩ năng đọc, phân tích, tổng hợp các kiến thức, kĩ năng trả lời phần đọc hiểu

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

\* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

**4. Định hướng các năng lực cần hình thành**

**\* NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

**\* NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

**B. THIẾT KẾ DẠY HỌC**

**I. Chuẩn bị của GV và HS**

- Giáo viên: một số lí thuyết về đọc – hiểu văn bản, các đề đọc – hiểu phù hợp với năng lực từng đối tượng, các tài liệu tham khảo khác, nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Học sinh:xem lại kiến thức đọc – hiểu văn bản mà GV đã dạy trong các tiết trước, đọc thêm tài liệu tham khảo khác.

**II.Tổ chức dạy và học**

* 1. Ổn định lớp

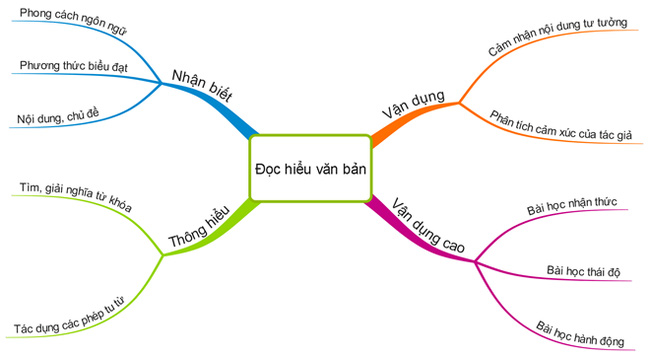
2. Nội dung ôn tập

**Thao tác 1: GV giúp HS nhắc lại một số kiến thức đọc – hiểu văn bản**

1. **Cấu trúc đề đọc – hiểu:** Gồm 2 phần:

* Văn bản đọc – hiểu

- Hệ thống các câu hỏi hướng dẫn đọc – hiểu



**2.** . **Xu hướng là đọc- hiểu văn bản mới, ngoài SGK**

**3. Một số câu hỏi đọc – hiểu thường gặp**

*- Nêu phương thức biểu đạt chính?*

*- Nêu phong cách ngôn ngữ?*

*- Nêu nội dung/ chủ đề của văn bản?*

*🡪* 2 ý: Văn bản viết về điều gì? + Tình cảm, thái độ của người viết?

*- Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng?*

*- Phân loại câu theo mục đích nói?*

*- Điền từ/ giải thích nghĩa của từ?*

*….*

*- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về một vấn đề rút ra từ văn bản?*

**4.** **Một số kiến thức phục vụ đọc hiểu**

**\*Các phương thức biểu đạt của văn bản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phương thức biểu đạt** | **Nhận diện qua mục đích giao tiếp** |
| 1 | ***Tự sự*** | Trình bày diễn biến sự việc |
| 2 | ***Miêu tả*** | Tái hiện trạng thái, sự vật, con người |
| 3 | ***Biểu cảm*** | Bày tỏ tình cảm, cảm xúc |
| 4 | ***Nghị luận*** | Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận… |
| 5 | ***Thuyết minh*** | Trình bày đặc điểm, tính chất, phương pháp… |
| 6 | *Hành chính – công vụ* | Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người |

## \*Các phong cách ngôn ngữ chức năng:

Với HS lớp 12, chú ý 3 loại PCNN sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phong cách ngôn ngữ** | **Đặc điểm nhận diện** |
| 1 | ***Phong cách ngôn ngữ báo chí*** | -Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự |
| 2 | ***Phong cách ngôn ngữ chính luận*** | Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, ; người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội |
| 3 | ***Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*** | -Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện… |

**\* Phân loại câu theo mục đích nói:**

**-** Câu trần thuật (câu kể)

- Câu cảm thán (câu cảm)

- Câu nghi vấn ( câu hỏi)

- Câu cầu khiến.

\* **Phân loại câu theo cấu trúc ngữ pháp:**

- Câu đơn

- Câu ghép/ Câu phức

- Câu đặc biệt.

**\* Các thao tác lập luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Thao tác lập luận** | **Đặc điểm nhận diện** |
| 1 | Giải thích | Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình. |
| 2 | Phân tích | Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. |
| 3 | Chứng minh | Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. ( Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.) |
| 4 | Bác bỏ | Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình. |
| 5 | Bình luận | Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng… đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại…; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng. |
| 6 | So sánh | So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.  Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản. |

**\*Các biện pháp tu từ**

|  |  |
| --- | --- |
| Biện pháp tu từ | Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật) |
| So sánh | Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động  đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc |
| Ẩn dụ | Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao,  gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc. |
| Nhân hóa | Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn  gần với con người |
| Hoán dụ | Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc |
| Điệp từ/ngữ/cấu trúc | Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp điệu  cho câu văn, câu thơ. |
| Nói giảm | Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự  trân trọng |
| Thậm xưng | Tô đậm, phóng đại về đối tượng |
| Câu hỏi tu từ | Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…) |
| Đảo ngữ | Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên |
| Đối | Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa |
| Im lặng | Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc |
| Liệt kê | Diễn tả cụ thể, toàn diện nhiều mặt |

## \*Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)

|  |  |
| --- | --- |
| **Các phép liên kết** | **Đặc điểm nhận diện** |
| Phép lặp từ ngữ | Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước |
| Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa) | Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng  trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |
| Phép thế | Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế  các từ ngữ đã có ở câu trước |
| Phép nối | Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước |

***Thao tác 2: Luyện tập một số đề đọc – hiểu***

**Đề 1:**

**I.ĐỌC HIỂU**   
Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:   
(1) Sáng nay tôi thức dậy với những lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: “Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm”. Đừng như thế. Cuộc đời thực sự đang trôi nhanh lắm.   
(2) Sao lại trì hoãn những việc có thể làm hôm nay cho những lúc rảnh rỗi trong tương lai xa xôi nào đó? Sao không đóng vai một con người vượt trội bây giờ mà lại dành điều đó vào một thời điểm khác mai sau? Sao lại chần chừ thụ hưởng những giờ phút tuyệt vời và chờ đến khi về già? Một ngày nọ tôi đọc cuốn sách về một phụ nữ trẻ suy tư về kế hoạch để dành tiền hưu. Cô nói: “Tôi muốn bảo đảm mình sẽ để dành thật nhiều tiền – như vậy tôi mới có thể vui sống vào cuối đời”. Tôi không nghĩ vậy. Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống?   
(3) Tôi không có ý nói rằng bạn nên bỏ qua tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho tương lai. Hãy biết nhìn xa và chuẩn bị cho suốt cuộc đời. Đó là sự quân bình. Hãy lên kế hoạch. Để dành tiền cho tuổi hưu. Hãy dự trù. Nhưng đồng thời cũng cần biết sống cho giây phút này. Sống thật đầy đủ.   
(Trích Đời ngắn đừng ngủ dài – Robin Sharma,   
Phạm Anh Tuấn dịch, NXB Trẻ, 2017, tr.25 – 26)   
Câu 1.Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (nhận biết)   
Câu 2.Nêu tên một biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn (2). (nhận biết)   
Câu 3.Anh/Chị hiểu thế nào về câu hỏi của tác giả: Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống? (thông hiểu)   
Câu 4.Theo anh/chị, việc lên kế hoạch cho tương lai có cần thiết với cuộc đời mỗi người không? Vì sao? (vận dụng)   
**II. LÀM VĂN**   
Câu 1.   
Từ thông điệp của đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tác hại của thói quen trì hoãn công việc. (vận dụng cao)

**ĐỀ 2**

I.ĐỌC HIỂU   
Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:   
“Người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau. Tôi sợ lắm những gì mang đến bất hạnh cho con người. Hãy cố gắng mang đến cho nhau những giấc mơ, những giấc mơ làm nên hạnh phúc. Đi đâu, đến đâu cũng chỉ thấy những nụ cười. Những nụ cười như đóa hồng đứa bé cầm trên tay đi qua những phố rực rỡ một lòng yêu thương vô tận. Chúng ta hình như thừa bạo lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái.”   
(Trích Viết bên bờ Loiret – Trịnh Công Sơn, theo [https://trinhcongsonblog.wordpress.com](https://trinhcongsonblog.wordpress.com/) )   
Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (nhận biết)   
Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích. (thông hiểu)   
Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: Những nụ cười như đóa hồng đứa bé cầm tay trên tay đi qua những phố rực rỡ một lòng yêu thương vô tận. (vận dụng)   
Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: Chúng ta hình như thừa bạo lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái? Vì sao? (vận dụng)   
II. LÀM VĂN   
Câu 1:   
Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày s trái uy nghĩ về ý kiến sau: Người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau. (vận dụng cao)

**ĐỀ 3**

i.ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)  
Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:  
… (1) Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy. Tự học cũng là một cuộc du lịch,  
du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân, vì nó là du  
lịch trong không gian lẫn thời gian. Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới  
mênh mông. Kể làmsao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc  
du lịch bằng sách vở ?  
(2) Ta cũng được tự do, muốn đi đâu thì đi, ngừng đâu thì ngừng. Bạn thích cái xã hội ở  
thời Đường bên Trung Quốc thì đã có những thi nhân đại tài tả viên “Dạ minh châu” của  
Đường Minh Hoàng, khúc “Nghê thường vũ y” của Dương Quý Phi cho bạn biết. Tôi  
thích nghiên cứu đời con kiến, con sâu – mỗi vật là cả một thế giới huyền bí đấy, bạn ạ –  
thì đã có J.H.Pha-brow và hàng chục nhà sinh vật học khác sẵn sàng kể chuyện cho tôi  
nghe một cách hóm hỉnh hoặc thi vị.  
(3) Đương học về kinh tế, thấy chán những con số ư? Thì ta bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba  
Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai. Hoặc không muốn học  
nữa thì ta gấp sách lại, chẳng ai ngăn cản ta cả.”  
(Trích Tự học – một nhu cầu thời đại – Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà  
Nội, 2003)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)  
Câu 2. Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)  
Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng khi “thấy chán những con số” thì “bỏ nó  
đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai”?  
(0,5 điểm)  
Câu 4. Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của  
mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

**ĐỀ 4**

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU   
Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:   
(1)Ứng xử là thái độ, hành vi, lời nói thích hợp trong quan hệ giao tiếp giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Thuật ngữ văn hóa đặt trước ứng xử có nghĩa là tô đậm chiều cao phẩm chất, chiều rộng quan hệ của người ứng xử. Có con người là có cách ứng xử giữa họ với nhau, giữa họ với môi trường sống. Nhưng văn hóa ứng xử được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm diễn đạt cách ứng xử con người đối với thiên nhiên, đối với xã hội và đối với chính mình,…   
(2)…Ở các nền văn hóa khác nhau có hệ chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung. Đó là sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương đối với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ. Trong văn hóa phương Đông, Khổng Tử khuyên mọi người tu tâm dưỡng tín với sáu chữ: nhất nhật tam tĩnh ngô thân. Đối với người Nhật, nhân cách văn hóa được công thức hóa: thiện, ích, đẹp. Nước ta coi trọng mục tiêu giá trị: chân, thiên, mỹ. Ở châu Âu, người ta nói tính cách, khi bàn giá trị nhân cách tiêu biểu dân tộc. Tính cách Nga được thể hiện ở lòng đôn hậu, tình thủy chung, nghĩa cử quốc tế cao cả. Khẩu hiệu tri thức là sức mạnh được nhiều nước tư bản châu Âu viện dẫn và ảnh hưởng tới hành động đã mấy trăm năm.. Bí quyết hàng đầu của người Do Thái là sự trọng học, đề cao vai trò của trí tuệ, tôn sung học vấn và tài năng. Để con gái lấy được học giả, hoặc lấy được con người là học giả làm vợ thì không tiếc tài sản. Tuy nhiên, họ cũng coi tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào chú lừa chỉ biết thồ trên lưng sách vở,…   
(Trích “Văn hóa ứng xử, noi thêm những điều cần nói”, Hồ Sĩ Vịnh,   
Tạp chí Văn học Nghệ thuật, số 332, tháng 2 – 2012)   
Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn (2). (nhận biết)   
Câu 2. Theo tác giả, “ở các nền văn hóa khác nhau có hệ quy chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung” là gì? (thông hiểu)   
Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích. (thông hiểu)   
Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: “…tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào cú lừa chỉ biết thồ trên lưng sách vở,…”. Vì sao? (vận dung)   
PHẦN II. LÀM VĂN   
Câu 1: Từ nội dung đoạn trích phần Đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ngôn ngữ giao tiếp của các bạn trẻ trong giai đoạn hiện nay. (vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI  
ĐỀ 1”

I. ĐỌC HIỂU  
Câu 1.  
\*Phương pháp: Căn cứ các kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.  
\*Cách giải:  
Phương thức biểu đạt: phương thức nghị luận.  
Câu 2.  
\*Phương pháp: Căn cứ các kiến thức đã học về các biện pháp tu từ.  
\*Cách giải:  
Học sinh nêu tên được một trong các biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ/ lặp cú pháp/ chêm xen.  
Câu 3:  
\*Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.  
\*Cách giải:  
Câu hỏi của tác giả có thể hiểu là: đừng chờ đợi đến già mới hưởng thụ cuộc sống, hãy biết tận hưởng cuộc sống mỗi ngày.  
Câu 4:  
\*Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.  
\*Cách giải:  
Nêu rõ quan điểm bản thân; lí giải hợp lí, thuyết phục về sự cần thiết của việc lên kế hoạch cho tương lai. Có thể theo hướng sau:  
\_Giúp con người có mục tiêu, phương hướng hành động.  
\_Giúp con người chủ động tìm các giải pháp; tránh được các rủi ro,…  
II. LÀM VĂN  
Câu 1:  
\*Phương pháp: Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,…)  
\*Cách giải:  
 Yêu cầu về hình thức:  
\_Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 200 từ.  
\_Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  
\_Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng viết đoạn văn nghị luận.  
 Yêu cầu về nội dung:  
Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ tác hại của thói quen trì hoãn công việc. Có thể theo hướng sau:  
\_Trì hoãn công việc có thể khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn; thậm chí bỏ lỡ những cơ hội.  
\_Thói quen trĩ hoàn công việc sẽ dẫn đến tính bê trễ, thiếu kỉ luật, vô trách nhiệm…  
\_Mỗi người cần nhận thức được tác hại của thói quen trì hoãn công việc; rèn luyện thói quen học tập và làm việc theo kế hoạch một cách hợp lí, khoa học.  
nhân ái.

**ĐỀ 2**

I.ĐỌC HIỂU  
Câu 1:  
\*Phương pháp: Căn cứ nội dung các bài phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận,..  
\*Cách giải: Phương thức biểu đạt: nghị luận.  
Câu 2:  
\*Phương pháp: Căn cứ nội dung đoạn trích.  
\*Cách giải:  
Nội dung đoạn trích: lời khẩn cầu tha thiết về mối quan hệ tốt đẹp, nhân ai giữa con người với con người.  
Câu 3:  
\*Phương pháp: Căn cứ nội dung bài So sánh.  
\*Cách giải:  
\_ Biện pháp: so sánh  
\_ Hiệu quả nghệ thuật:  
+ Tạo cách nói sinh động, giàu hình ảnh và gợi cảm.  
+ Khẳng định ý nghĩa của nhừng nụ cười yêu thương mà con người trao tặng cho nhau.  
Câu 4:  
\*Phương pháp: Phân tích, lí giải.  
\*Cách giải:  
Nêu rõ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình, lí giải hợp lí, thuyết phục. Ví dụ:  
\_ Đồng tình: cuộc sống hiện này dường như làm con người ta xa cách hơn, xảy ra nhiều xung đột, bạo lực hơn.  
\_ Không đồng tình: cuộc sống vẫn còn nhiều hơn lòng yêu thương, bao dung,

II. LÀM VĂN  
Câu 1:  
\*Phương pháp: Phân tích, lí giải.  
\*Cách giải:  
 Yêu cầu chung:  
\_ Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về ý kiến: người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau.  
\_ Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích, song hành.  
\_ Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.  
\_ Xác định đúng vấn đề nghị luận: Đề cao lòng nhân ái.  
\_ Triển khai các vấn đề nghị luận, vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.  
 Yêu cầu cụ thể:  
\_ Nội dung ý kiến: Con người phải biết bao dung, tha thứ, phải sống nhân ái, yêu thương.  
\_ Bàn luận: Ý kiến trên là một lời khuyên đúng đắn về mối quan hệ giữa con người với con người. Bởi vì:  
+ Cảm xúc là thứ khó có thể chi phối, ta có thể yêu mến hay hờn ghét ai đó, nhưng nhất định không được hãm hại, gây tổn thương đến họ.  
+ Khi hãm hại người khác, cũng chính là tự hãm hại bản thân mình.  
+ Chính tình yêu thương sẽ tạo nên mối quan hệ thân thiện giữa người với người, làm thế giới này trở nên tốt đẹp.  
\_ Bài học nhận thức và hành động: cần biết sẻ chia và yêu thương, cần thanh lọc tâm hồn, hoàn thiện nhân cách.

Câu 1. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: Cái thú tự học cũng giống cái thú đi  
chơi bộ ấy.  
Câu 2. Thao tác lập luận so sánh/ thao tác so sánh/ lập luận so sánh/ so sánh.  
- Học sinh trả lời đúng theo ý trên  
- Câu 3. Tác giả cho rằng khi“thấy chán những con số” thì “bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể  
- ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai”, bởi vì “coi cảnh hồ Ba Bể  
- ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai” sẽ giúp ta thư giãn đầu óc,  
- tâm hồn cởi mở, phóng khoáng hơn, làm cho đời sống đỡ nhàm chán, trở nên thú vị hơn.  
- Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ.  
- – Điểm 0,5: Trả lời theo cách trên  
- – Điểm 0,25: Câu trả lời chung chung, chưa thật rõ ý  
- – Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời  
- Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của bản thân, không  
- nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức  
- thuyết phục.  
- – Điểm 0,25: Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo hướng trên  
- – Điểm 0: Cho điểm 0 đối với một trong những trường hợp sau:  
- + Nêu 02 tác dụng của việc tự học nhưng không phải là quan điểm riêng của bản thân mà  
- nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho;  
- + Nêu 02 tác dụng của việc tự học nhưng không hợp lí;  
- + Câu trả lời chung chung, không rõ ý, không có sức thuyết phục;  
- + Không có câu trả lời.

ĐỀ 4:

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU  
Câu 1:  
\* Phương pháp: Dựa vào các kiến thức đã học về các thao tác lập luận.  
\* Cách giải: Thao tác lập luận chính trong đoạn (2): So sánh.  
Câu 2:  
\* Phương pháp: Đọc, tìm ý trong văn bản.  
\* Cách giải: Giá trị chung đó là: Sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ.  
Câu 3:  
\* Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.  
\* Cách giải: Nội dung chính của đoạn trích: Mặc dù văn hóa ứng xử của các dân tộc trên thế giới đều giống nhau ở điểm mọi dân tộc đều sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ nhưng ở mỗi dân tộc lại có những hệ quy chuẩn riêng. Sống có văn hóa và ứng xử có văn hóa là nét đẹp của con người.  
Câu 4:  
\* Phương pháp: Phân tích, giải thích.  
\* Cách giải: Đồng ý với ý kiến đó.  
Vì: Tri thức mới chỉ là những thứ tồn tại trên sách vở, chưa được áp dụng vào thực tiễn, chưa có ích đối với con người và xã hội. Tri thức chỉ thực sự có ích khi nó được áp dụng vào thực tế, đem lại những hiệu quả trong cuộc sống của con người.  
PHẦN II: LÀM VĂN  
Câu 1:  
\* Phương pháp: Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,…)  
\* Cách giải:  
 Yêu cầu về hình thức:  
\_Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 200 từ.  
\_Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  
\_Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng viết đoạn văn nghị luận.  
 Yêu cầu về nội dung:  
\* Giới thiệu vấn đề.  
\* Giải thích vấn đề.  
\_Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu để con người tư duy, trao đổi thông tin và thiết lập các mối quan hệ trong xã hội.  
\_Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe nhằm đạt được một mục đích nào đó. Ngôn từ giao tiếp là ngôn từ được giới trẻ sử dụng một cách phổ biến để trao đổi thông tin, tình cảm với nhau. Chúng có những đặc điểm khác biệt so với ngôn ngữ giao tiếp chung.  
\* Phân tích vấn đề.  
\_Thực trạng việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ hiện nay:  
+ Ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ có xu hướng lệch chuẩn văn hóa.  
+ Học sinh ngày càng khó khăn trong quá trình sử dụng ngôn từ trong việc thể hiện những quan điểm, tư tưởng của bản thân. Không chỉ vậy học sinh còn sử dụng không đúng chức năng ngôn ngữ, lối giao tiếp còn thô lỗ, thiếu lịch sự.  
+ Học sinh sử dụng quá nhiều tiếng lóng, tiếng bồi trong giao tiếp, làm mất đi sự trong sáng, vẻ đẹp vốn có của tiếng Việt.  
\_ Nguyên nhân:  
+ Quá trình hội nhập quốc tế, sự phát triển công nghệ thông tin, không thể phủ nhận rằng chúng đem lại cho tiếng Việt một lượng từ lớn nhưng bên cạnh đó cũng để lại không ít hệ lụy.  
+ Giới trẻ chưa ý thức đúng được việc sử dụng tiếng Việt, sử dụng tùy tiện, cẩu thả, thiếu trách nhiệm làm cho ngôn ngữ giao tiếp bị xáo trộn, dung tục.  
\_ Chứng minh:  
+ Thay vì nói “đồng ý” họ dùng “okie”, “tình yêu” thành “tềnh iu”,…  
+ Tạo thành ngữ vô nghĩa: “Chán như con gián” , “buồn như con chuồn chuồn”,…  
+ Lối nói, viết nửa tây nửa ta dung tục: “”bye nhé”, 4U (for you),…  
+ Lối viết tắt: “k0 bjt” “lm j tke”, “dzay là zui ròi đó”,…  
\_ Hệ quả của việc sử dụng ngôn ngữ tùy tiện:  
+ Làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.  
+ Khó khăn trong việc diễn đạt một câu, một ý hoàn chỉnh trong giao tiếp.  
+ Làm ảnh hứng tới văn hóa ứng xử của con người. Khi những từ ngữ tốt đẹp không còn được sử dụng hoặc sử dụng không đúng chức năng thay vào đó là lớp từ với kết cấu ngữ pháp lỏng lẻo, thiếu trong sáng, cùng với cách sử dụng ngôn ngữ tùy tiện làm cho câu nói không biểu đạt được hết ý nghĩa của nó, hoặc đem đến những hàm nghĩa tiêu cực.  
+ Việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thiếu chuẩn mực có thể nảy sinh những hiện tượng bạo lực trong cuộc sống. Chỉ vì một lời nói tắt, một câu nói tối nghĩa gây hiểu nhầm, xích mích là đã gây ra xung đột. Theo thống kê, hơn 60 vụ đánh nhau hiện nay đều do liên quan đến vấn đề lời nói.  
\_ Giải pháp:  
+ Bố mẹ cần làm gương cho con cái, trong quá trình sử dụng ngôn ngữ cần phải dùng đúng chuẩn mực, uốn nắm lại con khi có những hiện tượng lệch chuẩn ngôn ngữ.  
+ Nhà trường giáo dục để học sinh ý thức được việc giữa gìn sự trong sáng của tiếng Việt là rất quan trọng và cần thiết.  
+ Bản thân mỗi bạn học sinh phải biết tự trau dồi, rèn luyện tiếng Việt. Tiếp thu và sử dụng tiếng ngước ngoài có chọn lọc, đúng chuẩn mực.  
\* Bài học  
Mỗi học sinh cũng như tất cả mọi người phải có ý thức rèn luyện ngôn ngữ giao tiếp. Luôn vận dụng đúng đắn cách phương tiện giao tiếp để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Đặc biệt là với các bạn học sinh cần có ý thức rèn luyện theo những chuẩn mực tốt đẹp, sử dụng ngôn ngữ đúng, đủ và hay, tiếp thu trên tinh thần chọn lọc.

**III. Rút kinh nghiệm**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP**

**Tiết 111: : TT tiết dạy theo KHDH**

**ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN**

**I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức làm văn đã học. | **Đ1** |
| **2** | Đọc – hiểu các văn bản nghị luận; | Đ2 |
| **3** | Thu thập thông tin liên quan đến các dạng bài làm văn trong chương trình ngữ văn 11. | **Đ3** |
| **4** | Nắm bắt được các kiến thức về thao tác lập luận, cách tóm tắt văn bản nghị luận | **Đ4** |
| **5** | Phân tích, so sánh đặc điểm của thao tác lập luận khi tạo lập văn bản. | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về cách làm bài văn nghị luận | **N1** |
| **7** | Biết vận dụng hiểu biết về các thao tác lập luận vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản. | **V1** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:** **GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **8** | Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. | **GT-HT** |
| **9** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM** | | |
| **10** | Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong làm văn | **TN** |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

**2. Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động**  **(07 phút)** | **Kết nối - Đ1** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan làm văn. | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ** | Các câu hỏi và bài tập sgk | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy. | Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập (05 phút)** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);  Kỹ thuật: động não. | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng (5 phút)** | **Đ2, Đ3, Đ4, V1** | Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận, cách tóm tắt văn bản nghị luận | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.  Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 5: Mở rộng**  **(3 phút)** | **Đ2, Đ4, GQVĐ** | Tìm tòi, mở rộng kiến thức | Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học | Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  GV và HS đánh giá |

**B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ:** *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

**b. Nội dung hoạt động:** vận dụng kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm**

Thao tác lập luận so sánh: chữ nước ngoài với chữ ta

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV*** | ***Hoạt động của HS*** |
| - GV giao nhiệm vụ: Đoạn văn sau đây sử dụng thao tác lập luận gì?  *“Ai cũng biết Hàn Quốc phát triển kinh tế khá nhanh, vào loại “con rồng nhỏ” có quan hệ khá chặt chẽ với các nước phương Tây, một nền kinh tế thị trường nhộn nhịp, có quan hệ quốc tế rộng rãi. Khắp nơi đều có quảng cáo, nhưng không bao giờ quảng cáo thương mại được đặt ở những nơi công sở, hội trường lớn, danh lam thắng cảnh. Chữ nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh, nếu có thì viết nhỏ đặt dười chữ Triều Tiên to hơn ở phía trên. Đi đâu. nhìn đâu cũng thấy nổi bật những bảng hiệu chữ Triều Tiên. Trong khi đó thì ở một vài thành phố của ta nhìn vào đâu cũng thấy tiếng Anh, có bảng hiệu của các cơ sở của ta hẳn hoi mà chữ nước ngoài lại lớn hơn cả chữ Việt, có lúc ngỡ ngàng tưởng như mình lạc sang một nước khác”.*  (Chữ ta, bài Bản lĩnh Việt Nam của Hữu Thọ)  Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Từ đầu chương trình Ngữ văn 11 đến nay, các em đã được học rất nhiều bài liên quan đế Làm văn. Đoạn văn sử dụng thao tác lập luận so sánh trên là một trong những nội dung của phần LV. Để có cái nhìn tổng thể về làm văn, chúng ta đi vào ôn tập, hệ thống hoá kiến thức cơ bản các bài đã học, đồng thời có cơ sở tích hợp với các phân môn khác để lĩnh hội và tạo lập văn bản trong làm văn. | - HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu: Đ1,Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

**b. Nội dung bài học:** gồm các nội dung: ôn tập các thao tác lập luận và làm bài tập

**c. Sản phẩm**

**I/ Ôn tập về các thao tác lập luận**:

1.Thao tác lập luận phân tích

2.Thao tác lập luận so sánh

3.Thao tác lập luận bác bỏ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung  Thao tác | Quan niệm | Yêu cầu và cách làm |
| So sánh | So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng | Phải đặt đối tượng so sánh trong cùng một bình diện  Đánh giá trên cùng một tiêu chí  Nêu rõ quan điểm của người nói, viết |
| Phân tích | Chia tách tháo gỡ một vấn đề ra thành những vấn đề nhỏ để chỉ ra bản chất của chúng | Phân tích để thấy được bản chất sự vật sự việc.  Phân tích phải đi liền với tổng hợp |
| Bác bỏ | Dùng lí lẽ dẫn chứng để phê phán gạt bỏ những quan điểm và ý kiến sai lệch từ đó nêu ý kiến đúng thuyết phục người đọc người nghe. | Bác bỏ luận điểm hay luận cứ  Phân tích chỉ ra cái sai  Cần phải diễn đạt rành mạch, sáng sủa. |
| Bình luận | Đề xuất ý kiến thuyết phục người đọc người nghe đồng tình với nhận xét đánh giá của mình về đời sống hoặc văn học. | Trình bày rõ ràng trung thực hiện tượng bàn luận  Có những lời bàn sâu rộng  Đề xuất được ý kiến đúng  Nêu được ý nghĩa tác dụng vấn đề |

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học về các thao tác lập luận  **Trong hoạt động :Ôn tập về các thao tác lập luận**:  -GV(lần lượt gọi 4 em) Trong văn nghị luận có các thao tác nào ? Trình bày mục đích, yêu cầu và cách thức tiến hành của các thao tác đó ?cho vd ?  -HS dựa trên sự chuẩn bị soạn bài ở nhà để trả lời cá nhân về 4 thao tác đã học  -GV nhận xét-bổ sung và cho điểm.  HS thống kê, phân loại và hệ thống hoá các bài học phần Làm văn trong SGK Ngữ văn 11:  1. Phân tích lập dàn ý bài văn nghị luận.  2. Thao tác lập luận phân tích  3. Luyện tập thao tác lập luận phân tích  4. Thao tác lập luận so sánh  5. Luyện tập thao tác lập luận so sánh  6. Luyện tập kết hợp thao tác phân tích và so sánh  7. Bản tin  8. Luyện tập viết bản tin  9. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  10. Thao tác lập luận bác bỏ  11. Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ  12. Tiểu sử tóm tắt  13. Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt  14. Thao tác lập luận bình luận  15. Luyện tập vận dụng các thao tác lập luận.  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  HS làm việc cá nhân |

**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT**

**b. Nội dung hoạt động:**

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm**:

**BT1(Tr,124):**

Phan Châu Trinh sử dụng:

+ Thao tác lập luận bác bỏ

+ Thao tác lập luận phân tích

+ Thao tác lập luận bình luận

**BT2/ tr 124**

Phân tích:

- Cơ sở nào đề xuất hiện câu “Thất bị là mẹ thành công”

+ Trải qua thất bại.

+ Biết rút ra bài học kinh nghiệm thực tế.

Bác bỏ:

+ Sợ thất bại nên không dám làm gì

+ Bi quan chán nản khi gặp thất bại

+ Không biết rút ra bài học

Chứng minh …

**BT3/ tr 124**

- Tác giả bác bỏ hạng người không biết sợ cái gì trên đời này. Đấy là quỷ chứ đâu phải là người. Loại người này rất hiếm thực ra không có.

- Tác giả làm xuất hiện loại người thứ hai “Loại người sau đây thì chắc không ít: sợ rất nhiều thứ … đồi bại nhất”. Tác giả đã bác bỏ.

1/Luận điểm được thể hiện trong đoạn văn là: Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện cao nhất của sự đồi bại trong xã hội Truyện Kiều.

2/Các luận cứ:

-Sở Khanh sống bằng một cái nghề tồi tàn.

-Sở Khanh là kẻ tồi tàn nhất trong số những kẻ tồi tàn.

3/Sự kết hợp giữa phân tích và tổng hợp: Sau khi phân tích các biểu hiên cụ thể, sinh động về sự "tồi tàn" của Sở Khanh, tác giả khái quát thành một vấn đề mang tính bản chất của xã hội: "Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HỌC SINH** |
| **Trước hoạt động :**  Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học : Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân ; Ngữ cảnh.  **Trong hoạt động :**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành .  **Nhóm 1:**BT1 (Tr, 124)  **Nhóm 2:** BT2 (Trr, 124)  **Nhóm 3:** BT3(tr, 124)  **Nhóm 4:** BT bổ trợ:   1. ***Đọc kĩ đoạn văn sau, và trả lời các câu hỏi.***   *"Nhưng trong xã hội này, bẩn thỉu và bần tiện thì có lẽ không ai bằng Sở Khanh. Trong các nghề bất chính ngày xưa, có một cái nghề rất tồi tàn là nghề sống bám các thanh lâu, nghề làm chồng hờ của gái điếm. Nhưng trong cái bọn tồi tàn ấy cũng ít ai tồi tàn như Sở Khanh. Sở Khanh vờ làm nhà nho, làm hiệp khách và Sở Khanh vờ yêu để kiếm chác, để đánh lừa một người con gái. Người ấy lại là người vì hiếu thảo mà rơi vào chốn lầu xanh, lại là người đã tỏ ra rất tin, rất đội ơn Sở Khanh. Và Sở Khanh lừa người ta là để người ta bi đánh đập tơi bời, bị ném vào kiếp lầu xanh không cách gì cưỡng lại. Cho nên lúc Tú Bà đuổi tới nơi và Sở Khanh rẽ dây cương biến mất, tâm lí của bất kì ai, dầu hiền lành đến mấy, khi đọc tới đó là: giá có cách gì tóm được Sở Khanh thì cái việc đầu tiên là phải đánh cho một trân. Nhưng cái tàn nhẫn và vô liêm sỉ của Sở Khanh không phải chỉ có thế. Hắn còn đi xa hơn nữa. Sau đó, hắn còn dẫn mặt mo đến, mắng át Kiều và toan đánh Kiều nữa. Cái trò lừa bip và lừa bip xong là trở mặt này lại không phải là chuyện ngẫu nhiên, chuyện một lần. Theo Mã Kiều thì cái chuyện này hắn đã diễn ra không biết lần thứ mấy, hắn đã thành tay nổi tiếng bạc tình. Nhân vật Sở Khanh hoàn thành bức tranh về các nhà chứa. Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này". (Hoài Thanh)*  Câu hỏi:  1/Tìm luận điểm được thể hiện trong đoạn văn.  2/Để làm sáng tỏ luận điểm, tác giả đã phân tích thành những luận cứ nào?  3/Chỉ ra sự kết hợp một cách chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn văn.  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **-- GV chuẩn kiến thức.**  **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.  - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập. | HS làm việc cá nhân  **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p**  **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**  **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu: Đ2, Đ5, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:**

1.Dẫn dắt và nêu vấn đề (tâm lí tuổi trẻ, nhất là học sinh có hứng thú đặc biệt với cái đẹp, cái mới. Trong đó, thời trang học đường có nhĩrng xu hướng và biểu hiện đáng quan tâm và quan điểm, thái độ của bản thân đối với thời trang học đường).

2.Phác hoạ bức tranh chung về thời trang củaa tuốỉ trẻ học đường:

+ Phần lớn học sinh đến trường ăn mặc theo khả năng kinh tế và hướng dẫn ủaa gia đình, nhà trưừng. Những bộ đồng phục học đường với áo sơ mi trắng hoặc áo dài trắng đã được lựa chọn và mức độ cảm mến của học sinh, phụ huynh và các thầy cò giáo đối với những trang phục này.

+ Một bộ phận học sinh chú trương ăn mặc ấn tượng, gây chú ý với mọi ngirời bởi sự "sành điệu", hợp thời, làm nổi bật cá tính,... bắt chước cách ăn mặc của các siêu sao, của những người nổi tiếng.

+ Một số bạn sửa lại bộ đồng phục theo kiểu dáng mà mình thích, mang những chiếc cặp sách, ba lô với đủ các màu sắc, kiểu dáng và những phụ kiện, kín đáo "theo thời",...

3.Suy nghĩ (nhận xét, đánh giá, lựa chọn,...) của bản thân về :

+ Trang phục học sinh (đẹp. theo thời hay đơn giản, phù hợp với điều kiện kinh tế cúa phần đông các gia đình có con đang đi học) và nét đẹp văn hoá học đường (thể hiện nét đẹp trong sáng, hồn nhiên, phù hợp với lứa tuổi, vởi yêu cầu của việc học tập,...);

+ Lứa tuổi học sinh và vấn đề thời trang (tâm lí ham thích cái mới, cái đẹp,...; khả năng tạo dựng hình ảnh cho bản thân bằng những trang phục làm toát lên vẻ đẹp trẻ trung, hợp với xu thế thời đại, năng động, cá tính,... của bản thân ; yêu cầu của việc học tập và những tác động không mong muốn mà thời trang có thể gây ra cho học sinh,...);

+ Những quy định cần thiết về việc ăn mặc khi đến trirờng và sự lựa chọn của bạn chấp hành những quy định về trang phục khi đến trường.

4.Khẳng định lại quan điểm, thái độ của bản thân về vấn đề thời trang học đường.

**d. Các bước dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  Lập dàn ý: Suy nghĩ của anh (chị) về phong cách thời trang của tuổi trẻ học đường hiện nay. | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**HOẠT ĐỘNG** **TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

**a. Mục tiêu: Đ4, V1**

**b. Nội dung hoạt động:** 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm của HS; bài lập dàn ý của HS

**d. Các bước dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Hoạt động của HS** |
| **GV giao nhiệm vụ:**  **+** Vẽ sơ đồ tư duy bài học  **+** Cập nhật những ngữ liệu mang tính thời sự để lập dàn ý bày tỏ suy nghĩ về những vấn đề xã hội đặt ra từ văn bản đó. | - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: |

**III. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11.

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

**Tiết 112-113-114-115 : TT tiết dạy theo KHDH**

**ÔN TẬP NÂNG CAO**

**GV tùy tình hình của lớp mình dạy, chọn nội dung để ôn tập cho các em đảm bảo kiến thức chuẩn bị thi hết HK.**

**GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ ÔN TẬP**

**Đề :**

Nhận định về niềm khát khao tận hưởng sự sống trong bài thơ Vội Vàng của Xuân Diệu, từng có ý kiến cho rằng: đó là tiếng nói của cái tôi vị kỉ tiêu cực. Lại có ý kiến khẳng định: đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực.

Từ cảm nhận của mình về niềm khát khao đó, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

HS làm bài.

GV chữa theo gợi ý sau:

**Mở bài**; Giới thiệu tác giả, tác phẩm và 2 ý kiến .

**Thân bài:**

1. **Giải thích ý kiến:**

* Cái tôi là biểu hiện cao độ của ý thức cá nhân, xuất hiện khi con người có nhu cầu được là chính mình.
* Cái tôi vị kỉ tiêu cực là cái tôi nhất nhất chỉ vì mình, đề cao mình một cách cực đoan, bất chấp tất cả.
* Cái tôi tích cực là cái tôi với những khát vọng nhân bản chính đáng, hướng đến những giá trị nhân văn, lành mạnh.

1. **Cảm nhận niềm khát khaon tận hưởng sự sống trong Vội vàng:**

**-**Cái tôi bám riết , say sưa tận hưởng cuộc sống trần thế, thể hiện quan niệm mới mẻ về mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu.

Xuân Diệu nhìn đời bằng đôi mắt đa tình, nên hình ảnh thiên nhiên và cuộc sống luôn mang vẻ đẹp xuân tình. Cuộc sống đầy ngọt ngào, tươi tắn, đẹp đẽ, gợi cảm và đầy xuân sắc: “tuần tháng mật”; “đồng nội xanh rì”; “khúc tình si”; “cặp môi gần”.

**-**Cái tôi đó ngay trong lúc say sưa với mùa xuân đã ý thức được sự chảy trôi của thời gian, sự hữu hạn của kiếp người. Do đó XD khát khao tận hưởng vẻ đẹp cuộc đời đến cuồng nhiệt, giục giã moi người hãy gấp gáp tận hưởng ngay khi còn có thể, trân trọng từng giây phút của cuộc đời bằng tâm thế sống vội vàng, cuống quýt.

1. **Bình luận về 2 ý kiến:**

**\**Bác bỏ ý kiến cho rằng đó là tiếng nói của cái tôi vị kỉ tiêu cực:***

- Quan điểm này xuất phát từ quan niệm cũ, quá đề cao cái ta mà xem nhẹ cái tôi, cho rằng mọi tiếng nói của cái tôi đều là tiêu cực, đồng nhất sự hưởng thụ chính đáng của con người với lối sống cá nhân chủ nghĩa.

- Thể hiện định kiến hẹp hòi với sự trân quý bản thân, đồng nhất việc tận hưởng cuộc sống lành mạnh, tích cực với lối sống gấp theo chủ nghĩa hưởng lạc.

***\* Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến cho đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực:***

- Ý kiến xuất phát từ quan niệm đúng đắn, coi trọng quyền sống chính đãng của con người cá nhâ, vì thế đã nhận ra tính nhân bản trong niềm khát khao tận hưởng cuộc sống của cái tôi trong Vội vàng, xem đó là biểu hiện mãnh liệt của cái tôi cá nhân tích cực. Nhận ra niềm khát khao tận hưởng cuộc sống của XD xuất phát từ sự trân quý từng phút giây của cuộc sống, nâng niu từng cái đẹp của cuộc đời, là biểu hiện tình yêu cuộc sống tha thiết.

- Trong thời đại thơ mới, khát khao tận hưởng cuộc sống của cái tôi XD có ảnh hưởng sâu sắc tích cực đến ý thức cá nhân, lòng yêu đời, yêu cuộc sống của con người, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.

***4. Nhận định chung***

-“Vội vàng” là lời giục giã hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, hãy quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời mình, nhất là những tháng năm tuổi trẻ của một hồn thơ yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt.

-Tư tưởng đó được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật điêu luyện: sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí, giọng điệu say mê, sôi nổi, những sáng tạo độc đáo về ngôn từ và hình ảnh thơ.

**Kết bài:** **Khái quát lại vấn đề.**

**ĐỀ 2: So sánh cái tôi trong bài *Vội vàng* và *Tràng giang***

Về bài thơ *Vội vàng* - Xuân Diệu:

**1. Tình yêu cuộc sống say mê, tha thiết của nhà thơ.**

- 4 câu mở đầu: Thể hiện cái tôi khát vọng muốn núi héo làm ngưng sự vận động của thời gian, vũ trụ để giữ mãi hương sắc của mùa xuân, tuổi trẻ.Tôi muốn “Tắt nắng” “buộc gió”--> Điệp từ, câu ngắn trùng lặp cấu trúc

=> Lấy cái tôi chủ quan để thay đổi quy luật tự nhiên. Quả là ý tưởng táo bạo, xuất phát từ một trái tim yêu cuộc sống đến tha thiết say mê.

- Nhà thơ vui sướng, ngây ngất trước hương sắc của cuộc đời đầy quyến rũ, sự phong phú và giàu có của thiên nhiên, cuộc sống, tuổi trẻ.

+ Cảnh vật hiện lên dưới con mắt của nhà thơ thật phong phú, rực rỡ, tươi đẹp và đầy nhựa sống. Tuần tháng mật Hoa đồng nội Này đây Lá cành tơ yến anh, khúc tình si ánh sáng Thần vui hằng gõ cửa

--> Điệp từ, nhân hoá

+ Cảm giác hạnh phúc được nhà thơ thể hiện qua câu thơ táo bạo, so sánh độc đáo “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”

=> Xuân Diệu đã vật chất hoá thời gian, câu thơ không chỉ gợi hình thể mà còn gợi cả hương thơm vị ngọt khiến người ta đắm say, ngất ngây.

**2. Nỗi băn khoăn trước thời gian và cuộc đời**

- Niềm vui sướng như khựng lại khi Xuân Diệu nhận ra giới hạn của thời gian: “Tôi sung sướng nhưng vội vàng một nữa” Nhà thơ cảm thấy buồn bã, lo sợ, tiếc nối khi ý thức được sự trôi chảy xủa thời gian:

"Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già

Và Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất

Lòng tôi rộng nhưng lượng đời cứ chật...

Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn

Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại"

=> Với điệp từ “Xuân” kết hợp với những cặp từ đối lập tạo thành một nỗi day dứt một niềm tiếc nối khôn nguôi.

- Xuân Diệu biết mùa xuân rồi sẽ tàn phai, tuổi trẻ rồi cũng trôi qua. Cho nên trong cái tươi đẹp mơn mớn của nó tác giả đã nhìn thấy sự tàn úa.

+ Điệp từ “Nghĩa là” vừa như muốn giải thích nhưng ẩn sau đó là một nỗi lo lắng, hốt hoảng trước sự trôi chảy của thời gian.

+ Đối lập: làm tăng sự lo lắng khi nhận thấy cái hữu hạn của đời người và cái vô hạn của thời gian.

+ Cảnh vật như lao nhanh tới sự tàn phá, héo úa và chia phôi. Tâm trạng của nhà thơ có phần nào đó rơi vào sự tuyệt vọng.“Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa…”

**3. Khát vọng sống, khát vọng yêu đương cuồng nhiệt hối hả.**

- Đang chìm đắm trong đau buồn, tuyệt vọng nhà thơ chợt nhận ra thời gian của tuổi xuân vẫn còn nên lên tiếng giục giã:“mau đi thôi! Mùa chưa ngã chiều hôm”

- Tác giả vội vàng, gấp gáp muốn tận hưởng tất cả cuộc sống, tình yêu, tuổi trẻ, hạnh phúc.Ta muốn : ôm, riết, say, thâu, cắn vào: non nước, cỏ cây, gió mây, sự sống, xuân hồng .

+ Với nhịp thơ dồn dập, ngắt nhịp linh hoạt, câu mệnh lệnh trực tiếp biểu cảm khát vọng sôi nổi của trái tim nhà thơ.

+ Hình ảnh phong phú tượng trưng cho thanh sắc của thời gian: sự sống mơn mỡn, mây đưa gió lượng, cánh bướm tình yêu, mùi thơm ánh sáng…

+ Tình yêu nống nàn, khoẻ khoắn cao độ được biểu hiện bằng nhiều động từ liên tiếp: ôm, riết, say, thâu. Nhiều tính từ: chuếnh choáng, no nê, đã đầy…

+ Nhà thơ cảm nhận niềm hạnh phúc bằng tất cả các giác quan, trạng thái say mê, ngây ngất.

+ Từ ngữ, hình ảnh táo bạo ở câu cuối cho thấy Xuân Diệu rất say mê cuộc sống, khát khao và muốn tận hưởng tình yêu, hạnh phúc ngay trên chính cuộc đời này.

- Bài thơ thể hiện tư tưởng nhân sinh quan tích cực của tác giả, lòng yêu cuộc sống, yêu đời, yêu tuổi trẻ một cách mãnh liệt, cuồng nhiệt.

- Bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Diệu: Cảm nhận thiên nhiên tinh tế, sử dụng điệp ngữ so sánh độc đáo, hình ảnh thơ khoẻ khoắn, nồng nàng, từ ngữ gợi cảm, táo bạo.

Về bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận

**1. Nhan đề và lời đề từ - Nhan đề:**

+ Ban đầu có tên “chiều bên sông” gắn với bút pháp tả thực, sau đổi thành “Tràng giang”.

+ Tràng giang: âm hưởng từ hán-Việt gợi không khí cổ kính và đầy tính khái quát: không chỉ gợi sự mênh mông bát ngát của không gian mà còn gợi nỗi buồn mênh mang rợn ngợp.

- Lời đề từ: Thâu tóm khá chính xác và tinh tế cả tình (bâng khuâng, thương nhớ) và cảnh (trời rộng, sông dài) của bài thơ.

**2. Bức tranh thiên nhiên**

- Không gian:mênh mang, bao la, rộng lớn “Trời rộng sông dài” .

- Cảnh vật: hiu quạnh, hoang vắng, đơn lẻ, hiu hắt buồn:

+ Hình ảnh mang đậm màu sắc cổ điển: sóng, con thuyền, cồn nhỏ đìu hiu, bến cô liêu…Mây đùn núi bạc, cánh chim nghiêng Đây là những thi liệu quen thuộc trong thơ đường, tống. Những hình ảnh ấy gợi lên một sự vắng vẽ, lặng lẽ, buồn

+ Thế nhưng bức tranh "Tràng giang" vẫn gần gũi, thân thuộc với mọi tấm lòng Việt Nam bởi: “cành củi khô”, “tiếng làng xa vẫn chợ chiều”Đó là những âm thanh , hình ảnh của cuộc sống con người của miền quê Việt Nam

- Sự đối lập giữa bao la mênh mông của trời nước với vạn vật nhỏ nhoi tạo nên cảm giác lạc lỏng con người cảm thấy cô đơn, bơ vơ. Bao trùm bài thơ là một giọng điệu buồn. Dường như nỗi buồn đã thấm sâu vào cảnh vật.

**3. Tâm trạng nhân vật trữ tình (nỗi lòng của nhà thơ)**

- Nhà thơ cảm thấy cô đơn nhỏ bé trước mênh mông sông nước đất trời, không một niềm hi vọng của sự gần gũi, thân mật: “Đâu tiếng làng xa vẫn chợ chiều”, “Bến cô liêu”; “không cầu”;“không chuyến đò” - Những hình ảnh ấy gợi lên sự cô đơn lẽ loi của con người trước vũ trụ bao la.

- Nhìn cảnh vật trôi trên dòng sông nhà thơ cảm thấy thấm thía sâu sắc hơn sự trôi nổi của kiếp người.

“Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

“Bèo giạt về đâu hàng nối hàng”

Nỗi buồn của thi nhân chính là nỗi buồn mang tính thời đại.

- Thời đại thơ mới - thời đại con người mất nước, mất tự do, cuộc sống chỉ là hư ảo, mộng mị, sống không có lí tưởng, không tương lai hạnh phúc. Đây có thể coi là “nỗi buồn đẹp”: “Tràng giang đã dọn đường cho lòng yêu giang san đất nước” (*Xuân Diệu*).

**4. Những đặc sắc nghệ thuật**

Cảnh vật vừa mang nét cổ kính thường gặp trong thơ đường, vừa gần gũi thân thuộc đối với con người Việt Nam.

+ Những hình ảnh mang nét đẹp cổ kính:. Nhan đề: 2 âm Hán - Việt. Câu thơ: “Trên sông khói sóng cho buồn…gợi nhớ câu thơ Thôi Hiệu:“Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”. Phương thức biểu đạt của thơ Đường: Vô hạn thiên nhiên đối lập với hữu hạn của con người, Cái nhất thời đối lập với cái vĩnh hằng

+ Thế giới bài thơ là thế giới thân thuộc của đồng quê, của non sông đất nước Việt Nam.

**5. Chủ đề bài thơ thể hiện nỗi bâng khuâng trước cảnh trời rộng sông dài của người lữ khách và bài thơ cũng là nỗi buồn thời đại, bộc lộ tình yêu quê hương đất nước của Huy Cận.**

Nói tóm lại là: Rõ ràng ai cũng nhận thấy rằng bài thơ *Vội vàng* có nội dung chủ đạo là: lời thúc giục sống nhanh, sống để tận hưởng hết những thi vị của cuộc đời vì. Đó là tấm lòng yêu cuộc sống, yêu đời tha thiết của tác giả. Trong từng câu thơ của ông, ta bắt gặp gặp được sự chuyển dời, sự trôi qua của thời gian.....dễ dàng là qua các từng ngữ chỉ thời điểm ví dụ như tháng giêng, tháng năm, mùa xuân.....v...v ..và hơn nữa là ở hình ảnh thơ....."Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?" ....v...v..

Từ đó, tác giả đã đưa ra quan niệm sống rất tích cực. Phân tích ở những đoạn nói về thời gian rõ nét ví dụ như:Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,..v...v....Tóm lại bạn hãy tìm những câu thơ có sự chuyển dời về thời gian để làm dẫn chứng cho bài luận, cả mạch thơ và đoạn thơ có một sự thống nhất sau đó đưa ra quan niệm sống đúng đắn mà tác giả muốn gửi gắm...v...v

Còn về bài thơ tràng giang có lẽ ta thấy ngay quan điểm: "Huy Cận là nhà thơ của không gian" là rất đúng đắn. Bởi vì ngay ở tiêu đề của tác phẩm.......Tràng giang đã gợi ra một không gian mênh mông rộng lớn. " Tràng" là đọc chệch từ "trường" nhưng tại sao tác giả lại dùng từ "tràng" bởi vì dùng âm vần "ang" sẽ tạo được cảm giác ngân dài, mênh mang, vang vọng, ko gian lại càng mở ra rộng lớn hơn....Còn ở các câu thơ thì tác giả đưa ra những hình ảnh, những điểm nhìn ko gian từ bao quát đến chi tiết.......từ lớn đến nhỏ, hình ảnh vạn vật mở ra theo nhiều chiều, trên dưới, dọc, ngang. Nhờ đó mà người đọc, người nghe càng thấy không gian thêm rộng lớn.

Từ những phân tích riêng lẻ của hai tác phẩm trên, các em học sinh có thể ***so sánh cái tôi trong Vội vàng và Tràng giang*** có những điểm giống nhau nhưng lại vẫn rất khác biệt, vẫn rất riêng: Cảm nhận thiên nhiên, tình yêu quê hương, tình yêu tuổi trẻ, tính thời cuộc của mỗi tâm tư...

Không chỉ so sánh cái tôi trong Vội vàng và Tràng giang, nhiều đề bài còn liên hệ cả 3 tác phẩm: **Vội vàng, Tràng giang, Đây thôn Vĩ Dạ** bởi 3 tác phẩm đại diện cho 3 phong cách khác nhau trong cùng một thời kì đất nước còn đang lầm than, vất vả.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**CHỦ ĐỀ: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP TRONG HÈ**

**Tiết: 115 – 116. TT tiết dạy theo KHDH**

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP TRONG HÈ**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp học sinh :

1. **Kiến thức**

- Hệ thống lại toàn bộ kiến thức trong chương trình lớp 11 gồm 3 phần: văn học, tiếng Việt và Làm văn.

**2. Kĩ năng**

- Hệ thông hóa kiến thức bằng bảng tổng hợp, trong đó có sự so sánh đối chiếu.

- Rèn luyện các kĩ năng về đọc – hiểu văn bản văn học, sử dụng tiếng Việt và kĩ năng làm văn.

**3.Thái độ**

Nghiêm túc trong quá trình ôn tập.

**4. Định hướng các năng lực cần hình thành cho HS**

**-** Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề (giải quyết các câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ, yêu cầu mà giáo viên đề ra).

+ Năng lực tự học, tự khám phá tri thức, thu thập thông tin.

+ Năng lực hợp tác (phối hợp với các thành viên để giải quyết các câu hỏi, bài tập khó, sưu tầm tài liệu…)

+ Năng lực sáng tạo

+ Năng lực tự quản bản thân.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt:: trình bày, suy nghĩ , cảm nhận về những tri thức cơ bản về VHVN hiện đại và VH NN.

+ Năng lực tổng kết, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản của chương trình Ngữ văn 11 đã học.

**II. SỰ CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Giáo viên**:

- SGK ngữ văn 11 tập 2, SGV ngữ văn 11 tập 2.

- Thiết kế giáo án; Bài giảng điện tử.

**2. Học sinh**:

-SGK; bài soạn.

- Bảng hệ thống HS tự soạn, bảng phụ.

**III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Định hướng nội dung ôn tập**

**A. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**1. Ôn tập – luyện tập các biện pháp tu từ về từ và ngữ pháp**

**a. Ôn tập lý thuyết về các biện pháp tu từ về**

**- Từ:**So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, đối lập, nói giảm nói tránh – nói quá, điệp từ,chơi chữ**, …**

**- Câu (Ngữ pháp):**Câu hỏi tu từ, đối, lặp cấu trúc cú pháp, liệt kê, điệp ngữ, đảo ngữ, ...….

**Ở các phương diện:**

* Khái niệm
* Đặc trưng – nhận biết.
* Tác dụng

**b. Luyện tập các biện pháp tu từ về từ, câu:**

**Tìm và chỉ ra tác dụng biểu đạt của các biện pháp tu từ trong các đoạn văn bản dưới đây:**

-Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

*Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng*

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

*Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.*

*( Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)*

*-- Từ những năm  đau thương chiến đấu*

Ðã ngời lên nét mặt quê hương

*Từ gốc lúa bờ tre hiền hậu*

*Ðã bật lên tiếng thét căm hờn.*

***( Ðất nước- Nguyễn Ðình Thi )***

-- Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta*càng nhân nhượng, thực dận Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.*

*Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ .*

                                                ( Hồ Chí Minh )

-*Hãy thù ghét*

*mọi ao tù*

*nơi thân ta rữa mục*

*mọi thói quen*

*nếp nghĩ – mù lòa!*

*Hãy sống như*

*những con tàu*

*phải lòng*

*muôn hải lý*

*mỗi ngày*

*bỏ*

*sau lưng*

*nghìn hải-cảng-mưa-buồn!…”*

(Bài thơ Việt Bắc- Trần Dần)

**2. Ôn tập – luyện tập về phong cách ngôn ngữ văn bản**

**a.Ôn tập lý thuyết về các phong cách ngôn ngữ  (PCNN):** PCNN Sinh hoạt, PCNN nghệ thuật, PCNN báo chí, PCNN chính luận về các phương diện:

- Khái niệm

-Đặc trưng

-Nhận biết

**b. Luyện tập về các PCNN**

Xác định PCNN của các văn bản dưới đây:

-   “Thưa quý vị! Đã phải trải qua những cuộc chiến tranh ngoại xâm tàn bạo và đói nghèo cùng cực nên khát vọng hòa bình và thịnh vượng của Việt Nam chúng tôi càng cháy bỏng. Chúng tôi luôn nỗ lực tham gia kiến tạo hòa bình, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh của chúng ta. Việt Nam đã sẵn sàng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ. Chúng tôi sẵn lòng đóng góp nguồn lực, dù còn nhỏ bé, như sự tri ân đối với bạn bè quốc tế đã giúp chúng tôi giành và giữ độc lập, thống nhất đất nước, thoát khỏi đói nghèo. Việt Nam đã và sẽ mãi mãi là một đối tác tin cậy, một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế…”.           (Trích Bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trước phiên thảo luận cấp cao của Đại Hội đồng LHQ khóa 68 )

**-***Chị Phan Ngọc Thanh (người Việt) cùng chồng là Juae Geun (54 tuổi) đã làm nhân viên lau chùi trong khu chung cư được 5 năm. Họ có 2 con: con trai lớn 6 tuổi, bé gái 5 tuổi. Ước mơ đổi đời đã đưa họ lên chuyến phà tới Jeju. Phà SeWol gặp nạn và gia đình chị chỉ có một chiếc áo phao duy nhất.  Trong khoảnh khắc đối mặt giữa sự sống và cái chết họ quyết định mặc chiếc áo phao duy nhất cho cô con gái nhỏ và đẩy bé ra khỏi phà. Bé được cứu sống nhưng hiện nay những nhân viên cứu hộ vẫn chưa tìm thấy người thân của bé.*(Web. Pháp  luật đời sống. Ngày 16/4/2014)

-*Gửi con trai,*

*Trong cuộc sống hôm nay, quá nhiều người thành đạt và thông minh, những tiêu chuẩn đánh giá một "người tốt" dường như không còn được chú ý quá nhiều. Người ta có thể điên cuồng theo đuổi thành công, sự giàu có, nhưng cha nguyện cầu con sẽ trở thành người đàn ông như con mong muốn và đừng quên lời cha dặn:*

*1. Đừng ghét bỏ những người không tốt với con. Trong xã hội này, không ai có trách nhiệm phải đối tốt với con, ngoại trừ cha và mẹ con.*

*Với những người tốt với con, hãy trân trọng và cảm ơn họ. Nhưng con cũng nên thận trọng, bởi ít ai hành động mà không có động cơ. Ai đó tốt với con, không có nghĩa là anh ta hoàn toàn yêu quý con vô tư. Hãy cẩn thận trước khi coi anh ta là một người bạn thực sự.*

*2. Không ai là không thể thiếu, không điều gì trên thế giới này nhất định phải là của con. Một khi hiểu điều này, con sẽ bước đi trong cuộc đời dễ dàng hơn khi mọi người xung quanh dần rời đi, khi những người thân yêu nhất của con không còn nữa.*

*3. Cuộc sống rất ngắn ngủi. Lãng phí thời gian hôm nay, ngày mai con sẽ phải trả giá. Càng trân trọng cuộc sống, con càng sống tốt hơn.*

*4. Tình yêu chỉ là cảm xúc thoáng quá, nó có thể phai nhạt theo thời gian và tâm trạng của con. Nếu như người con yêu rất nhiều rời đi, hãy kiên nhẫn, thời gian sẽ xóa dần nỗi buồn và sự đau đớn. Đừng đắm chìm quá sâu vào vị ngọt của tình yêu, đừng vùi mình trong nỗi buồn khi tình yêu rời bỏ con.*

*5. Rất nhiều người thành công không học hành nhiều, nhưng không có nghĩa là con giống họ. Mọi kiến thức con tích lũy sẽ trở thành vũ khí cho cuộc sống của con. Người ta có thể từ nghèo hèn trở nên giàu có, nhưng trước tiên họ phải bắt đầu hành động.*

….

**-**Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may   
Áo em sơ ý cỏ găm đầy   
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói   
Ai biết lòng anh có đổi thay

(Hoa cỏ may – Xuân Quỳnh)

**B. ÔN TẬP LÀM VĂN**

**1. Ôn tập – luyện tập các phương thức biểu đạt**

**a. Ôn tập các phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm, miêu tả, thuyết minh, nghị luận, hành chính công cụ ở các phương diện**

**-**Khái niệm

-Đặc trưng

**b. Luyện tập các phương thức biểu đạt**

**Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn văn bản sau và chỉ ra phương thức biểu đạt nào là phương thức chính?**

**-**Tôi kể ngày xưa chuyện Mỵ Châu   
Trái tim lầm chỗ để trên đầu   
Nỏ thần vô ý trao tay giặc   
Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu...

(Tâm sự - Tố Hữu)

-Tôi có đọc bài phỏng vấn Ngô Thị Giáng Uyên, tác giả cuốn sách được nhiều bạn trẻ yêu thích “Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương”. Trong đó cô kể rằng khi đi xin việc ở công ti Unilever, có người hỏi nếu tuyển vào không làm marketing mà làm sales thì có đồng ý không. Uyên nói có. Nhà tuyển dụng rất ngạc nhiên bởi hầu hết những người được hỏi câu này đều trả lời không. “Tại sao phỏng vấn marketing mà lại làm sales ?”. Uyên trả lời: “Tại vì tôi biết, nếu làm sales một thời gian thì bộ phận  marketing sẽ muốn đưa tôi qua đó, nhưng đã quá muộn vì  sales không đồng ý cho tôi đi.”

            Chi tiết này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về diễn viên Trần Hiểu Húc. Khi đó cô đến xin thử vai Lâm Đại Ngọc, đạo diễn Vương Phù Lâm đã đề nghị cô đóng vai khác. Hiểu Húc lắc đầu “Tôi chính là Lâm Đại Ngọc, nếu ông để tôi đóng vai khác, khán giả sẽ nói rằng Lâm Đại Ngọc đang đóng vai một người khác.” Đâu là điều giống nhau giữa họ? Đó chính là sự tự tin. Và tôi cho rằng, họ thành công là vì họ tự tin.

            Có thể bạn sẽ nói: “Họ tự tin là điều dễ hiểu. Vì họ tài năng, thông minh, xinh đẹp. Còn tôi, tôi đâu có gì để mà tự tin”  Tôi không cho là vậy. Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo… mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có trong mình những giá trị nhất định.

(Theo Phạm Lữ Ân – Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, 2012)

**2. Ôn tập- Luyện tập các thao tác lập luận**

**a. Ôn tập các thao tác lập luận**: So sánh, bác bỏ, bình luận, phân tích

- Khái niệm

-Cách lập luận

**b. Luyện tập các thao tác lập luận**

**Xác định các thao tác lập luận trong các đoạn văn bản dưới đây và chỉ ra thao tác lập luận chính của đoạn?**

**-**Nhiều người cho rằng có tiền là có tất cả. Tiền bạc quả thật có sức mạnh lớn lao. Nhưng tiền bạc không phải là vạn năng.

Nó có thể mua được chiếu giường, nhưng không mua được giấc ngủ.

Nó có thể mua được châu ngọc, nhưng không mua được sắc đẹp

Nó có thể mua được giấy bút, nhưng không mua được ý thơ

Nó có thể mua được nhà cửa, nhưng không mua được gia đình

Nó có thể mua được thức ăn, nhưng không mua được sự ngon miệng

Nó có thể mua được trò chơi, nhưng không mua được niềm vui

Nó có thể mua được xu nịnh, nhưng không mua được lòng trung thành

Nó có thể mua được cánh hẩu, nhưng không mua được tình bạn

Nó có thể mua được sự phục tùng, nhưng không mua được lòng kính trọng

Nó có thể mua được quyền thế, nhưng không mua được trí tuệ

Nó có thể mua được thể xác, nhưng không mua được tình yêu

Nó có thể mua được vũ khí, nhưng không mua được hòa bình.

(Theo Thác-cơ-rê, dẫn theo Ngữ văn 11 Nâng cao, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 17)

**-**“Tiếng suối trong như tiếng hát xa”… Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền (suối ngọc). Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải ngẫu nhiên. Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc. Tiếng hát của một danh ca Pháp từng thích nghe thời trẻ, đến tuổi bảy mươi Bác còn nhờ chị Mađơlen Rípphô tìm lại hộ. Tiếng suối ngàn của đất nước hay đó là tiếng hát của trái tim người nghệ sĩ yêu đời.(Lê Trí Viễn)

**-***Tục ngữ là lý lẽ.*Lý lẽ thì muôn hình vạn trạng, có thể tìm thấy cách nói ngắn gọn tương đương ở dạng tục ngữ. Để nói “lòng dạ con người thay đổi khôn lường”, chúng ta có câu ca dao-tục ngữ “Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm/ Trời còn thay đổi huống mồm thế gian”. Có hàng loạt tục ngữ nói về quan hệ nhân quả. Bình luận về một con người bạc ác, hay hãm hại người khác, chúng ta nói *Nó hay hại người, tất có người hại nó*. Câu này là lập luận dựa trên lý lẽ về thuyết nhân quả *“gieo gió thì gặt bão”, “sinh sự thì sự sinh”*. Một gia đình trước kia giàu có, quyền cao chức trọng nhưng ăn ở với mọi người không ra gì, hống hách, kiêu bạc… sau đó đời con cháu bị sa sút, trở nên nghèo hèn, người ta có thể bình luận *“Đời cha ăn mặn, đời con khát nước mà”*. Có hàng loạt những lời ngợi khen chê trách, ban thưởng hay trừng phạt, khuyến khích hay can ngăn… cũng đều dùng tới lý lẽ về quan hệ nhân quả “*có chí thì nên”, “có công mài sắt có ngày nên kim”, “hay đi đêm tất có ngày gặp ma”, “giậu đổ bìm leo mà !”…*

Tục ngữ  phản ánh nhận thức con người về quy luật xã hội và tự nhiên, quy luật về những mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng. Chúng là lý lẽ, triết lý của một cộng đồng xã hội, của một dân tộc. Vì vậy tục ngữ là kho tàng lý lẽ về mọi phương diện của cuộc đời người sống trong trời đất.

**C. ÔN TẬP VĂN HỌC**

**1. Ôn tập kiến thức về :**

**- Khái quát văn học 1930-1945**

**- Tác giả- tác phẩm tiêu biểu của bộ phận – xu hướng văn học**

**+Văn học lãng mạn:**Vội vàng – Xuân Diệu, Tràng Giang- Huy Cận, Đây thôn vĩ dạ \_ Hàn Mặc Tử, Chữ Người tử tù – Nguyễn Tuân, Hai đứa trẻ -Thạch Lam.

**+Văn học hiện thực phê phán:**Chí Phèo – Nam Cao, Hạnh phúc của một tang gia – Vũ Trọng Phụng, Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài.

**+Văn học cách mạng:**Từ ấy – Tố Hữu, Chiều tối – Hồ Chí Minh.

**2.Một số đề thường gặp**

-Phân tích hình ảnh thiên nhiên và con người phố huyệnnghèo lúc chiều tối trong truyện ngắn

-V[ì sao chị em Liên trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam đêm nào cũng cố thức để được nhìn chuyên tàu đi qua,Thạch Lam muốn nói gì với người đọc?](http://loigiaihay.com/tam-trang-doi-tau-cua-hai-dua-tre-va-nhung-dan-pho-huyen-trong-truyen-ngan-hai-dua-tre-c38a760.html)

[Chất hiện thực và chất lãng mạn trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam](http://loigiaihay.com/chat-hien-thuc-va-chat-lang-man-trong-truyen-ngan-hai-dua-tre-c38a770.html)

-Phân tích nhân vật Huấn Cao

- Phân tích viên quản ngục

- Phân tích cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục trong truyện ngắn Chữ người tử tù

- Cảm nhận của anh/ chị về ánh sáng và bóng tối trong Hai Đứa trẻ và Chữ người tưt tù.

- Phân tích nghệ thuật trào phúng đặc sắc trong đoạn trích Hạnh phúc của một tang gia thuộc chương XV tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng.

- Phân tích các chân dung biếm họa trong “Hạnh phúc của một tang gia”

- Phân tích diễn biến tâm trạng Chí Phèo trong truyện ngắn: “Chí Phèo” của Nam Cao từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời để làm nổi rõ bi kịch của nhân vật này.  
- [Phân tích bi kịch của nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao](http://chatyoyo.vn/goc-hoc-tap-c41/van-mau-box147/phan--tich-bi-kich-cua-nhan-vat-chi-pheo-trong-tac-pham-cung-ten-cua-nam-cao-t23851-page1.html)

- Đọc *Chí Phèo* của Nam Cao, có ý kiến cho rằng: *“Bi kịch của Chí Phèo là bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người”,* lại có ý kiến khẳng định: *“Bi kịch của Chí Phèo, hơn thế, còn là bi kịch con người tự từ chối quyền làm người.”*

- *Kết thúc tác phẩm “ Chí Phèo” của Nam Cao là chi tiết:*

*…“ Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua…”*

*Suy nghĩ của anh/ chị về chi tiết kết thúc trên?*

*-*Giá trị hiện thực và nhân đạo trong truyện Chí Phèo

- Từ cách nhìn của Thị Nở đối với nhân vật Chí Phèo (*Chí Phèo*– Nam Cao), nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên đã liên hệ đến thiên chức của người nghệ sĩ. Và ông đã quả quyết rằng : *Nhà văn như Thị Nở*.

Anh/ chị hãy bàn về quan niệm trên và chứng minh rằng với tác phẩm *Chí Phèo*, Nam Cao đã làm tròn thiên chức của một nhà văn.

- P[hân tích những mâu thuẫn trong đoạn trích *Vĩnh Biệt Cửu Trùng Đài*của Nguyễn Huy Tưởng và bày tỏ ý kiến về cách thức giải quyết mâu thuẫn trong đoạn trích](http://loigiaihay.com/phan-tich-nhung-mau-thuan-trong-doan-trich-vinh-biet-cuu-trung-dai-nguyen-huy-tuong-c38a1142.html)

- Phân tích nhân vật Vũ Như Tô trong *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*  
- Cảm nhận của anh, chị về sự tương đồng và nét độc đáo của hai nhân vật Huấn Cao (Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân) và Vũ Như Tô (Vĩnh biệt Cửu Trùng đài – trích Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng).”

- [Cảm nhận về bài thơ Vội Vàng của Xuân Diệu](http://loigiaihay.com/cam-nhan-ve-bai-tho-voi-vang-cua-xuan-dieu-c30a18664.html)

- Cảm nhận về niềm khát khao tận hưởng sự sống trong bài thơ Vội vàng có ý kiến cho rằng đó là cái tôi vị kỷ, có ý kiến cho rằng đó là cái tôi tích cực khao khát tận hưởng cuộc sống. Bằng hiểu biết về vội vang, anh/ chi bình luận ý kiến trên?

- Cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên trong bài thơ 'Vội vàng’ của Xuân Diệu

- Nhạc tính trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu.

--Cảm nhận bài thơ

- vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong bài thơ

- Không gian nghệ thuật trong bài thơ Tràng Giang của Huy Cận.

- Phân tích cái tôi trữ tình trong  bài thơ “Tràng Giang” – Huy Cận

-: Bàn về bài Tràng giang của Huy Cận, nhà nghiên cứu Nguyễn Hoành Khung đã khẳng định:“Bài thơ đã bộc lộ kín đáo mà thấm thía tình quê hương đất nước”.(Văn 11, NXB Giáo dục, Hà Nội 1997, tr. 238)

-Phân tích khổ thơ đầu bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ

- Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên đất nước qua bài thơĐây thôn Vĩ Dạ

- Thời gian và tâm sự của tác giả trong Đây thôn Vĩ Dạ

- Cảm nhận bài thơ Chiều tối

- [Chất cổ điển và hiện đại trong bài thơ Chiều tối ( Mộ) - Hồ Chí Minh](http://chatyoyo.vn:8080/goc-hoc-tap-c41/van-mau-box147/chat-co-dien-va-hien-dai-trong-bai-tho-chieu-toi--mo--ho-chi-minh-t24211-page1.html)

-  Đọc Nhật kí trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ Hoàng Trưng Thông viết:  
Vần thơ của Bác vần thơ thép  
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.Cảm nhận của anh (chị) về chất thép và chất tình trong bài thơ đã học của Bác: Chiều tối. Từ chất thép, chất tình đó, anh (chị) hiểu được gì về con người Bác và phong cách thơ Hồ Chí Minh.

- Vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong hai bài thơ *Tràng giang* (Huy Cận) và *Chiều tối* (Hồ Chí Minh)

- [Phân tích bài thơ Từ ấy của Tố Hữu để thấy tâm trạng của một thanh niên say mê lí tưởng.](http://loigiaihay.com/phan-tich-bai-tho-tu-ay-cua-to-huu-de-thay-tam-trang-cua-mot-thanh-nien-say-me-li-tuong-c38a813.html)

- Em hãy phân tích khổ 1 bài thơ Từ Ấy của Tố Hữu để nhận thấy sự mãnh liệt trong tâm hồn người thanh niên khi được Đảng dẫn đường, đồng thời phân tích những biện pháp nghệ thuật tác giả sử dụng trong đoạn thơ?

- Nêu cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn thơ sau :

*“ Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn,*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,*

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,*

*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*

*Và non nước, và cây, và cỏ rạng,*

*Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,*

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi,*

*– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!”*

(Vội vàng – Xuân Diệu)

*“Tôi buộc lòng tôi với mọi người*

*Để tình trang trải với trăm nơi*

*Để hồn tôi với bao hồn khổ*

*Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.*

*Tôi đã là con của vạn nhà*

*Là  em của vạn kiếp phôi pha*

*Là anh của vạn đầu em nhỏ*

*Không áo cơm, cù bất cù bơ…”*

(Từ ấy – Tố Hữu)

-Hãy phân tích vẻ đẹp của hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong hai bài thơ Chiều tối (Hồ Chí Minh) và Từ ấy (Tố Hữu).

**D. ÔN TẬP VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC**

**1. Ôn tập một số thể loại văn học: Thơ, truyện, kịch.**

- Khái niệm

- Yêu cầu đọc văn bản thơ, truyện, kịch.

**2. Luyện tập:**Vận dụng các bước đọc thơ, truyện , kịch vào các văn bản đã học để đọc hiểu

**IV HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

\*HS về nhà cần nắm vững hệ thống các kiến thức về: Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn.

\*Hoàn thành các bài tập.

**V. RÚT KINH NGHIỆM**